

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7505 /UBND-KT

Bình Định, ngày 25 tháng 9 năm 2024

V/v Đề xuất dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 4091/BKHĐT-KTĐN ngày 29/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự thảo Đề xuất dự án hệ thống hạ tầng thoát nước, xử lý nước thải tỉnh Bình Định (giai đoạn 1) vay vốn AFD, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định: (i) xin giải trình ý kiến tham gia góp ý Đề xuất dự án của các Bộ, ngành; (ii) đồng thời gửi Đề xuất dự án “Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)” sau khi tiếp thu, rà soát hoàn chỉnh như sau:

A. Về nội dung giải trình ý kiến tham gia góp ý Đề xuất dự án của các Bộ, ngành:

Chi tiết kèm theo Phụ lục: Giải trình ý kiến các Bộ về đề xuất dự án Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Giai đoạn 1), vay vốn AFD.

B. Thông tin chung về đề xuất dự án:

1. Tên dự án: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Giai đoạn 1).

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Nhà tài trợ: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).

4. Chủ đầu tư dự kiến: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.

5. Địa điểm xây dựng: Thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

6. Mục tiêu dự án:

6.1. Mục tiêu tổng quát của dự án: Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của người dân thông qua việc hoàn thiện hạ tầng kỹ

thuật tại các đô thị, tạo cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

6.2 Mục tiêu cụ thể của dự án: Đầu tư xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn thải ra môi trường, góp phần hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan đô thị nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và bảo vệ môi trường.

7. Nội dung và phạm vi đầu tư: Gồm 02 hợp phần.

Hợp phần 1: Hỗ trợ tăng cường năng lực của chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án.

Hợp phần 2: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Gồm 03 dự án thành phần

7.1. Dự án thành phần 1: Xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải cho thị xã An Nhơn

Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại xã Nhơn An với công suất 5.000 m³/ngày.đêm và hệ thống đường ống dự kiến 62.606m, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại các phường Bình Định, Nhơn Hưng, Đập Đá, xã Nhơn Hậu và các khu vực lân cận, với dân số phục vụ khoảng 34.428 người.

Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Bình Định và Đập Đá, với tổng chiều dài khoảng 7.900m.

7.2. Dự án thành phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải cho thị xã Hoài Nhơn

- Khu vực Bồng Sơn: Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại Thiết Đính với công suất 1.400m³/ngày.đêm và hệ thống đường ống dự kiến khoảng 34.541m, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại phường Bồng Sơn, với dân số phục vụ khoảng 10.482 người.

Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Bồng Sơn, với tổng chiều dài khoảng 4.500m.

- Khu vực Tam Quan: Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại xã Hoài Châu Bắc với công suất 1.900 m³/ngày.đêm và hệ thống đường ống dự kiến khoảng 46.061m, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại phường Tam Quan, Tam Quan Bắc, dân số phục vụ khoảng 14.487 người.

Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Tam Quan, với tổng chiều dài khoảng 2.000m.

7.3. Dự án thành phần 3: Xây dựng cơ sở hạ tầng thu gom và xử lý nước thải cho huyện Tây Sơn

Xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất 1.600m³/ngày.đêm tại xã Tây Xuân và hệ thống đường ống dự kiến khoảng 46.433m, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại thị trấn Phú Phong, dân số phục vụ khoảng 12.080 người.

8. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn

Tổng mức vốn đầu tư: 1.496,0 tỷ đồng (tương đương 61,69 triệu USD/ 56,26 triệu EURO), trong đó cơ cấu các nguồn vốn cụ thể như sau:

Nguồn vốn	Đề xuất tại Văn bản số 455/UBND-KT ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định			Đề xuất đợt này		
	Số tiền VNĐ (tỷ VNĐ)	Số tiền USD (triệu USD)	Tỷ lệ % TMĐT	Số tiền VNĐ (tỷ VNĐ)	Số tiền USD (triệu USD)	Tỷ lệ % TMĐT
1. Vốn ODA/vốn vay ưu đãi, trong đó:	1.135,00	46,882	75,84%	1.146,2	47,26	76,61%
- Vốn TW cấp phát	567,5	23,441	37,92%	573,1	23,63	38,30%
- Vốn tỉnh vay lại	567,5	23,441	37,92%	573,1	23,63	38,30%
2. Vốn viện trợ không hoàn lại	26	1,074	1,74%	7,98	0,33	0,53%
3. Vốn đối ứng (tỉnh, huyện, thị xã)	335	13,862	22,42%	341,82	14,10	22,86%
Tổng cộng	1.496,00	61,818	100%	1.496,00	61,69	100%

9. Dự kiến thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị dự án: Năm 2025-2026.
- Thực hiện dự án: Năm 2026-2029.

Giai đoạn 2 (2030-2035) của dự án: *Giai đoạn 1 dự kiến thực hiện hoàn thành và kết thúc đưa vào hoạt động vào năm 2029. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án giai đoạn (2030-2035) theo quy hoạch cho phù hợp với thực tế phát triển đô thị hiện tại, đảm bảo hiệu quả.*

Theo kế hoạch, ngày 08/10/2024, Giám đốc AFD tại Việt Nam sẽ làm việc tại tỉnh Bình Định để thảo luận các vấn đề liên quan Dự án; tháng 11/2024, ông Trưởng dự án của AFD sẽ có chuyến công tác tại Bình Định để xem xét về Dự án. Trong thời gian tới, nếu AFD tiếp tục có ý kiến về Đề xuất dự án, UBND tỉnh Bình Định sẽ tiếp thu, giải trình và cung cấp thông tin để Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét thẩm định.

(Chi tiết gửi kèm Đề xuất dự án)

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính gửi quý cơ quan Đề xuất dự án đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành Trung ương. Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính quan tâm xem xét, hỗ trợ cho tỉnh Bình Định, thực hiện việc thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC, XD, TN&MT;
- Ban QLDA NN và PTNT;
- UBND TX An Nhơn, Hoài Nhơn;
- UBND huyện Tây Sơn;
- CVP, PVP KT;
- Lưu: VT, K14.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục: Giải trình ý kiến các Bộ về đề xuất dự án “Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (giai đoạn 1)”, vay vốn Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)

(Kèm theo Văn số /UBND-KT ngày /9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
I	Ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (tại Văn bản số 4091/BKHĐT-KTĐN ngày 29/5/2024)	
1	Đề nghị UBND tỉnh Bình Định rà soát, cập nhật và giải trình những nội dung sau:	
a	Cơ sở Đề xuất Dự án:	
-	Về mức độ ưu tiên: Đề xuất Dự án còn thiếu phần đánh giá, dẫn giải về mức độ ưu tiên, vì vậy đề nghị bổ sung thêm nội dung này, trong đó cần phân tích những nội dung ưu tiên đầu tư phù hợp với chủ trương, kế hoạch đầu tư trong lĩnh vực thoát nước, xử lý nước thải của tỉnh Bình Định.	Để từng bước hình thành và phát triển các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn trở thành các thành phố và nâng cấp huyện Tây Sơn thành thị xã, thu hút đầu tư phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung tâm hành chính, dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giáo dục đào tạo tại các đô thị này, cần có sự chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng về mặt phát triển kinh tế xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với quy mô, định hướng phát triển của đô thị, qua đó đảm bảo cho sự phát triển của đô thị một cách bền vững theo hướng xanh sạch đẹp. Để đạt được các mục tiêu đó, hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt là một trong những hạng mục cần được quan tâm hàng đầu và cần được ưu tiên đầu tư xây dựng đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác nhằm đảm bảo môi trường sống an toàn, tiện ích, qua đó tạo được ý thức sống lành mạnh cho dân cư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của khu vực. Nội dung đề xuất dự án đã phân kỳ, ưu tiên đầu tư giai đoạn 1 với quy mô phù hợp nhu cầu thực tế và quy hoạch thoát nước mưa, xử lý nước

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		thải của tỉnh Bình Định đã được phê duyệt như trình bày trong đề xuất.
-	Về sự phù hợp với quy hoạch: Theo phân kỳ đầu tư Dự án (giai đoạn 2026-2029); đối chiếu với Quy hoạch tỉnh Bình Định được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, quy mô công suất của nhà máy xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn (5.000m ³ /ngày.đêm) chưa phù hợp với Quy hoạch (trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ đến năm 2030, quy mô nhà máy xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn là 8.000m ³ /ngày.đêm). Vì vậy, đề nghị rà soát/có phương án điều chỉnh cho phù hợp.	Theo Quy hoạch tỉnh Bình Định được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, quy mô công suất của nhà máy xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn đến năm 2030 là 8.000m ³ /ngày. Qua rà soát, tính toán, nếu hiện nay đầu tư xây dựng nhà máy quy mô 8.000m ³ /ngày sẽ không thu gom đủ nước thải để nhà máy hoạt động xử lý hết công suất, dẫn đến lãng phí và không hiệu quả. Do đó, Dự án đề xuất trong giai đoạn 1 này có quy mô, phạm vi thực hiện tập trung vào các vùng lõi đô thị, các khu vực tập trung đông dân cư để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư xây dựng. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án, nâng quy mô nhà máy xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn lên đạt công suất 8.000m ³ /ngày theo quy hoạch.
-	Về các dự án triển khai cùng lĩnh vực: Theo Đề xuất Dự án, tỉnh Bình Định đã và đang đầu tư một số dự án cùng lĩnh vực với Dự án này. Vì vậy, đề nghị phân tích sự kết nối, bổ trợ lẫn nhau giữa các dự án để thấy được việc đầu tư Dự án này không bị trùng lặp về hạng mục và phát huy được hiệu quả của các dự án đã và đang được đầu tư tại tỉnh Bình Định.	Trong những năm qua, Bình Định đã thực hiện hoàn thành một số dự án ODA trên các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước sạch, vệ sinh môi trường,... đem lại hiệu quả rõ rệt, góp phần tích cực vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, do nguồn lực còn hạn chế nên trên lĩnh vực xử lý nước thải đến nay mới chỉ đầu tư được hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho thành phố Quy Nhơn từ sự hỗ trợ của WB thông qua dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (CCESP) - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn để đầu tư xây dựng các tuyến thu gom nước thải và 02 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất 16.350m ³ /ngày.đêm và hiện nay đang triển khai giai đoạn 2 với Dự án môi trường bền vững các

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		thành phố Duyên hải – Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn để mở rộng mạng lưới thu gom, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000 m ³ /ngày.đêm. Như vậy, việc đề xuất đầu tư Dự án này không bị trùng lặp về hạng mục với các dự án đã đầu tư; đồng thời với việc thực hiện thành công các dự án ODA trong thời gian qua đã tạo tính kết nối, bổ trợ lẫn nhau giữa các dự án, sẽ phát huy được hiệu quả của các dự án đã và đang được đầu tư tại tỉnh Bình Định.
b	Mục tiêu của Dự án: Đề nghị rà soát, phân định rõ nội dung mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung đầu tư của Dự án.	Tiếp thu ý kiến, đã rà soát, phân định rõ nội dung mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và điều chỉnh lại cho phù hợp với nội dung đầu tư của Dự án.
c	Về các dự án thành phần	
-	Đề nghị làm rõ sự phù hợp về quy mô đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải đối với các chỉ tiêu liên quan đến thu gom và xử lý nước thải thuộc Chương trình phát triển đô thị, quy hoạch chung xây dựng tại 03 đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn và Tây Sơn.	<p>UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019; theo đó, đô thị An Nhơn đến năm 2025 đạt loại III, Hoài Nhơn và Tây Sơn đạt loại IV, chỉ tiêu về lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 50%.</p> <p>Theo Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, đến năm 2030:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phố An Nhơn và thành phố Hoài Nhơn đạt đô thị loại III, thị xã Tây Sơn đạt đô thị loại IV. - Tại Đô thị An Nhơn xây dựng 01 Nhà máy xử lý nước thải số 1 tại Nhơn An với công suất 8.000 m³/ngày; tại Đô thị Hoài Nhơn xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Hoài Châu Bắc với công suất 2.000 m³/ngày và Nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn với công suất 2.500 m³/ngày; tại Đô thị Tây Sơn xây dựng 01

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		<p>Nhà máy xử lý nước thải Nam sông Côn với công suất 3.600 m³/ngày.</p> <p>Hiện nay, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 3666/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 có một số chỉ tiêu, nội dung phát triển đô thị không còn phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023. Do đó, UBND tỉnh Bình Định đã có Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 phê duyệt Kế hoạch lập điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bình Định đến năm 2035 cho phù hợp với Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023.</p> <p>Dự án đề xuất quy mô đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải giai đoạn 01 đối với nhà máy xử lý nước thải tại đô thị An Nhơn là 5.000 m³/ngày (đạt 62% công suất so với quy hoạch); đô thị Hoài Nhơn gồm nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn công suất 1.400m³/ngày (đạt 56% so với quy hoạch) và Hoài Châu Bắc công suất 1.900m³/ngày (đạt 95% so với quy hoạch); đô thị Tây Sơn là 1.600 m³/ngày (đạt 45% so với quy hoạch).</p> <p>Dự án đề xuất quy mô đầu tư xử lý nước thải tại các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây sơn thực hiện trong giai đoạn này thấp hơn quy hoạch, chủ yếu tập trung vào các vùng lõi đô thị, các khu vực tập trung đông dân cư để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại các địa phương nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư xây dựng. Sau khi giai đoạn 1 của Dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án (dự kiến giai đoạn 2030-2035)</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		theo quy hoạch cho phù hợp với thực tế phát triển đô thị hiện tại, đảm bảo hiệu quả.
-	Đề nghị bổ sung phương án đảm bảo đầu nổi nước thải từ hộ gia đình đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải; đây chuyên công nghệ và phương án vận hành, bảo dưỡng thường xuyên của nhà máy xử lý nước thải để phát huy hiệu quả quản lý và đầu tư.	<p>- Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung kinh phí hỗ trợ cho các hộ dân để đảm bảo các hộ dân đầu nổi nước thải từ hộ gia đình đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải.</p> <p>- Tiếp thu ý kiến, về đây chuyên công nghệ và phương án vận hành, bảo dưỡng thường xuyên của nhà máy xử lý nước thải sẽ được nghiên cứu làm rõ hơn trong giai đoạn Đề xuất chủ trương đầu tư dự án.</p>
d	Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật: Đề nghị xây dựng thêm Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi và thống nhất với AFD các hoạt động cần được hỗ trợ trong khuôn khổ Hợp phần này.	Tiếp thu ý kiến, sẽ trao đổi với AFD (dự kiến trong tháng 10-11/2024 AFD sẽ có chuyên công tác tại Bình Định) để thống nhất xây dựng thêm Hợp phần hỗ trợ kỹ thuật, sử dụng từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại.
e	Thời gian thực hiện Dự án: Đề nghị tham khảo các dự án tương tự sử dụng vốn vay của AFD tại một số địa phương khác để tính toán thời gian chuẩn bị (từ khâu đề xuất Dự án đến khi Thỏa ước vay được ký kết), đồng thời tham chiếu quy định về tiêu chí phân loại dự án (Luật Đầu tư công năm 2019) để xác định thời gian thực hiện Dự án cho phù hợp với thực tế của Dự án.	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát để xác định thời gian thực hiện Dự án cho phù hợp với thực tế.
g	Tổng mức đầu tư Dự án	
-	Về vốn vay: Đề nghị rà soát lại việc sử dụng vốn vay cho các hạng mục của Dự án, đảm bảo tuân thủ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong tình hình mới cho chi đầu tư phát triển, không vay cho chi thường xuyên.	Đã rà soát việc sử dụng vốn vay cho các hạng mục của Dự án, đảm bảo tuân thủ theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Vốn vay ODA không chi thường xuyên.

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
-	Về vốn viện trợ không hoàn lại: Đề nghị trao đổi, thống nhất với AFD về hạn mức tài trợ.	Đã trao đổi với AFD và AFD dự kiến cung cấp phần viện trợ không hoàn lại khoảng 300.000 EURO.
-	Về vốn đối ứng: Đề nghị tính toán cụ thể nhu cầu vốn đối ứng chi đầu tư phát triển cho từng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định để thông qua Nghị quyết bổ sung vốn đối ứng cho Dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2024-2025 của tỉnh Bình Định và xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo quy định của Luật Đầu tư công.	Tiếp thu ý kiến, khi Đề xuất dự án được phê duyệt, sẽ làm căn cứ để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định để thông qua Nghị quyết bổ sung vốn đối ứng cho Dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2024-2025 của tỉnh Bình Định và xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 theo quy định của Luật Đầu tư công.
-	Đề nghị rà soát chi phí đầu tư xây dựng Dự án, đảm bảo việc xác định chi phí sơ bộ dự toán được tính đúng, tính đủ, phù hợp với các quy định pháp luật xây dựng hiện hành.	Đã rà soát chi phí đầu tư xây dựng Dự án, đảm bảo việc xác định chi phí sơ bộ dự toán được tính đúng, tính đủ, phù hợp với các quy định pháp luật xây dựng hiện hành.
h	Mẫu Đề xuất Dự án: Đề nghị rà soát, cập nhật dự thảo Đề xuất Dự án (bao gồm chỉnh sửa lỗi kỹ thuật) theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến và đã rà soát, cập nhật theo mẫu quy định.
II	Ý kiến của Bộ Tài chính (tại Văn bản số 4348/BTC-QLN ngày 26/4/2024)	
1	Về cơ chế tài chính của Dự án	
-	Đối với phần vốn vay nước ngoài của Dự án: Đề nghị UBND tỉnh Bình Định cập nhật lại căn cứ pháp lý tham chiếu về tỷ lệ vay lại phần vốn vay nước ngoài (công văn số 1424/BTC-QLN ngày 15/02/2023 của Bộ Tài chính thay vì QĐ số 990/QĐ-BTC ngày 07/6/2022 tại Đề xuất Dự án).	Tiếp thu và đã cập nhật căn cứ pháp lý về tỷ lệ vay lại phần vốn vay nước ngoài vào Đề xuất Dự án.

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
-	Đối với phần vốn đối ứng của Dự án: Đề nghị UBND tỉnh Bình Định điều chỉnh Đề xuất Dự án, theo đó ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí toàn bộ vốn đối ứng cho Dự án.	Đã tiếp thu và đã cập nhật ngân sách địa phương chịu trách nhiệm bố trí toàn bộ vốn đối ứng cho Dự án.
-	Đối với phần vốn viện trợ không hoàn lại: Đề nghị UBND tỉnh Bình Định rà soát, hoàn thiện đề xuất cơ chế đối với phần vốn đối ứng, vốn viện trợ không hoàn lại cho Dự án phù hợp với quy định hiện hành.	Đã rà soát, hoàn thiện đề xuất cơ chế đối với phần vốn đối ứng, vốn viện trợ không hoàn lại cho Dự án phù hợp với quy định hiện hành.
2	Về sự phù hợp của Dự án với quy hoạch: Đề nghị UBND tỉnh Bình Định làm rõ và chịu trách nhiệm về sự phù hợp của Dự án với các Quy hoạch đã và sẽ được phê duyệt có liên quan.	Các hạng mục xây dựng trong Đề xuất Dự án phù hợp với Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thuộc danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2025-2030. Các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án phù hợp với quy hoạch chung của các đô thị.
3	Về phương án vay trả nợ của tỉnh Bình Định	
-	<p>Đề nghị Tỉnh cung cấp bổ sung:</p> <p>(i) số liệu dự kiến rút vốn và trả nợ (theo từng năm) trong giai đoạn 2026 – 2029 của Dự án này cùng tất cả các dự án đang và dự kiến sẽ triển khai có sự dụng vốn vay lại từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài khác.</p> <p>(ii) dư nợ vay của Tỉnh dự kiến trong 2 năm 2024 và 2025 để Bộ Tài chính có cơ sở đánh giá năng lực vay nợ của Tỉnh</p>	<p>(i) số liệu dự kiến rút vốn và trả nợ (theo từng năm) trong giai đoạn 2026 – 2029 của Dự án này cùng tất cả các dự án đang và dự kiến sẽ triển khai có sự dụng vốn vay lại từ nguồn vốn Chính phủ vay nước ngoài khác được thể hiện tại Phụ lục 2 của Văn bản số 1921/STC-QLNS ngày 07/6/2024, đính kèm.</p> <p>(ii) dư nợ vay của Tỉnh dự kiến trong 2 năm 2024 và 2025 được thể hiện tại Phụ lục 2 của Văn bản số 1921/STC-QLNS ngày 07/6/2024, đính kèm.</p>
-	Điều kiện vay AFD thông báo áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2024 tại Thư số D2024-90/HP ngày 06/3/2024 như	Tiếp thu ý kiến, đã xây dựng cơ cấu vốn vay trong Đề xuất Dự án bằng đồng Euro, quy đổi VND và USD và điều chỉnh đồng

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
	<p>sau: (i) Lãi suất vay: Euribor 6 tháng (mức lãi suất Euribor 6 tháng vào ngày 28/02/2024 là 2,78%/năm) +0,25%/năm; (ii) Thời hạn vay: 20 năm (bao gồm 07 năm ân hạn); (iii) Đồng tiền vay: Euro; (iv) Phí thẩm cứu: 0,4% trị giá khoản vay; (v) phí cam kết: 0,35% trị giá chưa rút vốn.</p> <p>Đề nghị UBND tỉnh Bình Định xây dựng cơ cấu vốn vay tại Đề xuất Dự án bằng đồng Euro, quy đổi VND và USD và điều chỉnh đồng tiền vay bằng Euro để phù hợp với điều kiện, chính sách cho vay của AFD.</p>	<p>tiền vay bằng EURO để phù hợp với điều kiện, chính sách cho vay của AFD.</p>
-	<p>Đề nghị UBND tỉnh Bình Định rà soát, tính lại đầy đủ nghĩa vụ nợ phải trả của Tỉnh và bổ sung Phương án vay trả nợ của Tỉnh (bao gồm nợ gốc vay lại, lãi vay lại, phí quản lý vay lại và phí cam kết, phí thẩm cứu trên toàn bộ khoản vay nước ngoài cho Dự án) (theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ) vào báo cáo Đề xuất Dự án</p>	<p>Phương án vay, trả nợ của Dự án theo đồng Euro (bao gồm nợ gốc vay lại, lãi vay lại, phí quản lý vay lại và phí cam kết, phí thẩm cứu trên toàn bộ khoản vay nước ngoài cho Dự án) theo Phụ lục 01 của Văn bản số 1921/STC-QLNS ngày 07/6/2024 của Sở Tài chính tỉnh Bình Định (kèm theo).</p>
-	<p>Trong bối cảnh lãi suất huy động vốn trong nước hiện nay tương đối thấp, đề nghị UBND tỉnh Bình Định làm rõ và chịu trách nhiệm về cơ sở của việc đề xuất sử dụng vốn vay nước ngoài (AFD) để đầu tư cho Dự án thay vì huy động từ nguồn vốn trong nước, nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư Dự án.</p>	<p>Hiện nay, việc huy động nguồn vốn trong nước chỉ có thể thực hiện thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Tuy nhiên, cơ chế phát hành Trái phiếu chính quyền địa phương là trả gốc một lần vào cuối kỳ sẽ gây áp lực lớn cho ngân sách địa phương để thực hiện hoàn trả cho người mua trái phiếu tại một thời điểm. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, một số địa phương khác đã phát hành Trái phiếu nhưng không hiệu quả, không huy động được nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ đề ra. Do đó, việc đề xuất sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài đảm bảo triển khai kịp thời Dự án góp phần nâng cao chất lượng</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.
4	Về một số nội dung của Đề xuất Dự án	
-	Tổng mức đầu tư của Dự án: đề nghị Tỉnh rà soát, tính toán các chi phí tổng mức đầu tư Dự án theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản có liên quan.	Đã rà soát, đảm bảo các chi phí trong tổng mức đầu tư Dự án theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản có liên quan.
-	Đề nghị Tỉnh lưu ý không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên và các nội dung chi được phép sử dụng từ nguồn vốn đối ứng.	Đã rà soát, đảm bảo không sử dụng vốn vay cho chi thường xuyên và các nội dung chi được phép sử dụng từ nguồn vốn đối ứng.
III	Ý kiến của Bộ Xây dựng (tại Văn bản số 887/BXD-HTKT ngày 01/3/2024)	
1	Rà soát, đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu của Điều chỉnh định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016.	Mục tiêu của dự án đảm bảo phù hợp với định hướng mục tiêu theo Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng chính phủ, cụ thể: - Phát triển hệ thống thoát nước ổn định và đồng bộ bao gồm xây dựng mạng lưới thu gom, chuyển tải và nhà máy xử lý nước thải theo từng giai đoạn, phù hợp với quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, phát huy tối đa công suất thiết kế các nhà máy xử lý nước thải bảo đảm hiệu quả quản lý và đầu tư xây dựng. - Tăng tỷ lệ đầu nối nước thải từ hộ gia đình đến hệ thống thu gom và xử lý nước thải; hệ thống thoát nước được vận hành, duy tu bảo dưỡng thường xuyên và theo định kỳ.
2	Mục tiêu tổng quát của dự án đề nghị rà soát, bổ sung mục tiêu góp phần hoàn thiện và phát triển hạ tầng kỹ thuật hệ thống thoát nước, tạo cảnh quan đô thị.	Thông nhất, tiếp thu, chỉnh sửa lại như sau: <i>Đầu tư xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn thải ra môi trường, góp phần hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng, tạo</i>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		<i>cảnh quan đô thị nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và bảo vệ môi trường.</i>
3	Đề nghị làm rõ các hạng mục đầu tư xây dựng trong Đề xuất Dự án có thuộc danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2025-2030 trong các quy hoạch có liên quan. Làm rõ sự phù hợp các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án với quy hoạch chung của các đô thị.	Các hạng mục xây dựng trong đề xuất dự án có trong Phụ lục số XIII kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thuộc danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2025-2030. Các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án phù hợp với quy hoạch chung của các đô thị.
4	Bổ sung ý kiến đồng thuận từ phía Nhà tài trợ đối với các nội dung trong Đề xuất Dự án	<p>Trên cơ sở đề nghị của UBND tỉnh Bình Định tại Văn bản số 1749/UBND-KT ngày 28/3/2023 về việc Đề xuất Dự án; ngày 25/5/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi Đề xuất Dự án cho AFD để xem xét, quan tâm tài trợ Dự án. Theo đó, AFD có Văn bản số D255 thông báo sẵn sàng xem xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hỗ trợ thực hiện Dự án; Văn bản số D297 ngày 04/8/2023 tiếp tục khẳng định sẵn sàng hỗ trợ chuẩn bị và tài trợ cho Dự án thuộc nhóm ưu tiên, đồng thời có ý kiến góp ý Đề xuất.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của AFD, UBND tỉnh Bình Định có Văn bản số 5818/UBND-KT ngày 15/8/2023 gửi lại AFD bản Đề xuất Dự án đã được cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung để AFD xem xét. Ngày 15/11/2023, AFD đã có buổi làm việc tại Bình Định nhằm thảo luận về Đề xuất Dự án; qua đó, Ban Quản lý dự án đã hoàn thiện lại Đề xuất Dự án và có Văn bản số 926/BQL-KTTĐ ngày 01/12/2023 gửi lại AFD để xem xét có ý.</p> <p>Để tiếp tục nghiên cứu làm rõ Đề xuất Dự án, ngày 02/02/2024, ngày 14/3/2024 và ngày 02/7/2024, AFD đã đi thực tế hiện</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		<p>trường và làm việc với các bên liên quan tại Bình Định; tiếp theo, AFD đã có Văn bản số D306 ngày 01/7/2024 và Văn bản số D365 ngày 31/7/2024 trao đổi, thảo luận các vấn đề liên quan đến Dự án.</p> <p>Qua quá trình nghiên cứu Đề xuất Dự án, một số nội dung AFD quan tâm trao đổi đã được giải trình làm rõ tại các buổi đi thực tế hiện trường và họp cùng các sở ngành liên quan, một số nội dung được bổ sung vào Đề xuất Dự án, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung đầu tư của dự án có mức độ liên quan đến yếu tố ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng, nhằm phù hợp với mục tiêu tài trợ của AFD hiện nay, liên quan đến mức độ ưu đãi của khoản vay, nguồn viện trợ không hoàn lại cho dự án. - Giải pháp tổng thể để giải quyết vấn đề ngập lụt của 03 đô thị vùng dự án, có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu trong tương lai. - Việc thoát nước mưa cần tính toán hài hòa giữa việc thoát nước tự nhiên (30%: tự thấm qua ao, hồ điều hòa, công viên,...) và biện pháp công trình (70%). - Xác định phạm vi, quy mô đầu tư Dự án (công suất các nhà máy xử lý nước thải) phù hợp với quy hoạch, thực tế nhu cầu xử lý nước thải, xác định tỷ lệ đầu nối của các hộ dân, hỗ trợ việc đầu nối cho các hộ dân, ... để Dự án đưa vào sử dụng được hiệu quả. - Dự kiến lựa chọn dây chuyền, công nghệ xử lý nước thải, xử lý bùn thải sau nhà máy tận dụng để sản xuất nông nghiệp. - Những tác động đến xã hội và môi trường của dự án, đền bù tái định cư, phương thức tiếp cận về giới trong quá trình thực hiện.

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		<p>...</p> <p>Như vậy, đến nay, phía AFD vẫn chưa có ý kiến chính thức đồng thuận đối với các nội dung trong Đề xuất Dự án, mà còn tiếp tục thẩm cứu. Theo kế hoạch, ngày 08/10/2024, Giám đốc AFD tại Việt Nam sẽ làm việc tại tỉnh Bình Định để thảo luận các vấn đề liên quan Dự án; Tháng 11/2024, ông Trưởng dự án của AFD sẽ có chuyên công tác tại Bình Định để thẩm cứu Dự án.</p> <p>AFD đề nghị phía tỉnh hoàn thiện Đề xuất Dự án trên cơ sở góp ý của các Bộ và AFD đến thời điểm hiện nay để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp trình Đề xuất Dự án cho Thủ tướng Chính phủ xem xét.</p>
5	<p>Đánh giá sự đồng bộ, tương hỗ của Dự án với các Dự án có các hợp phần đầu tư tương tự đã và đang triển khai trong phạm vi thực hiện dự án. Từ đó làm nổi bật thêm tầm quan trọng, sự cần thiết của Dự án và đánh giá được sự trùng lặp (nếu có) với nội dung chương trình, dự án đã có đề xuất, chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến, đã bổ sung thông tin về dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (CCESP) - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn (vay vốn WB) trong phần Sự cần thiết đầu tư của Dự án trong Đề xuất Dự án.</p>
6	<p>Rà soát quy mô, phạm vi thực hiện của Dự án nhằm đảm bảo phù hợp với phương án phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải (trang 36)</p>	<p>Phương án phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải tại các đô án quy hoạch chung đô thị thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, đô thị Tây sơn là tính toán đảm bảo cho phạm vi toàn đô thị. Tuy nhiên, việc đề xuất quy mô, phạm vi thực hiện dự án trong giai đoạn này tập trung vào các vùng lõi đô thị, các khu vực tập trung đông dân cư để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại các địa phương nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư xây dựng.</p>
7	<p>Nghiên cứu, xem xét bổ sung hợp phần hỗ trợ đầu nối vào</p>	<p>Tiếp thu ý kiến và thống nhất cập nhật vào Đề xuất.</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
	<p>dự án nhằm tăng tỷ lệ đầu nối của dự án, từ đó tăng hiệu quả đầu tư của dự án và đảm bảo công suất hoạt động của nhà máy xử lý nước thải (Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải)</p>	
8	<p>Dự án chia làm 2 giai đoạn để đầu tư, do đó đề nghị Chủ dự án cần nghiên cứu, bổ sung đánh giá sơ bộ về việc có hoặc không thực hiện giai đoạn 2 nhằm có cách nhìn nhận tổng quan về sự đồng bộ của dự án, giải quyết được mục tiêu đặt ra của dự án và mục tiêu đạt được hiệu quả đầu tư của dự án một cách tổng thể.</p>	<p>Dự án đã nghiên cứu, đánh giá tổng thể chung cho phạm vi toàn bộ các đô thị. Dự án đề xuất trong giai đoạn 1 này có quy mô, phạm vi thực hiện tập trung vào các vùng lõi đô thị, các khu vực tập trung đông dân cư để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay tại các địa phương nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư xây dựng. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án (dự kiến giai đoạn 2030-2035) theo quy hoạch cho phù hợp với thực tế phát triển đô thị hiện tại, đảm bảo hiệu quả.</p>
9	<p>Đề xuất dự án cần cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải như: Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước QCVN 07-2:2023/BXD; Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022 tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ Xây dựng; ...</p>	<p>Thống nhất, tiếp thu và đã cập nhật vào Đề xuất.</p>
10	<p>Chủ dự án lưu ý, chỉ cho đầu nối nếu các cơ sở làng nghề truyền thống và các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc nhỏ lẻ, chế biến thủy sản, chế biến tinh dầu dừa, làm miến, làm bánh tráng, làm bún,... đã được xử lý tại chỗ đáp ứng được khả năng tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải</p>	<p>Thống nhất, tiếp thu và sẽ khảo sát, tính toán cụ thể thực hiện trong giai đoạn sau.</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
	được đầu tư trong Dự án, đảm bảo nước thải đầu ra đạt A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt.	
11	Hiện nay, UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2023-2025 tại Quyết định số 3637/QĐ-UBND ngày 02/10/2023. Do đó, đề nghị UBND tỉnh Bình Định chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng giá dịch vụ thoát nước cho các đô thị nêu trên và hướng tới xây dựng cho toàn tỉnh nhằm bảo đảm việc thu giá dịch vụ đủ chi trả cho việc duy trì công tác quản lý vận hành, tiến tới bù đắp chi phí đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước phù hợp với các giai đoạn và hoàn thiện hệ thống thoát nước và nhằm bảo đảm tính bền vững của dự án.	Tiếp thu ý kiến và sẽ triển khai thực hiện trong giai đoạn sau. Hiện nay, dự án đang thực hiện ở bước đề xuất dự án nên chưa đủ các điều kiện để xác định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Khi các hạng mục của dự án được đầu tư xây dựng hoàn thành và trước khi đưa vào sử dụng, Sở Xây dựng sẽ tham mưu UBND tỉnh xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho các đô thị thuộc dự án theo đề xuất của Bộ Xây dựng.
IV	Ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường (tại Văn bản số 2668/BTNMT-KHHC ngày 26/4/2024)	
1	Báo cáo đề xuất Dự án cần thuyết minh rõ về việc đảm bảo gắn với khả năng nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước, không vượt quá ngưỡng khai thác đối với các tầng chứa nước và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.	Tiếp thu ý kiến, trong Đề xuất dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đạt thông số chất lượng nước cột A, theo QCVN 14/2008/BTNMT Bộ Tài nguyên và Môi trường để đảm bảo bảo vệ tài nguyên nước.
	Việc thiết kế, xây dựng hệ thống tiêu thoát nước phải tính toán trên cơ sở kịch bản cực đoan và đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng nhân tạo khu vực dự án. Việc đề xuất xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung phải đảm bảo phù hợp với quy mô xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.	<p>- Tiếp thu ý kiến, sẽ lưu ý tính toán trong giai đoạn sau; trên cơ sở kịch bản cực đoan và đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng nhân tạo khu vực dự án.</p> <p>- Đã rà soát, công suất các nhà máy xử lý nước thải tập trung đảm bảo phù hợp với quy mô xả nước thải của các đô thị theo thực tế; công suất của các nhà máy xử lý nước thải tương đối</p>

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
		thấp nên đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.
	Trường hợp được chấp thuận, trong quá trình triển khai thực hiện dự án, cần tuân thủ các quy định của Luật Tài nguyên nước về bảo vệ tài nguyên nước.	Tiếp thu ý kiến, khi thực hiện sẽ lưu ý tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Tài nguyên nước về bảo vệ tài nguyên nước.
-	Cần rà soát, làm rõ sự phù hợp với các Quy hoạch có liên quan đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023; Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 07/12/2022.	Qua rà soát, Dự án đảm bảo phù hợp với phương án phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải của Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 (tại điểm c mục 4 của đề mục VII của Quyết định số 1619/QĐ-TTg); phù hợp với mục tiêu “Bảo vệ, kiểm soát, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa tình trạng gia tăng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước, phấn đấu đến năm 2030 thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường đạt từ 30% tổng lượng nước thải tại các đô thị loại II trở lên và 10% tại các đô thị từ loại V trở lên” được nêu tại II.2 của Điều 1 của Quyết định số 1622/QĐ-TTg, ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
2	Dự án thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định	Tiếp thu ý kiến, trong giai đoạn Đề xuất chủ trương đầu tư (nghiên cứu tiền khả thi), Dự án sẽ thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định tại Điều 29 của Luật Môi trường; khi dự án triển khai ở bước Dự án khả thi sẽ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định (hiện nay dự án mới ở giai đoạn Đề xuất dự án).
3	Đề xuất Dự án cần bổ sung chi tiết hơn nội dung về đánh giá nguy cơ về biến đổi khí hậu và thiên tai, đặc biệt là nguy cơ sạt lở ven suối, ven đồi núi và có các biện pháp	Dự án thực hiện thoát nước mưa và thu gom nước thải chủ yếu thực hiện trên 03 đô thị có địa hình bằng phẳng, theo hạ tầng sẵn có của các khu đô thị hiện trạng nên không có nguy cơ sạt lở

Stt	Nội dung góp ý	Nội dung giải trình
	phòng chống và thích ứng,... theo quy định tại Điều 16, Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.	đất. Các hạng mục đầu tư trong dự án chỉ có vị trí dự kiến xây dựng nhà máy xử lý nước thải Tây Sơn là nằm ở khu vực ven suối; qua quan sát đánh giá sơ bộ hiện nay khu vực này vẫn ổn định, không có nguy cơ sạt lở. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn, trong quá trình triển khai sẽ nghiên cứu, đánh giá cụ thể để đề xuất các biện pháp phòng chống nguy cơ sạt lở khi thi công xây dựng công trình.
-	Về mức độ điều tra cơ bản địa chất: Đề nghị Chủ đầu tư thu thập, tổng hợp các kết quả nghiên cứu về địa chất, khoáng sản hiện có trong khu vực, đề xuất các hạng mục công trình được phù hợp với phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định.	Theo Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định; các hạng mục đầu tư xây dựng của dự án có: Mặt bằng vị trí xây dựng nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn rộng khoảng 02 ha nằm trong Khu vực quy hoạch latreit, có ký hiệu lô 42A; Mặt bằng vị trí xây dựng nhà máy xử lý nước thải Tây Sơn rộng khoảng 02 ha nằm trong Khu vực quy hoạch đất san lấp, có ký hiệu lô 162A. Hai vị trí được lựa chọn xây dựng nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn và Tây Sơn đã được đưa vào Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023. Do đó, khi triển khai sẽ đề xuất điều chỉnh, đưa 02 vị trí này ra khỏi quy hoạch Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định, để triển khai thực hiện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

**DỰ ÁN: XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN, HOÀI NHƠN
VÀ HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH (GIAI ĐOẠN 1)**



BÌNH ĐỊNH, THÁNG 9 NĂM 2024

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

DỰ ÁN: XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN, HOÀI NHƠN
VÀ HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH (GIAI ĐOẠN 1)

MỤC LỤC

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU.....	1
1. Tên dự án.....	1
2. Cơ quan chủ quản, chủ dự án:.....	1
3. Nhà tài trợ dự kiến: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).	1
4. Thời gian chuẩn bị dự án: 2025-2026	1
5. Thời gian thực hiện dự án:	1
6. Địa điểm thực hiện dự án:.....	1
7. Tổng kinh phí dự kiến đề xuất dự án thực hiện (Giai đoạn 1: 2026-2029):	1
II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN.....	2
1. Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	2
2. Những nỗ lực đã/đang được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.	44
3. Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực.....	47
4. Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).	49
III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN	50
1. Mục tiêu, địa điểm, quy mô, phạm vi của chương trình, dự án:	50
1.1. Mục tiêu tổng quát của dự án:.....	50
1.2. Mục tiêu cụ thể của dự án:	50
1.3. Địa điểm thực hiện dự án	50
1.4. Quy mô, phạm vi thực hiện dự án:.....	50
1.5. Lựa chọn công nghệ xử lý xử lý nước thải:	60
2. Dự kiến kết quả chính của dự án.....	60
3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án.....	61
4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính	61
4.1. Tổng mức vốn đầu tư	61
4.2. Điều kiện và điều khoản vay:.....	65

4.3. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm:	66
4.4. Phương án cân đối nguồn trả nợ:	67
5. Đánh giá tác động:.....	69
5.1. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường (nếu có).....	69
5.2. Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan đề xuất:	71
IV. KIẾN NGHỊ	71

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên dự án

Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Giai đoạn 1).

Tên tiếng Anh: Construction of infrastructure systems (drainage, wastewater collection and treatment) inside of the An Nhơn and Hoài Nhơn towns, Tay Son district, Binh Dinh province (Stage 1).

2. Cơ quan chủ quản, chủ dự án:

a. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

Địa chỉ: 01 Trần Phú - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (84) 0256.3822294 - Fax: (0256) 3822057

b. Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: số 200 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: (84) 02563 814 701 Fax: (84) 02563 814 701.

3. Nhà tài trợ dự kiến: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).

4. Thời gian chuẩn bị dự án: 2025-2026

5. Thời gian thực hiện dự án:

- Giai đoạn 1: 04 năm (2026-2029).

- Giai đoạn 2: Thực hiện trong giai đoạn 2030-2035.

6. Địa điểm thực hiện dự án:

Dự án được triển khai trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

7. Tổng kinh phí dự kiến đề xuất dự án thực hiện (Giai đoạn 1: 2026-2029):

Tổng mức vốn đầu tư: 1.496,0 tỷ đồng (tương đương 56,25 triệu EURO/ 61,69 triệu USD), trong đó:

- Vốn vay ODA Trung ương cấp phát dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn vay ODA tỉnh vay lại dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 7,98 tỷ đồng (tương đương 0,3 triệu EURO/ 0,33 triệu USD).

- Vốn đối ứng dự kiến: 341,82 tỷ đồng (tương đương 12,85 triệu EURO/ 14,10 triệu USD).

(Lấy theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 9/2024 ban hành tại Văn bản 4942/TB-KNBB ngày 30/8/2024 của Bộ Tài Chính : 1 USD=24.248 VNĐ, 1 EUR = 26.591 VNĐ)

*** Giai đoạn 2 (2030-2035):** *Giai đoạn 1 dự kiến thực hiện hoàn thành và kết thúc đưa vào hoạt động vào năm 2029. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án theo quy hoạch cho phù hợp với thực tế phát triển đô thị hiện tại, đảm bảo hiệu quả.*

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Tầm quan trọng, sự cần thiết và khả thi của chương trình, dự án về mặt kinh tế, xã hội, môi trường, khoa học, công nghệ, quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Bình Định là một tỉnh ven biển thuộc vùng phát triển kinh tế trọng điểm của miền Trung, diện tích tự nhiên của tỉnh là 6.071,3 km², diện tích vùng lãnh hải là 36.000 km². Phía bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, điểm cực Bắc có tọa độ 14°42'10 Bắc, 108°55'4 Đông. Phía nam giáp tỉnh Phú Yên, điểm cực Nam có tọa độ 13°39'10 Bắc, 108°54'00 Đông. Phía tây giáp tỉnh Gia Lai, điểm cực Tây có tọa độ 14°27' Bắc, 108°27 Đông. Phía đông giáp biển Đông với bờ biển dài 134 km, điểm cực Đông là xã Nhơn Châu (Cù Lao Xanh) thuộc thành phố Quy Nhơn, có tọa độ 13°36'33" Bắc, 109°21' Đông. Toàn tỉnh có 01 thành phố (*Quy Nhơn*), 02 thị xã (*An Nhơn, Hoài Nhơn*) và 08 huyện (*Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão, Tây Sơn, Vân Canh, Vĩnh Thạnh*), với 159 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 126 xã, 21 phường và 12 thị trấn. Tính đến năm 2022, dân số tỉnh Bình Định khoảng 1,5 triệu người, với mật độ dân số trung bình là 251 người/km².

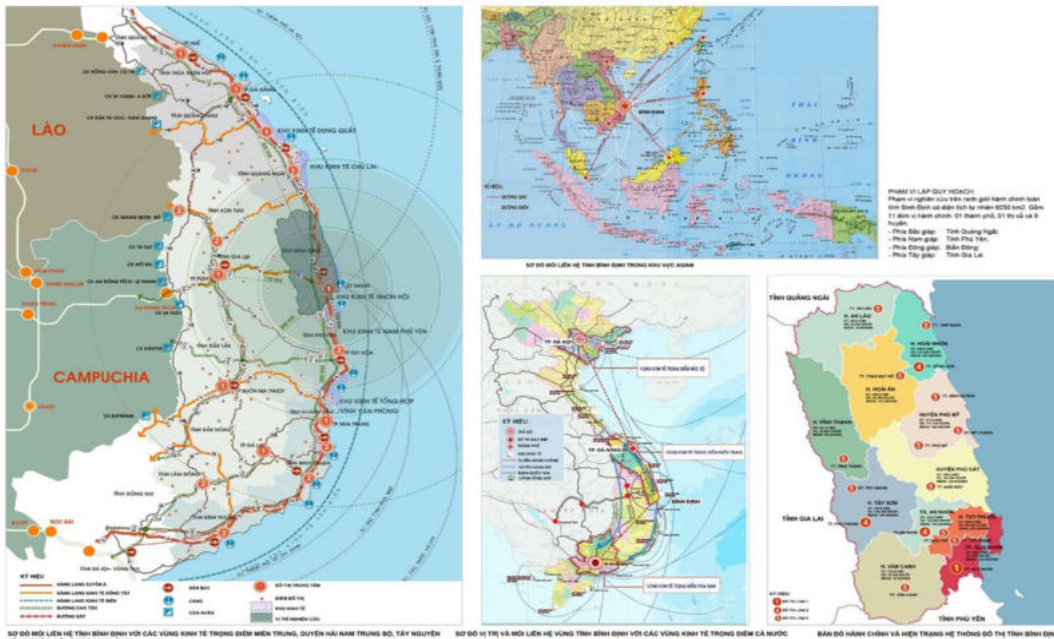
Bình Định cách Thủ đô Hà Nội khoảng 1.065 km về hướng Bắc, cách thành phố Hồ Chí Minh 686 km về hướng Nam theo Quốc lộ 1A. Phía Đông có bờ biển dài trên 134 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn hơn 36.000 km² hình thành nhiều ngư trường với nguồn lợi hải sản phong phú để phát triển nghề khai thác thủy sản. Dọc theo bờ biển có nhiều bãi tắm và các danh lam thắng cảnh nổi tiếng thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Bình Định có vị trí địa kinh tế đặc biệt quan trọng trong việc giao lưu với các quốc gia ở khu vực và quốc tế; nằm ở trung điểm của trục giao thông đường sắt và đường bộ Bắc - Nam Việt Nam, đồng thời là cửa ngõ ra biển Đông gần nhất và thuận lợi nhất của Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Đông Bắc Thái Lan thông qua Quốc lộ 19 và cảng biển quốc tế Quy Nhơn. Ngoài lợi thế này, Bình Định còn có nguồn tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn phong phú và nguồn nhân lực khá dồi dào.



Hình 1. Bản đồ hành chính tỉnh Bình Định

Dân cư trên địa bàn tỉnh phân bố không đều, tập trung đông nhất tại khu vực thành phố Quy Nhơn với 290.255 người (*mật độ 1.014 người/km²*), thị xã Hoài Nhơn 208.133 người (*494 người/km²*), thị xã An Nhơn 184.733 người (*719 người/km²*), huyện Tây Sơn 116.041 người (*168 người/km²*). Trên địa bàn tỉnh có 32 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó người Kinh chiếm 97,7%, tiếp đến là đồng bào Chăm, BaNa, H'Rê và các dân tộc thiểu số khác.

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



Hình 2. Vị trí tỉnh Bình Định trong vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung

Từ năm 2006 đến năm 2023, hệ thống đô thị tỉnh đã có những bước phát triển, đạt được những mục tiêu đề ra, nâng cao tỉ lệ đô thị hóa. Đến nay, tỉnh Bình Định có 20 đô thị (*bao gồm: 01 đô thị loại I là thành phố Quy Nhơn, 01 đô thị loại III là thị xã An Nhơn; 02 đô thị loại IV là thị xã Hoài Nhơn và thị trấn Phú Phong*), và 16 đô thị loại V (*các thị trấn: Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Tăng Bạt Hổ, Phù Mỹ, Bình Dương, Tuy Phước, Diêu Trì, Ngô Mỹ, Cát Tiến; và các xã: Tây Giang, Mỹ Chánh, Phước Lộc, Phước Hòa, An Hòa, Cát Khánh*).

*** *Hiện trạng thoát nước mưa tại các đô thị trên địa bàn tỉnh:***

Nước mưa được tự chảy từ cao xuống thấp vào các vùng trũng như ao, hồ, đầm và sau đó chảy ra sông suối chính trong vùng. Toàn bộ lượng nước được chảy ra 04 con sông chính của tỉnh là sông Lại Giang, sông La Tinh, sông Côn, sông Hà Thanh. Thành phố Quy Nhơn đã được đầu tư hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, các đô thị còn lại có hệ thống thoát nước chưa hoàn chỉnh; tỷ lệ thoát nước trong thành phố chỉ đạt khoảng 65% đến 75% mật độ cống theo đường giao thông, các thị trấn đạt 10% đến 30% mật độ cống theo đường giao thông, nhiều điểm dân cư nông thôn vẫn chưa có hệ thống thoát nước.

*** *Hiện trạng thoát nước thải tại các đô thị trên địa bàn tỉnh:***

Thành phố Quy Nhơn đã được đầu tư hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, hệ thống thoát nước thải khu vực nội thị cũ thoát chung với nước mưa, tỷ lệ đầu nối đạt khoảng 60%. Tỷ lệ hộ dân sử dụng xí tự hoại hợp vệ sinh trong thành phố tùy theo khu vực chênh lệch đáng kể từ 33-95% (khu vực nội thị cũ và khu vực mở rộng). Thành phố Quy Nhơn hiện có 02 trạm làm sạch nước thải đi vào vận hành với tổng công suất 16.350 m³/ngày.đêm. Trong đó, nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình có công suất 14.000 m³/ngày.đêm, quy mô 12ha; nhà máy xử lý nước thải 2a có công suất 2.350 m³/ngày.đêm.

Huyện Tuy Phước: Nước thải chủ yếu tự thấm. Tỷ lệ người dân sử dụng xí tự hoại hợp vệ sinh khoảng 58,5 %.

Huyện Vĩnh Thạnh, Huyện An Lão, Huyện Hoài Ân, Huyện Tây Sơn, Thị xã Hoài Nhơn, Huyện Phù Mỹ, Huyện Vân Canh, Huyện Phù Cát: Nước thải chủ yếu tự thấm. Tỷ lệ người dân sử dụng xí tự hoại hợp vệ sinh khoảng 28,5 %.

Hệ thống thoát nước KCN được thiết kế và thi công tách riêng giữa thoát nước mưa và nước thải. Các KCN đã đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh (KCN Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Nhơn Hội) đều có hệ thống xử lý nước thải và vận hành đảm bảo.

*** *Hiện trạng thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh***

Hiện trạng quản lý thu gom, xử lý nước thải từ các khu đô thị, khu tập trung dân cư: Hiện nay, nước thải sinh hoạt cả tỉnh phần lớn vẫn chưa được xử lý, theo cống thu gom và thải ra ven biển, đầm hồ hoặc ruộng, suối. Lưu lượng nước thải phát sinh là 120.000 m³/ngày đêm. Riêng tại thành phố Quy Nhơn vừa có 02 nhà máy xử lý nước

thải đô thị với tổng công suất thiết kế là $16.350\text{m}^3/\text{ngđ}$, chỉ mới xử lý được khoảng 1/3 lượng nước thải sinh hoạt của thành phố, nước thải sau xử lý được thoát ra sông Hà Thanh, Đầm Thị Nại. Còn lại 2/3 lượng nước thải sinh hoạt của thành phố chưa xây dựng hệ thống xử lý.

Hiện trạng quản lý thu gom, xử lý nước thải KCN, CCN và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Theo quy hoạch, tỉnh Bình Định hiện có 08 KCN (không bao gồm các KCN trong KKT Nhơn Hội) và KKT Nhơn Hội. Trong đó: KKT Nhơn Hội và các KCN Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa đã đi vào hoạt động; KCN Hòa Hội đang xây dựng cơ sở hạ tầng; KCN Bình Nghi, KCN Cát Trinh, KCN Long Mỹ giai đoạn 2, KCN Bồng Sơn đang triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý, chưa xây dựng hạ tầng. Trong đó, 03 Khu công nghiệp (Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa) và các KCN trong KKT Nhơn Hội đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hiện nay, chỉ có hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Phú Tài có lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và có kết nối truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 47 CCN đang hoạt động, trong đó có 45/47 CCN nằm trong Quy hoạch phát triển CCN tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và 02/47 CCN (CCN Quang Trung và CCN Nhơn Bình) không nằm trong quy hoạch nhưng vẫn còn hoạt động. Trong 47 CCN đang hoạt động có 36 CCN do nhà nước làm chủ đầu tư và 11 CCN do tư nhân làm chủ đầu tư. Hiện nay có 29/47 CCN đã hoạt động có hồ sơ môi trường (ĐTM, Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết) được UBND tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt; còn lại 18/47 CCN chưa có hồ sơ môi trường.

Trên thực tế, phần lớn các CCN không đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định; trong đó 36/47 CCN có vị trí rất gần khu dân cư, thậm chí có dân cư sinh sống ổn định, xen lẫn trong CCN. 11/47 CCN còn lại có vị trí tương đối đảm bảo về khoảng cách an toàn về môi trường với khu dân cư xung quanh.

Có 09/47 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung; trong đó chỉ có 03/9 CCN (CCN Nhơn Bình, Cát Nhơn, Cát Trinh) có tiến hành đầu nối và thu gom nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của các doanh nghiệp hoạt động trong CCN về hệ thống xử lý nước thải và có nước thải để vận hành hệ thống xử lý; 05/9 CCN công tác thu gom, đầu nối chưa triệt để nên các công trình xử lý nước thải tập trung không có đủ lượng nước thải để vận hành hoặc vận hành không hiệu quả; 01/9 (CCN Gò Đá Trắng) có nước thải về hệ thống xử lý nước thải nhưng hệ thống xuống cấp, hư hỏng nên không vận hành. Đối với 36/47 CCN còn lại chưa có đầy đủ hạ tầng về bảo vệ môi trường nên các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong CCN tự xử lý nước thải theo yêu cầu tại hồ sơ môi trường của từng doanh nghiệp trước khi xả vào hệ thống thoát nước của CCN hoặc tự thấm trong khuôn viên cơ sở.

*** Hiện trạng quản lý nước thải từ các làng nghề**

Về số lượng, cơ cấu các làng nghề: trên địa bàn tỉnh Bình Định có tổng số 57 làng nghề, trong đó có 30 làng nghề (chiếm 52,6%) có Phương án bảo vệ môi trường được phê duyệt. Đến nay, có 15/57 làng nghề được công nhận theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; trong đó, có 04 làng nghề truyền thống và 11 làng nghề.

Về hạ tầng bảo vệ môi trường các làng nghề: Hầu như toàn bộ các làng nghề chưa được đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường, cụ thể như: hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải tập trung, khu tập kết chất thải rắn, cây xanh,... Các hộ sản xuất tại các làng nghề chủ động đầu tư một số công trình xử lý chất thải quy mô hộ gia đình, hiệu quả xử lý không cao.

Về hiện trạng thu gom và xử lý nước thải tại các làng nghề: Nước thải phát sinh từ hoạt động của các hộ sản xuất trong làng nghề đều không được xử lý mà thải thẳng ra môi trường đất, đồng ruộng, nguồn nước mặt gần khu vực. Ngoại trừ làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, xã Nhơn Hậu đã đầu tư xây dựng HTXL nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày, tuy nhiên hiện nay hệ thống xử lý nước thải đã xuống cấp, hư hỏng và vận hành không đảm bảo. Tại những làng nghề chế biến hải sản (*như Làng nghề chế biến hải sản khô trên địa bàn xã Mỹ An, Mỹ Thọ, huyện Phù Mỹ*) việc sản xuất chỉ thực hiện theo mùa vụ (khoảng 4-5 tháng/năm), nước thải của làng nghề chưa được thu gom, xử lý đã gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến khu dân cư lân cận.

Về hiện trạng phát sinh và xử lý khí thải: Khí thải phát sinh tập trung chủ yếu ở một số làng nghề như: làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, làng nghề gốm Vân Sơn và làng nghề truyền thống rèn Tây Phương Danh ở thị xã An Nhơn,... từ hoạt động sử dụng nhiên liệu trong công nghệ sản xuất rèn, làm gốm, tiện gỗ,... Phần lớn các hộ sản xuất không đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định;

Về hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn tại các làng nghề: Các hộ sản xuất trong làng nghề tự hợp đồng với các đơn vị tại địa phương thu gom, xử lý CTR sinh hoạt. Chất thải rắn sản xuất phát sinh từ quá trình sản xuất, một phần được các hộ thu gom chung với rác thải sinh hoạt; một phần dùng làm nhiên liệu đốt và được tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Hiện nay, phần lớn các hộ sản xuất trong các làng nghề chưa thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định mà thu gom và xử lý chung với chất thải sinh hoạt.

*** Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị trên địa bàn thị xã An Nhơn**

Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn thị xã An Nhơn chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt mà mới đầu tư các công trình xử lý nước thải công suất xử lý nhỏ, xử lý mang tính cục bộ ở phạm vi hẹp nhằm xử lý những nơi bức xúc về môi trường như: Nhà máy xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gò Đá Trắng 110m³/ngày.đêm; nhà máy xử lý nước thải cụm công nghiệp Thanh Liêm, Nhơn An

50m³/ngày.đêm; nhà máy xử lý nước thải làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, Nhơn Hậu 60m³/ngày.đêm; đồng thời các khu dân cư đầu tư từ năm 2019 đến nay đều đã đầu tư hệ thống ống dẫn nước thải sinh hoạt bố trí riêng với hệ thống thoát nước mưa bằng cống thu gom nước thải ống HDPE, nước thải thu gom chảy về bể tự hoại 03 ngăn trong khu dự án chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thị xã.

Hiện trạng hệ thống thoát nước khu vực nội thị:

Hệ thống thoát nước hiện nay chủ yếu là hệ thống công chung giữa nước mưa và nước thải và một số khu dân cư phát triển mới có 2 hệ thống thoát nước riêng, tuy nhiên các hệ thống chưa hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước chủ yếu tập trung ở các khu vực các tuyến đường chính khu trung tâm của thị xã như phường Bình Định, phường Đập Đá và một số tuyến đường Quốc lộ, đường liên phường. Một số tuyến đường hẻm trong các phường Bình Định, Đập Đá hiện tại chưa có hệ thống thoát nước, nước mưa, nước thải sinh hoạt chảy tự do và tự thấm, hiện tại nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên xuống sông, suối hiện hữu: sông Tân An, sông Cầu Gành, sông Gò Chàm, sông Đập Đá, sông Thị Lự. Tại nhiều khu vực của các phường nội thị nước thải sinh hoạt của dân cư hiện nay vẫn còn tình trạng cho tự thấm bằng các hố rút, do vậy ảnh hưởng tới môi trường nước ngầm. Nhiều làng nghề truyền thống nằm ngay trong khu dân cư chưa có biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải... nên nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng cho cộng đồng càng lớn. Có thể kể ra một số làng nghề tác động xấu đến môi trường như nghề nấu đúc kim loại (thị xã An Nhơn), các làng nghề nấu rượu, làm bún...

- *Phường Bình Định:* Có một số tuyến chính đã có hệ thống thoát nước như đường: Ngô Gia Tự, Quang Trung, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Đình Chiểu. Khu dân cư đường Thanh Niên, khu vui chơi giải trí đường Quang Trung nối dài, Khu dân cư đường Ngô Gia Tự, khu tiểu thủ công nghiệp phường Bình Định và dọc theo tuyến Quốc lộ 1. Hệ thống thoát nước mưa được chia làm 2 lưu vực: lưu vực phía Bắc đường Lê Hồng Phong thoát về tuyến mương thủy lợi, còn lưu vực phía Nam đường Lê Hồng Phong thoát vào Hào Thành. Hào Thành này chưa thông ra cửa sông Cầu Gành, nên mùa mưa lũ ngập úng một số tuyến đường.

- *Phường Đập Đá:* Phường Đập Đá đã có hệ thống thoát nước mưa, tuy nhiên cũng chưa hoàn chỉnh, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm phường và một số tuyến đường mới xây dựng, nước mưa tự chảy từ cao đến thấp theo độ dốc địa hình thoát vào hệ thống kênh mương khu vực, và thoát vào những vùng trũng chảy xuống sông Đập Đá, sông Thị Lự. Có những nơi bị ngập úng gây ách tắc giao thông. Còn lại tại các phường nội thị khác và các xã hệ thống thoát nước cơ bản chưa được đầu tư xây dựng nhiều, hệ thống chủ yếu là các mương thu nắp đan và mương hở dọc theo đường.

- *Hiện trạng thoát nước mưa khu vực các phường nội thị.*

TT	Phường/Tên đường	tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
I	Phường Bình Định				40.159	
1	Ngô Đức Đệ		Cầu xéo	Đường sắt	1.100	1,0
2	Quang Trung		Đường 30/3	Ga Bình Định	1.720	0,8
3	Nguyễn Đình Chiểu		Đường 30/3	Võ Duy Dương	1.200	0,8
4	Trần Phú		Giáp P Nhơn Hưng	Cầu Tân An	2.560	0,8
5	Lê Hồng phong		Trần Phú	Thanh Niên	850	0,8
6	N.T. Minh Khai		Lê Hồng phong	Cần Vương	750	0,8
7	Ngô Gia Tự		Cầu bà Thế	Cầu Xéo	1.730	0,8
8	Nguyễn Trọng Trì		Ngô Gia Tự	Lê Hồng phong	200	0,8
9	Thanh Niên		Ngô Gia Tự	Cần Vương	770	0,6
10	Đường 30/3		Nguyễn Đình Chiểu	Ngô Gia Tự	950	0,6
11	Mai Xuân Thưởng		Quang Trung	Hàm Nghi	523	0,6
12	Trần Thị Kỷ		Quang Trung	Võ Duy Dương	513	0,6
13	Trần Quốc Toàn		Đào Tấn	Đường 30/3	145	0,6
14	Đào Tấn		Trần Quốc Toàn	Đường 30/3	550	0,6

TT	Phường/Tên đường	tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
15	Hồ Sĩ Tạo		Đường 30/3	Phạm Hồng Thái	250	0,6
16	Phan Đăng Lưu		Ngô Gia Tự	Quang Trung	185	0,6
17	Phạm Hồng Thái		Đào Tấn	Quang Trung	230	0,6
18	Lương Thế Vinh		Đường 30/3	Phạm Hồng Thái	185	0,6
19	Mai Dương		Nhà ông Hoàng	Đường 30/3	339	0,6
20	Huỳnh Thúc kháng		QL1A	Trần Phú	794	0,6
21	Trần Bình Trọng		Đường 30/3	Nguyễn Đình Chiểu	158	0,6
22	Phan Đình Phùng		Nguyễn Đình Chiểu	Hàm Nghi	230	0,6
23	Phan Bội châu		Nguyễn Sinh Sắc	Kim Đồng	200	0,6
24	Phan Chu Trinh		Nguyễn Khuyến	Hàm Nghi	180	0,6
25	Nguyễn Sinh Sắc		Lê Hồng Phong	Hàm Nghi	470	0,6
26	Trần Văn Ôn		Nguyễn Sinh Sắc	Hàm Nghi	370	0,6
27	Nguyễn Khuyến		Nguyễn Sinh Sắc	Phan Đình Phùng	140	0,6
28	Trần Cao Vân		Trần Văn Ôn	Phan Chu Trinh	186	0,6

TT	Phường/Tên đường	tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
29	Kim Đồng		Phan Đình Phùng	Phan Chu Trình	93	0,6
30	Võ Thị Yên		Lê Hồng Phong	Nhà ông Ánh	202	0,6
31	Nguyễn Mân		Lê Hồng Phong	Nguyễn Đình Chiểu	250	0,6
32	Võ Duy Dương		Lê Hồng Phong	Trần Thị Kỳ nổi dài	390	0,6
33	Phạm Hồ		Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn T Minh Khai	148	0,6
34	Chế Lan Viên		Ngô Đức Đệ	Ngô Đức Đệ	400	0,6
35	Yến Lan		Chế Lan Viên	Lâm Văn Thạnh	125	0,6
36	Lâm Văn Thạnh		Chế Lan Viên	Cầu bà Tân	400	0,6
37	Đường số 7-KDC Lầu Chuông				24	0,6
38	Đường số 8-KDC Lầu Chuông				48	0,6
39	Tăng Bạt Hồ		Ngô Đức Đệ	Cầu Long Quang	600	0,6
40	Khu dân cư tổ 3 Kim châu				450	0,6
41	Khu dân cư đối diện Nhà máy nước sạch Bình Định				80	0,6

TT	Phường/Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
42	Khu dân cư tổ 5 Kim Châu			2.045	0,6-1,0
43	Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh			1.608	0,6
44	Khu dân cư Vĩnh Liêm			555	0,6
45	Khu dịch vụ, thương mại, dân cư Bắc Cầu Tân An			2.925	0,6
46	Khu dịch vụ, thương mại, dân cư Bắc Sông Tân An			3.824	0,6
47	Khu dân cư Hưng Thịnh			8.514	0,6
II	Phường Đập Đá			9.005	
1	Hồng Lĩnh	Huỳnh Đăng Thơ	Nhơn Hậu	1.400	0,8
2	Huỳnh Đăng Thơ	cầu Đập Đá cũ	Lê Duẩn	350	0,8
3	Ngô Văn sở	Cổng Làng Rèn	Khu Thiết Ché	650	0,9
4	Nguyễn Lữ	Lê Duẩn	Khu Lò Gạch	535	0,9
5	Võ Văn Dũng	Hồng Lĩnh	Nguyễn Nhạc	920	0,9
6	Nguyễn Nhạc	Nguyễn Nhạc	Lê Duẩn	750	0,8
7	Khu Đô Thị Mới	KĐT mới	KĐT mới	500	0,9
8	Khu Dân Cư L	Võ Văn Dũng	Trần Quang Diệu	700	0,9

TT	Phường/Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
9	Khu Dân Cư Đội 4 Bằng Châu	Nguyễn Lữ	Đường nội bộ KDC	400	0,9
10	Khu Thiết Chế Làng Rèn	Đường nội bộ KDC	Ngô Văn sở	300	0,9
11	Khu Dân Cư Bả canh	Đường nội bộ KDC	Lê Duẩn	250	0,8
12	Khu dân Cư Lò Gạch Bằng Châu	Đường nội bộ KDC	Đường Nguyễn Lữ	300	0,9
13	Khu Dân Cư L	Võ Văn dững	Trần Quang Diệu	700	0,9
14	Khu Dân Cư Đội 4 Bằng Châu	Nguyễn Lữ	Đường nội bộ KDC	400	0,9
15	Khu Thiết Chế Làng Rèn	Đường nội bộ KDC	Ngô Văn sở	300	0,9
16	Khu Dân Cư Bả canh	Đường nội bộ KDC	Lê Duẩn	250	0,8
17	Khu dân Cư Lò Gạch Bằng Châu	Đường nội bộ KDC	Đường Nguyễn Lữ	300	0,9
III	Phường Nhơn Thành			6.758	
1	Đường Phạm Văn Đồng			3.000	1,0
2	Khu Tái định cư Q1 1A			581	1,0
3	Khu QH Dân cư Vạn Thuận			500	0,8
4	Khu QH Dân cư Phú Thành			250	0,8

TT	Phường/Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
5	Khu QH Dân cư Sau trường THCS Nhơn Thành			1.500	0,8
6	Khu QH Dân cư Gần chợ Gò Găng			277	0,8
7	Khu Tái định cư đường trục KKT nối dài			650	0,8
IV	Phường Nhơn Hòa			11.929	
1	Đường Nguyễn Văn Linh	Giáp ranh phường Bình Định	Giáp cầu Gành	1.000	0,8
2	Đường Võ Nguyên giáp	Giáp cầu Gành	Giáp cầu Đen	7.000	0,8
3	Đường Nguyễn Trung Trục	Ngã tư An Lộc	Giáp khu vực Phụ Quang	400	0,6
4	Đường Biên Cương	Quốc lộ 19	Công ty 224	750	1,0
5	Khu quy hoạch dân cư Đức Minh Đạt			783	0,6
6	Khu quy hoạch dân phía Tây Nam trụ sở			973	0,6
7	Khu quy hoạch dân cư Hòa Nghi			187	0,5
8	Khu quy hoạch dân cư Tân Hòa			836	0,6
V	Phường Nhơn Hưng			7.471	
1	Đường Nguyễn Du	QL1A	Nhà ông Bình	281	0,6

TT	Phường/Tên tuyến đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài(m)	Khẩu độ (m)
2	Đường Lương Định Của	QL1A	Nhà ông Sự	392	0,6
3	Đường Hoàng Hoa Thám	QL1A	Cổng ông Thủy	395	0,6
4	Điểm quy hoạch dân cư xen kẽ dọc Quốc Lộ 1	Sen Hồng	Giáp KDC An Ngãi	470	0,6
5	Khu dân cư An Ngãi, phường Nhơn Hưng			560	0,6
6	Khu dân cư An Ngãi, phường Nhơn Hưng			177	0,8
7	Khu dân cư Phò An, phường Nhơn Hưng			920	0,6
8	Khu dân cư Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng			2.068	0,6-0,8
9	Khu dân cư đội 9 khu vực Hòa Cư			696	0,6-0,8
10	Khu dân cư khu vực Hòa Cư			1.512	0,6-0,8

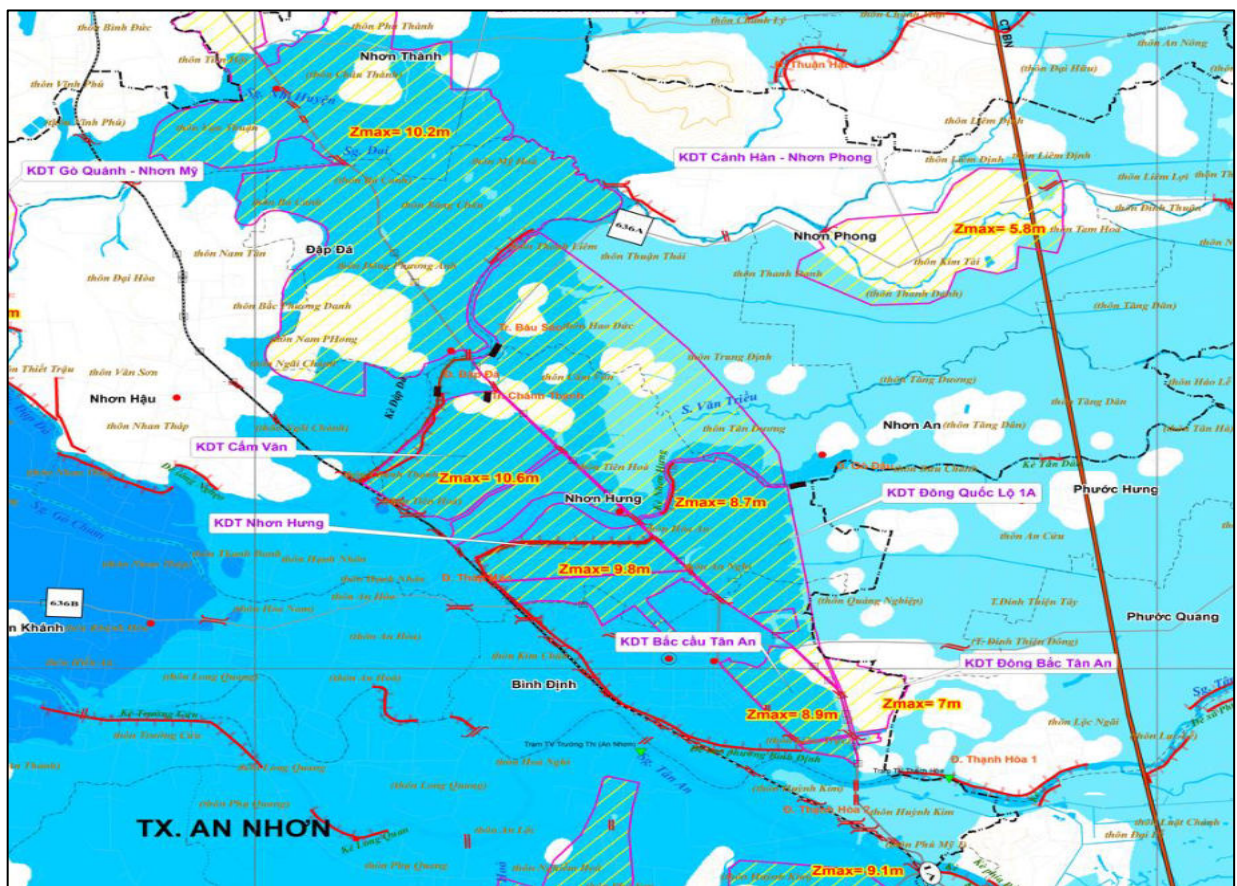
Hiện nay, một số dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới trên địa bàn thị xã đã được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tách riêng như: KDC Vĩnh Liêm, KDC tổ 5 Kim Châu, KDC tổ 10 Liêm Trục, KDC tổ 4 Bằng Châu, khu dân cư và thiết chế văn hóa làng rèn Tây Phương Danh, KDC Bàn Thành, KDC Ngãi Chánh 3, KDC Phò An, KDC tổ 3 Kim Châu và các khu dân cư ở các xã.

Danh mục các khu dân cư mới trên địa bàn thị xã đã đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước riêng:

STT	Tên dự án	Quy mô (ha)	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
1	Khu dân cư Đông Bàn Thành, phường Đập Đá	10,5	Khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá	Đã thi công xong hạ tầng dự án

STT	Tên dự án	Quy mô (ha)	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
2	Khu dân cư đường N4 thuộc Khu đô thị mới Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng	6,5	Khu vực Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng	Đã thực hiện xong
3	Khu đô thị dọc hai bên đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng	35	Phường Bình Định và Nhơn Hưng	Đã thực hiện xong 26ha
4	Khu Dịch vụ - dân cư Bắc sông Tân An, phường Bình Định	14,6	Khu vực Liêm Trục, phường Bình Định	Đã thi công xây dựng hạ tầng khu đô thị.
5	Khu đô thị - Thương mại – Dịch vụ Đông bắc cầu Tân An, phường Bình Định	37,7	Khu vực Liêm Trục, phường Bình Định	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật
6	Khu Dịch vụ thương mại dân cư Bắc cầu Tân An, phường Bình Định	70	Khu vực Vĩnh Liêm và Liêm Trục, phường Bình Định	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật
7	Khu dân cư Bàn Thành, phường Đập Đá	5,2	Phường Đập Đá	Thi công xong hạ tầng
8	Khu dân cư trung tâm xã Nhơn Thọ	8,0	Thôn Thọ Lộc 1	Đang xây dựng
9	Khu dân cư khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	12,2	Khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật
10	Khu dân cư Đội 9, khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	4,3	Khu vực Hòa Cư, phường Nhơn Hưng	Đang thực hiện.

STT	Tên dự án	Quy mô (ha)	Địa điểm xây dựng	Tình hình triển khai
11	Khu đô thị mới đường Lê Hồng Phong nối dài về phía đông, phường Bình Định, thị xã An Nhơn	29,5	Khu vực Vĩnh Liêm, phường Bình Định	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật
12	Khu dân cư số 01 phía đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bình Định:	9,4	Khu vực Vĩnh Liêm, phường Bình Định	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật
13	Khu dân cư hai bên đường từ Cầu Trường Thi đi Quốc lộ 19 thuộc khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa	16	Khu vực An Lộc, phường Nhơn Hòa	Đã đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật



Hình 3: Bản đồ ngập lụt đô thị An Nhơn tần suất 10%

*** Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải tại khu vực đô thị Bồng Sơn**

Thị xã Hoài Nhơn nằm ở phía bắc tỉnh Bình Định, cách thành phố Quy Nhơn 87 km. Toàn thị xã có 17 đơn vị hành chính gồm 11 phường và 6 xã: các phường gồm: Hoài Hảo, Hoài Tân, Hoài Đức, Hoài Xuân, Hoài Thanh, Hoài Thanh Tây, Hoài Hương, Tam Quan Nam, Tam Quan Bắc, Bồng Sơn, Tam Quan. Các xã gồm: Hoài Sơn, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Phú, Hoài Mỹ, Hoài Hải; với 4 khu vực trung tâm đó là khu vực đô thị Bồng Sơn, khu vực đô thị Tam Quan, khu vực đô thị Hoài Thanh Tây, khu vực đô thị Hoài Hương.

Về hiện trạng thoát nước thải: Hiện tại, khu vực Bồng Sơn, hệ thống thoát nước được thoát nước về 02 lưu vực chính: Lưu vực 1 thuộc khu vực phía Nam (*tại khu vực đường Nguyễn Tất Thành*) nước thải được thải ra sông Lại Giang thông qua 05 cửa xả. Lưu vực 2 là các khu vực còn lại, nước thải được thu gom và thoát về kênh Lại Giang. Hiện tại, các tuyến công thoát nước ở khu vực đô thị Bồng Sơn được thoát về 02 hướng chính là thoát ra sông Lại Giang và kênh Lại Giang. Khu vực nghiên cứu chưa có hệ thống nước thải riêng. Toàn bộ nước thải đều được thu gom cùng với nước mưa thoát theo hệ thống cống chung rồi xả ra khu vực đất trũng và các sông, hồ. Nước thải bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn đặt tại phường Bồng Sơn được xử lý tại trạm xử lý nước thải của bệnh viện.

Hiện trạng công trình xử lý nước thải: Hiện tại Bồng Sơn chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chỉ có các bể tự hoại trong các khu dân cư các công trình công cộng được xử lý sơ bộ, nhưng không được quản lý, kiểm tra nên các bể tự hoại đều xử lý không tốt, chất lượng nước thải sau xử lý tự hoại đều không đạt tiêu chuẩn vệ sinh.

Hiện trạng thoát nước mưa: Hiện tại, khu vực Bồng Sơn đã có hệ thống thoát nước mưa nhưng chưa hoàn chỉnh. Cụ thể như sau:

- Tuyến đường Quang Trung (tuyến đường QL1A cũ): có điểm đầu là cầu Bồng Sơn cũ đến ngã ba Mũi Tàu: có chiều dài: 1.900 m đã có hệ thống thoát nước mưa ở 2 bên đường với kết cấu mương đập nắp đan với kích thước 0,5x0,7m, 0,6x0,8m với tổng chiều dài đường cống thoát nước là 2.000m. Hướng thoát về phía Đông;

- Tuyến đường Hai Bà Trưng: có điểm đầu là đường Quang Trung (Quốc lộ 1A cũ) và điểm cuối là đường ven kênh Lại Giang, có chiều dài 1.100 m trong đó có đoạn từ đường Quang Trung đến Trần Hưng Đạo có chiều dài 470 m đã có hệ thống cống tròn có đường kính D800 mm hướng thoát đổ về hệ thống đường Quang trung; Còn lại tuyến đường từ Trần Hưng Đạo đến đường ven kênh Lại Giang có chiều dài 630m, đã có dự án và đang chuẩn bị triển khai thi công với hướng thoát ra kênh Lại Giang;

- Tuyến đường Trần Hưng Đạo: có điểm đầu là đường Quang Trung (Quốc lộ 1A cũ) và điểm cuối là đường Quốc lộ 1A mới có chiều dài 1.830m (mở rộng ra hết bờ sông). Trong đó mới có 350m có hệ thống cống tròn, có đường kính D800 mm. Hướng thoát nước từ 2 phía đường Quang Trung và đường Trần Phú về đường đường Tăng Bạt Hổ kéo dài (đường Tây Bắc chợ) rồi đổ ra xi phông;

- Tuyến đường Biên Cương: có điểm đầu là đường Hai Bà Trưng và điểm cuối là đường Quốc lộ 1A mới (mở rộng hết bờ sông) với chiều dài: 1.520 m trong đó có đoạn đường từ đường Hai Bà Trưng đến đường Lê Lợi với chiều dài 380 m đã có hệ thống công ngầm thoát nước có đường kính D800 mm Còn lại tuyến đường từ đường Lê Lợi đến Quốc lộ 1A với chiều dài 1.140m chưa có hệ thống thoát nước;

- Tuyến đường Tăng Bạt Hổ: có điểm đầu là đường Trần Phú và điểm cuối là đường ven kênh Lại Giang có chiều dài 800m; trong đó có đoạn đường từ đường Trần Hưng Đạo đến đường ven kênh Lại Giang (đường Tây Bắc chợ) có chiều dài 600m đã có hệ thống công ngầm thoát nước, có đường kính D=1000, hướng thoát từ đường Trần Hưng Đạo đến kênh Lại Giang và đổ vào xi phông . Còn lại đoạn từ đường Trần Phú đến đường Trần Hưng Đạo chưa có hệ thống công thoát nước;

- Tuyến đường Lê Lợi: có điểm đầu là đường Bạch Đằng và điểm cuối là Giáp Quốc lộ 1 và khu Bàu Rong có chiều dài 1.000m trong đó có đoạn đường từ Bạch Đằng đến đường Trần Hưng Đạo đã có hệ thống công thoát nước với đường kính D1000mm, hướng thoát ra sông Lại Giang; đoạn còn lại từ đường Trần Hưng Đạo đến Quốc lộ 1 hiện đang triển khai thi công (thuộc dự án đường kết nối Quốc lộ 1A cũ và Quốc lộ 1A mới) với đường kính D800m, hướng thoát ra kênh Lại Giang;

- Tuyến đường Trần Phú: có điểm đầu là đường Quang Trung (Quốc lộ 1A cũ) đến điểm cuối là đường Quốc lộ 1A mới (mở rộng hết bờ sông); trong đó đoạn từ đường Quang Trung (Quốc lộ 1A cũ) đến đường Trần Hưng Đạo có chiều dài 330 m đã có đã có hệ thống công thoát nước với đường kính D800 mm hướng thoát gom về đường Trần Hưng Đạo và ra xi phông; đoạn còn lại từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Quốc lộ 1A mới chưa có hệ thống công thoát nước;

- Tuyến đường Bùi Thị Xuân có điểm đầu là đường Trần Phú đến điểm cuối là Bạch Đằng có chiều dài 400 m đã có hệ thống công thoát nước với đường kính D800mm. Hướng thoát ra Sông Lại Giang;

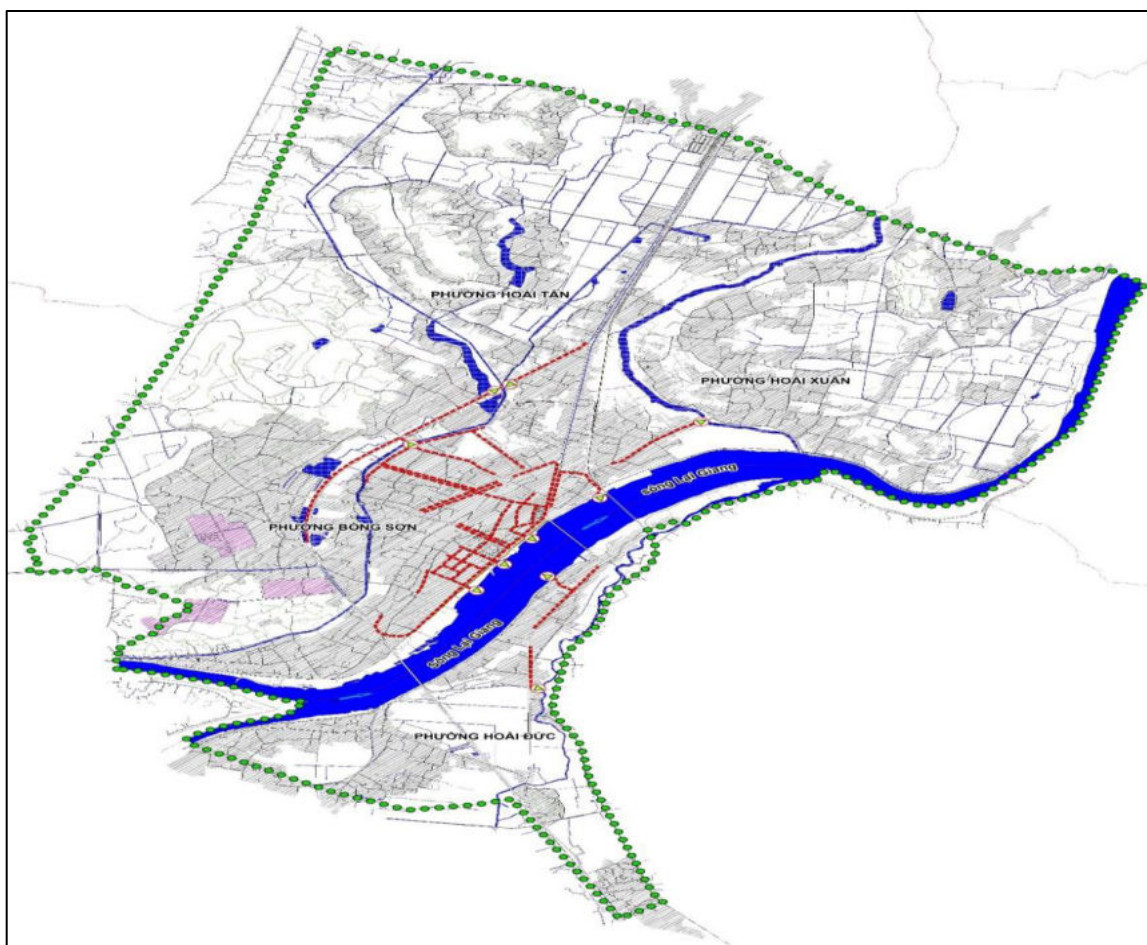
- Tuyến đường Nguyễn Tất Thành (đê bao): có điểm đầu là đường Quang Trung và điểm cuối là đường Biên Cương có chiều dài 2.100m chưa có hệ thống công thoát nước nhưng đã có dự án (Khu hành chính dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng). Hiện tại trên tuyến đường này đã có 5 cửa xả thoát nước trong đó có 3 cửa đã được đầu nối và 2 cửa chờ. Hướng thoát ra sông Lại Giang;

- Tuyến đường Nguyễn Trân: có điểm đầu là đường Hai Bà Trưng đến điểm cuối là Lê Lợi có chiều dài 410 m đã có hệ thống công thoát nước với đường kính D800m mm. Hướng thoát ra sông Lại Giang;

- Tuyến đường 28/3: có điểm đầu là đường Hai Bà Trưng đến điểm cuối là Bạch Đằng có chiều dài 240m đã có hệ thống công thoát nước D800 hướng thoát về sông Lại Giang (cửa xả trước Kho Bạc);

- Tuyến đường Trần Quang Diệu có điểm đầu là đường Trần Phú đến điểm cuối là Tăng Bạt Hổ có chiều dài 140 m chưa có hệ thống công thoát nước;

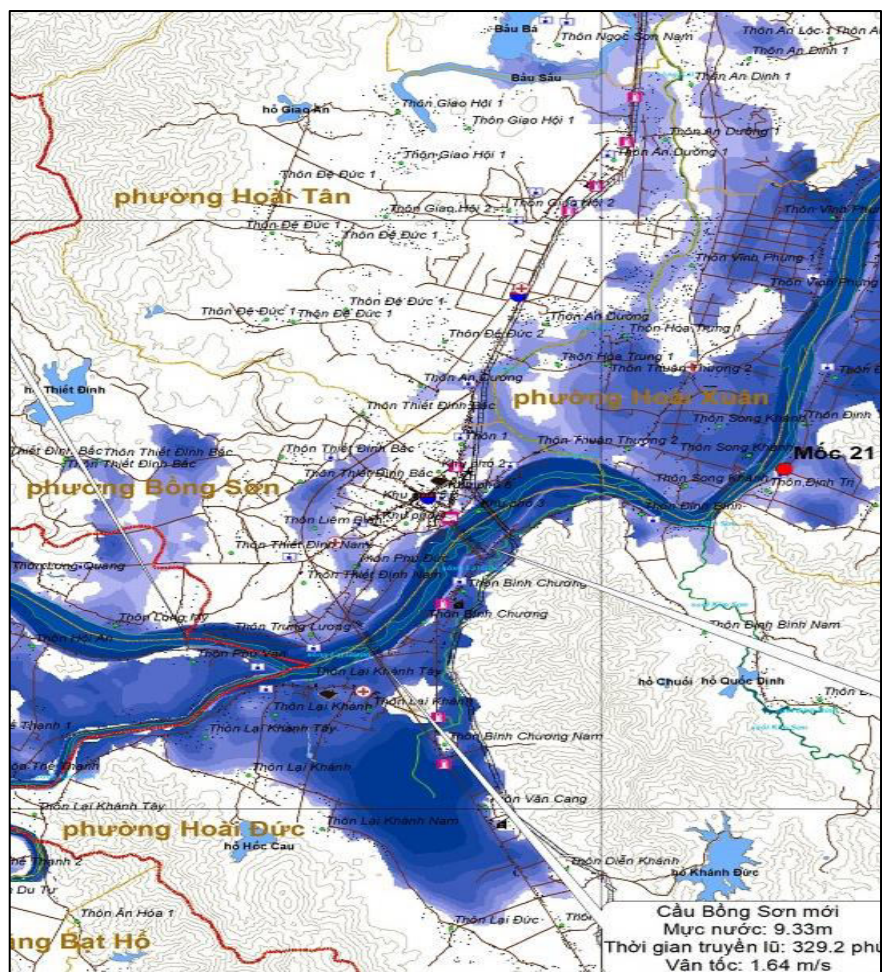
- Tuyến đường Đào Duy Từ có điểm đầu là đường Quang Trung đến điểm cuối là giáp Hoài Xuân có chiều dài 1100 m chưa có hệ thống cống thoát nước;
- Tuyến đường Ngô Quyền có điểm đầu là đường Quang Trung đến điểm cuối là đường Đào Duy Từ có chiều dài 480 m chưa có hệ thống cống thoát nước;
- Tuyến đường ven sông Lại Giang: có điểm đầu là đường Nguyễn Tất Thành (đê bao) đến điểm cuối là đập Lại Giang có chiều dài 1.830 m chưa có hệ thống cống thoát nước;
- Tuyến đường vào cụm công nghiệp Bồng Sơn: có điểm đầu là đường Quốc lộ 1A mới đến điểm cuối là cụm công nghiệp có chiều dài 480 m, đã có có hệ thống cống thoát nước và hướng đổ về kênh Lại Giang (tuy nhiên do vướng giải phóng mặt bằng nên chưa thi công hoàn thiện);
- Các tuyến đường khu hành chính, dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng: thực hiện theo quy hoạch được duyệt;
- Hướng thoát chính toàn TT. Bồng Sơn hiện nay là ra sông Lại Giang và kênh Lại Giang;
- Tại Bồng Sơn hiện có 02 điểm thường xảy ra ngập úng cục bộ là ngã tư đường Trần Hưng Đạo giao đường Trần Phú và tuyến đường Quang Trung đoạn gần bến xe.



Hình 4: Bản đồ hiện trạng hệ thống thoát nước đô thị Bồng Sơn



Hình 5: Công thoát nước thải trực tiếp ra sông Lại Giang



Hình 6: Bản đồ ngập lụt đô thị Bông Sơn tần suất 10%

*** Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải tại khu vực đô thị Tam Quan**

Công trình thoát nước:

Do điều kiện địa hình có tuyến đường Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc – Nam chạy song song nên chia đô thị dọc đường Quốc lộ về phía Tây và Đông hướng thoát nước chính về phía Bắc đổ ra nhánh sông Tam Quan đổ ra Biển Đông.

Hệ thống thoát nước chủ yếu được đầu tư xây dựng tại khu vực đô thị Tam Quan và các khu vực dọc theo tuyến đường quốc lộ 1A. Các khu vực khác, hệ thống thoát nước được xây dựng tại hầu hết các trung tâm phường. Nước thải sinh hoạt chỉ xử lý bằng bể tự hoại, bán tự hoại tại các hộ gia đình, sau đó thải ra môi trường và thấm xuống đất. Các Cụm công nghiệp, khu chế biến và các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn từng bước thay đổi công nghệ, đồng thời đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng mới nhằm đảm bảo nguồn nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

Khu vực đô thị Tam Quan gồm: phường Tam Quan, Tam Quan Bắc, 1 phần phường Hoài Hảo, 1 phần phường Tam Quan Nam. Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải khu vực này chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt mà mới đầu tư 01 công trình xử lý nước thải công suất xử lý nhỏ, xử lý mang tính cục bộ ở phạm vi của Khu chế biến thủy Sản tập trung Tam Quan Bắc công suất 200m³/ngày.đêm và các khu xử lý nước thải của các nhà máy tại cụm công nghiệp Tam Quan.

Hệ thống thoát nước hiện nay chủ yếu là hệ thống cống thoát nước mưa, chưa có hệ thống thoát nước thải và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, một số khu dân cư phát triển mới như Phú Mỹ Lộc, Nam xăng dầu Việt Hưng, Khang Mỹ Lộc có 2 hệ thống thoát nước riêng, tuy nhiên các hệ thống chưa hoàn chỉnh.

Hệ thống thoát nước chủ yếu tập trung ở các khu vực các tuyến đường chính như 3/2, Quang Trung phường Tam Quan; Nguyễn Chí Thanh, Võ Nguyên Giáp, Thống Nhất, Trần Quang Khải; Võ Nguyên Giáp, Cửu Lợi phường Tam Quan Nam; Lê Hồng Phong, Quang Trung, Nguyễn Hữu Tiến phường Hoài Hảo.

Các tuyến đường còn lại hiện tại chưa có hệ thống thoát nước hoặc chỉ có những đoạn ngắn; nước mưa, nước thải sinh hoạt chảy tự do và tự thấm, hiện tại nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên xuống sông, suối hiện hữu: sông Tân Thành. Sông Kho Dầu, Sông Tam Quan; Suối giữa....

Nước thải sinh hoạt của dân cư hiện nay chủ yếu là cho tự thấm bằng các hố rút, do vậy ảnh hưởng tới môi trường nước ngầm.

Làng nghề truyền thống bánh tráng, bún số tám Tam Quan Nam nằm ngay trong khu dân cư chưa có biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải... nên nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng cho cộng đồng càng lớn.

Một số khu vực khi có những trận mưa với cường độ lớn kết hợp với triều cường thường xảy ra ngập úng gây ách tắc giao thông, sinh hoạt của nhân dân như khu vực

đường Tôn Chất phường Tam Quan Nam, khu vực khu phố Trường Xuân phường Tam Quan Bắc

Hiện trạng thoát nước mưa khu vực các phường nội thị:

TT	Tên tuyến đường	Cấp quản lý	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Khẩu độ (m)
I	Phường Tam Quan				5.885	
1	Quang Trung (QL1)	Cục đường bộ	Km1130+100	Km1132+400	2.300	1,0
2	3 tháng 2 (QL1)	Cục đường bộ	Km1129+100	Km1132+400	3.200	1,0
3	26 tháng 3	Phường	Quang Trung	3/2	385	1,0
II	Phường Tam Quan Bắc				4.226	
1	Nguyễn Chí Thanh	Sở GTVT	Võ Nguyên Giáp	Quang Trung	2.018	0,8
2	Võ Nguyễn Giáp	Sở GTVT	Nguyễn Chính Thành	Giáp phường Tam Quan Nam	226	0,8
3	Thống Nhất	Phường	Cảng cá Tam Quan	Quang Trung	852	1,0
4	Trần Quang Khải	Phường	Thống Nhất	Nguyễn Chí Thanh	1.130	0,8
III	Phường Tam Quan Nam				5.157	
1	Võ Nguyễn Giáp	Sở GTVT	Nguyễn Chính Thành	Giáp phường Tam Quan Nam	4.395	0,8
2	Cửu Lợi	Phường			762	0,8

TT	Tên tuyến đường	Cấp quản lý	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Khẩu độ (m)
IV	Phường Hoài Hảo		Giáp phường Tam Quan	Nguyễn Trân	6.465	
1	Quang Trung (QL1)	Cục đường bộ	Km1132+400	Km1134+930	2.530	1,0
2	Lê Hồng Phong	Thị xã	Quang Trung	Cầu Cây Bàng	2.940	0,8
3	Nguyễn Hữu Tiến	Phường	Bùi Đức Sơn	Phan Chu Trinh	995	1,0

Hiện nay trên khu vực có một dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới đã được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tách riêng là khu đô thị Phú Mỹ Lộc phường Tam Quan với quy mô 12,9 ha.



Hình 7: Bản đồ hiện trạng thoát nước đô thị Tam Quan



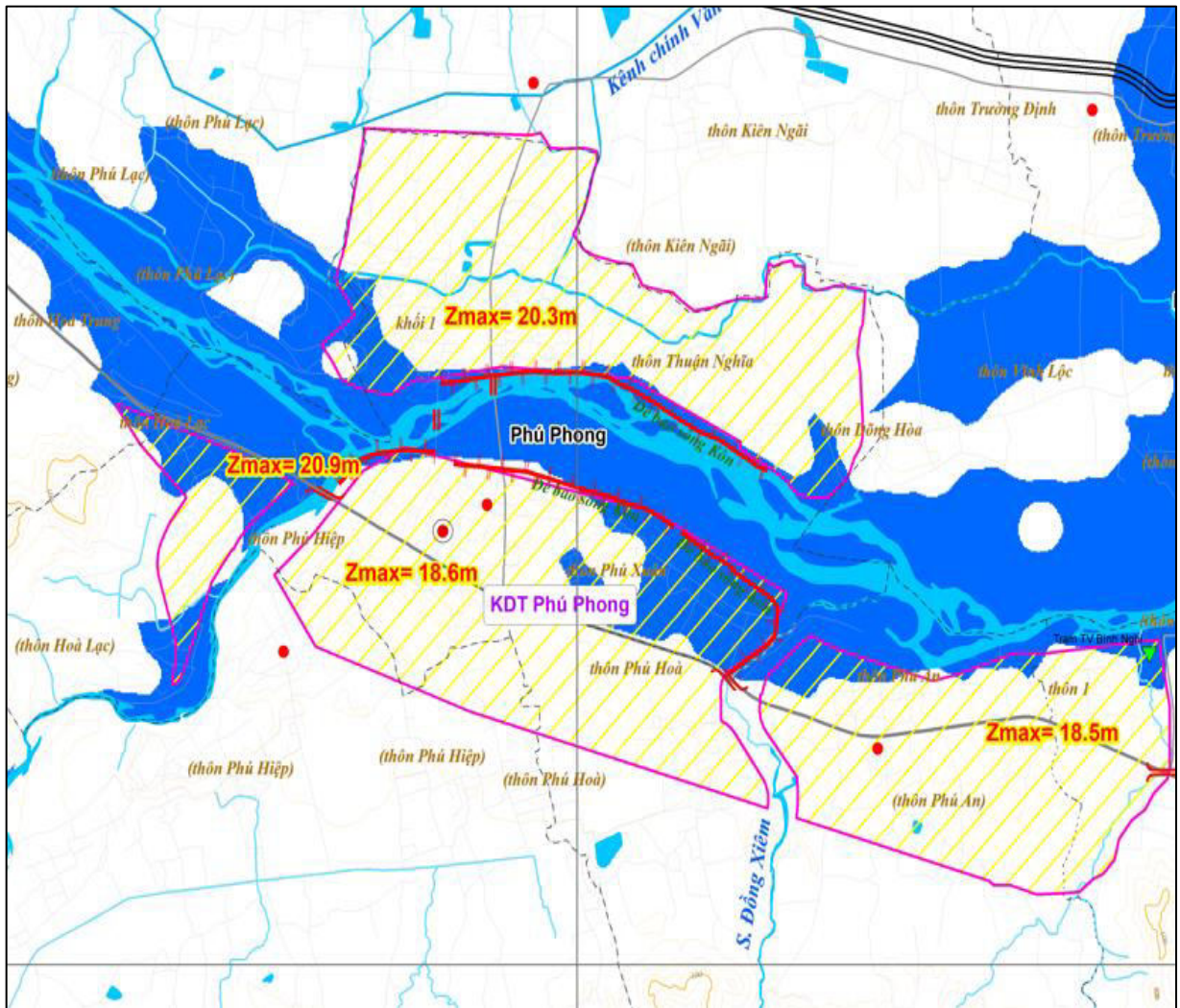
Hình 8: Công thoát nước thải phường Bồng Sơn



Hình 9: Bản đồ ngập lụt đô thị Tam Quan tần suất 10%

* Hiện trạng công tác thu gom, xử lý nước thải tại khu vực đô thị Tây Sơn

Hiện nay, tại huyện Tây Sơn chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt, chưa đầu tư hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống thoát nước thải hiện nay chủ yếu là hệ thống cống chung giữa nước mưa và nước thải và một số khu dân cư phát triển mới có 2 hệ thống thoát nước riêng, tuy nhiên các hệ thống chưa hoàn chỉnh. Hệ thống thoát nước chủ yếu tập trung ở các khu vực các tuyến đường chính khu trung tâm của huyện là thị trấn Phú Phong và tuyến đường Quốc lộ 19. Một số tuyến đường hẻm trong hiện tại chưa có hệ thống thoát nước, nước mưa, nước thải sinh hoạt chảy tự do và tự thấm, hiện tại nước mưa chảy theo địa hình tự nhiên xuống sông, suối hiện hữu như sông Côn, sông Cút, suối Đồng Xiêm,..., do vậy ảnh hưởng tới môi trường nước ngầm. Nhiều làng nghề truyền thống nằm ngay trong khu dân cư chưa có biện pháp xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải... nên nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng cho cộng đồng càng lớn.



Hình 10: Bản đồ ngập lụt đô thị Tây Sơn tần suất 10%

*** Vấn đề ngập lụt và giải pháp ứng phó tại các đô thị**

- **Thị xã An Nhơn:** Thị xã An Nhơn nằm trong vùng ảnh hưởng ngập lụt hạ lưu hệ thống sông Côn - Hà Thanh. Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Côn - Hà Thanh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 16/8/2022. Mục tiêu của Kế hoạch nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại do lũ lụt gây ra và tăng cường, nâng cao năng lực quản lý, ứng phó với lũ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của vùng đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, trong đó có xét đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng tại tỉnh Bình Định đã được đưa vào tính toán theo kịch bản RCP8.5 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đến năm 2050 nhiệt độ trung bình tăng 1,2 - 1,7°C, **lượng mưa tăng 15,4%, mực nước biển tăng 27cm**; đến năm 2100 nhiệt độ trung bình tăng 1,6 - 2,4°C, lượng mưa tăng 13,2%, mực nước biển tăng 73cm. **Để giảm thiểu ngập lụt cho khu vực thị xã An Nhơn**, Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp đã đề xuất các giải pháp:

+ Xây dựng tuyến đê bao phường Bình Định để chống lũ cho phường Bình Định, hiện tại đã chống được lũ chính vụ tần suất 10%, cần nâng cao trình đỉnh đê để chống lũ chính vụ tần suất 5%. Nâng cấp tuyến đê bao sông Đập Đá để chống lũ cho phường Đập Đá và Nhơn Hưng.

+ Xây dựng công trình kiểm soát lũ đập dâng Gò Chàm trên nhánh sông Gò Chàm đã hoàn thành trong năm 2024.

+ Mở rộng khẩu độ các cầu, cống, đập dâng trên sông để tăng khả năng thoát nước: Đã mở rộng được cầu 20 và đập An Thuận trên sông Tranh, mở rộng đập dâng Thanh Hòa 1, đập Nha Phu trên sông Tân An, đập Thuận Hạt, đập Lão Tâm trên sông Đập Đá, đập Gò Đậu trên sông Gò Chàm.

+ Đào các kênh thoát lũ, chuyển lũ qua các khu đô thị: Kênh Cẩm Văn phường Nhơn Hưng, kênh tiêu TX5 xã Phước Lộc, trục tiêu Huỳnh Mai xã Phước Thuận, ...

+ Nâng cấp, tăng dung tích trữ nước của hồ Định Bình tăng thêm 150 triệu m³ để cắt lũ cho vùng hạ du.

+ Nâng cos nền xây dựng tại các khu dân cư, khu đô thị xây dựng mới, đảm bảo vượt lũ chính chính vụ tần suất 5%.

- **Thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn:** Thị trấn Phú Phong nằm dọc hai bên bờ sông Côn, cũng thuộc trong vùng ảnh hưởng ngập lụt của hạ lưu sông Côn, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không nhiều, hầu như không bị ngập lụt khi xảy ra trận lũ tần suất 5%. Để tăng cường khả năng thoát lũ, Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp sông Côn - Hà Thanh đã đề xuất xây dựng tuyến kênh chuyển lũ từ sông Cút sang sông Đồng Xiêm. Việc đề xuất tăng thêm 150 triệu m³ dung tích trữ lũ của hồ Định Bình cũng sẽ góp phần làm giảm mực nước lũ, giảm ngập lụt hai bên bờ sông đoạn qua thị trấn Phú Phong.

- **Phường Bông Sơn, thị xã Hoài Nhơn:** Phường Bông Sơn nằm ở phía Bắc sông Lại Giang, chịu ảnh hưởng do lũ lụt từ sông Lại Giang dâng cao chảy tràn vào. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng thế giới (WB) đã thực hiện Dự án quản lý thiên tai (VN-HAZ, WB5), trong đó có nghiên cứu, đánh giá hiện trạng quản lý thoát lũ một số sông không có đê khu vực miền Trung, đề xuất biện pháp quản lý lũ các sông không có đê, nghiên cứu và đề xuất biện pháp quản lý lũ cho sông Lại Giang, tỉnh Bình Định. Kết quả nghiên cứu của dự án cho thấy hầu hết diện tích phường Bông Sơn bị ngập khi xảy ra trận lũ chính vụ tần suất 5%, mức ngập từ 0,3 - 0,6m. Để giảm thiểu mức độ ngập lụt, hiện nay tỉnh Bình Định đã xây dựng và đưa vào vận hành hồ chứa nước Đồng Mít dung tích 90 triệu m³ để cắt giảm lũ cho hạ du. Tỉnh Bình Định cũng đã thực hiện nghiên cứu phương án xử lý hiện tượng bồi lấp cửa An Dũ tại cửa sông Lại Giang đổ ra biển nhằm tăng cường năng lực thoát lũ. Đồng thời tiếp tục đầu tư xây dựng các tuyến đê bao ven sông để chống lũ. Như vậy, trong tương lai phường Bông Sơn sẽ giảm nguy cơ bị ngập lụt trong mùa mưa lũ.

- **Phường Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn:** Khu vực này có địa hình tự nhiên cao so với các trục thoát lũ, nên không bị ngập lụt. Khu vực này chỉ bị ngập lụt cục bộ do mưa, khi đầu tư hoàn thiện tuyến cống thoát nước mưa sẽ hết ngập.

*** Thực trạng biến đổi khí hậu (BĐKH) và thích ứng với biến đổi khí hậu tại Bình Định**

Thực trạng biến đổi khí hậu

Xu hướng biến đổi của nhiệt độ: Trong 40 năm qua (1980 – 2020), ở hầu hết các trạm, nhiệt độ trung bình năm có sự dao động mạnh giữa các năm và có xu thế tăng lên, nằm trong khoảng 25,7°C - 28,1°C, với năm có nhiệt độ trung bình thấp nhất là năm 1984, 2008, 2011 tại trạm Hoài Nhơn là 25,7°C và năm có nhiệt độ trung bình cao nhất là năm 2019 tại trạm Quy Nhơn với nhiệt độ là 28,1°C. Nhiệt độ tối cao trung bình cũng có sự dao động mạnh giữa các năm, từ 29,8°C đến 32,5°C; nhiệt độ tối cao trung bình thấp nhất vào năm 1984, 1990 (trạm Hoài Nhơn), và cao nhất vào năm 1998 (trạm Quy Nhơn) với nhiệt độ là 32,2°C. Nhiệt độ tối thấp trung bình năm thời kỳ 1980-2020 ở cả 2 trạm trên địa bàn tỉnh Bình Định dao động từ 22,9°C - 25,7°C. Nhiệt độ tối thấp trung bình năm ở trạm Quy Nhơn cao hơn trạm còn lại.

Xu hướng biến đổi của lượng mưa: lượng mưa trung bình năm toàn thời kỳ 1980-2020 có sự phân bố khác nhau theo không gian. Lượng mưa có sự dao động mạnh giữa các năm. Tại trạm Hoài Nhơn tổng lượng mưa năm lớn nhất đo được là vào năm 1981 và 2016 với tổng lượng mưa trên 3.500 mm. Lượng mưa thấp nhất vào năm 1982 (1.130,7 mm). Tại trạm Quy Nhơn tổng lượng mưa nhiều năm thời kỳ 1980-2020 nhìn chung thấp hơn so với lượng mưa đo được ở trạm Hoài Nhơn. Lượng mưa cao nhất đo được tại trạm vào năm 1981 (2.685 mm).

Tác động của biến đổi khí hậu trong thời gian qua

Biến đổi khí hậu gây nên hiện tượng nóng lên và nước biển dâng sẽ làm tăng mức độ ngập úng và lũ; gây xói lở bờ biển; nước biển, xâm nhập mặn vùng cửa sông và nước ngọt dưới đất; làm tăng nhiệt độ đất và nước mặt..., ảnh hưởng đến công trình giao thông, công nghiệp, tiêu thoát nước, các cơ sở nghỉ mát, du lịch; làm giảm hệ sinh thái, vùng ngập nước, rừng ngập mặn... Đồng thời, BĐKH còn làm xâm nhập mặn sâu hơn; khi hạn hán sẽ làm giảm nguồn nước ngọt, giảm chất lượng nước; giảm sản lượng cây trồng, chăn nuôi và gây nhiều tác hại khác về môi trường.

Bên cạnh đó, gió, bão, sóng sẽ làm tăng ảnh hưởng, gây hư hại đối với công trình công cộng và khu dân cư; tác động tiêu cực đến hệ sinh thái biển, cửa sông, hồ chứa; làm thay đổi phân bố vi khuẩn gây bệnh, tăng dịch bệnh. Lũ lụt sẽ gia tăng mức đe dọa khu vực nuôi trồng thủy sản, thay đổi lưu lượng dòng chảy của sông, tân suất và cường độ các trận lũ, hạn hán tăng; lượng nước các hồ chứa bị giảm... Ngoài ra, BĐKH còn gây ra lũ quét do mưa lớn với rừng bị suy kiệt; hiện tượng cháy rừng gắn với hạn hán sẽ gia tăng; việc cung cấp và sử dụng nước, tiêu thoát nước sẽ khó khăn hơn.

Theo số liệu thống kê, tổng hợp giá trị thiệt hại do BĐKH và thiên tai của các ngành nghề tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020 cho thấy ngành chịu thiệt hại nặng nề nhất là giao thông. Ngoài ra một số ngành cũng chịu ảnh hưởng lớn như: Thủy lợi (1.365 tỷ đồng), nông - lâm nghiệp (843 tỷ đồng). Về loại hình thiên tai, tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng nhiều nhất do bão, lũ lụt phá hủy các công trình giao thông, đường sá, đê kè.

Sau 20 năm, tác động BĐKH và thiên tai gây thiệt hại đối với tỉnh Bình Định ngày càng lớn, có thể thấy từ năm 1999 đến năm 2008, giá trị thiệt hại thiên tai thống kê được là dưới 500 tỷ đồng. Nhưng từ năm 2009 thiệt hại thiên tai tăng lên đáng kể lên đến 1.500 tỷ đồng. Nhiều nhất vào năm 2013 và 2016 với giá trị thiệt hại là trên 2.000 tỷ đồng do năm 2013 có cơn bão số 14,15 mạnh tới cấp 13 giạt cấp 15, 16. Kết quả cho thấy, diễn biến của thiên tai trong 1 thập kỷ gần đây, ngày càng ảnh hưởng lớn đến kinh tế và đời sống của người dân.

Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội

Nằm trong sự ảnh hưởng chung của BĐKH đến các tỉnh thành phố ven biển miền Trung, Bình Định cũng chịu tác động của biến đổi khí hậu đối với một số lĩnh vực cụ thể:

Đối với ngành nông nghiệp: Năm 2019, nắng nóng gay gắt kéo dài khiến lượng nước tại hầu hết các hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh ở dưới mực nước chết, ruộng đồng nứt nẻ còn người dân thì không có nước sinh hoạt, cuộc sống rất khó khăn. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định, toàn tỉnh có 165 hồ chứa thủy lợi nhưng 140 hồ đã cạn nước, dung tích nước 25 hồ chứa còn lại chỉ đạt 24,0% thiết kế. Trong khi đó, nắng nóng liên tục đã khiến 11.445ha lúa vụ thu

thiếu nước. Tại vùng nông thôn huyện Hoài Ân (tỉnh Bình Định), nắng nóng đã khiến hàng trăm ha cây trồng bị khô hạn. Riêng diện tích lúa có gần 200ha đã bị chết khô hoặc thiếu nước nghiêm trọng, trên 420ha lúa và các loại hoa màu không đảm bảo nước tưới đến cuối tháng 7. Trong khi đó, nhiều chân ruộng đã nứt chân chim, lúa mới sạ chết khô không thể cứu vãn, diện tích khô hạn tập trung chủ yếu tại các xã Ân Hảo Tây, Ân Tín, Ân Hữu, Ân Đức. Còn tại huyện Phù Mỹ cũng có hàng trăm ha lúa chết cháy; nghiêm trọng nhất, tại trạm bơm Chánh Khoan (huyện Phù Mỹ) lấy nước từ đầm Trà Ổ, mực nước hồ xuống thấp đã khiến 186ha lúa bị khô héo. Xâm nhập mặn ngày càng gia tăng, theo thống kê của UBND xã Hoài Mỹ, hiện tại địa phương có khoảng 145 ha lúa bị thiệt hại do nhiễm mặn. Trong đó, diện tích bị ảnh hưởng nặng chiếm khoảng 45 ha, tập trung tại các thôn Khánh Trạch, Xuân Khánh, An Nghiệp và Mỹ Khánh. Những nơi này đều sử dụng nguồn nước tưới từ trạm bơm Mỹ Thọ. Nguyên nhân nhiễm mặn do nắng hạn kéo dài, cộng với tình trạng khai thác cát làm cho vùng nước quanh trạm bơm Mỹ Thọ bị mặn xâm nhập. Năm 2020, nắng nóng tiếp tục kéo dài khiến 120 hồ chứa nước trong tỉnh Bình Định cạn kiệt, ảnh hưởng đến việc cung cấp nước sạch cho người dân và nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. 120 trong tổng số 165 hồ chứa nước tại tỉnh Bình Định đã cạn nước, tập trung tại các huyện An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát. Lượng nước tại 45 hồ chứa còn lại cũng chỉ khoảng 160 triệu m³, tương đương 27% dung tích thiết kế.

Đối với sức khỏe cộng đồng: Nhiệt độ tăng, tác động của BĐKH đến sức khỏe con người diễn ra khá phức tạp. Nó có thể hiện tác động tổng hợp, đồng thời của nhiều yếu tố khác nhau. Có những tác động trực tiếp thông qua các quá trình trao đổi trực tiếp giữa môi trường xung quanh với cơ thể gây nên: bệnh tật, tử vong do nhiệt; các bệnh liên quan đến nước và thực phẩm; các bệnh do vector; các ảnh hưởng đến sức khỏe do các hiện tượng thời tiết cực đoan; thiếu dinh dưỡng và các ảnh hưởng khác. Cũng có những tác động gián tiếp, thông qua các nhân tố khác như: nhà ở, các côn trùng, vật chủ mang bệnh.... Ở tỉnh Bình Định, bệnh Sốt Dengue/ Sốt xuất huyết Dengue trong những năm qua có diễn biến hết sức phức tạp, số cas mắc vẫn tăng cao đột biến so với các năm trước (3.935ca, tập trung ở các địa bàn Quy Nhơn: 1.182).

Tác động đến thủy sản và hệ sinh thái: Hiện tượng El-Nino có chiều hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ đã làm nhiệt độ nước biển tăng cao, cùng bức xạ mặt trời vượt khả năng chịu đựng của san hô khiến chúng trở thành màu trắng, mà khoa học gọi là hiện tượng tẩy trắng san hô. Tại Bình Định Đã xuất hiện sự tẩy trắng san hô ở đảo Cù Lao Xanh, đảo Hòn Đất và Nhơn Lý (thuộc bán đảo Phương Mai). Sự ấm lên của khí hậu làm nước biển tăng nhiệt độ nhanh, kèm theo là sự suy thoái tầng Ozon làm gia tăng bức xạ cực tím xuống mặt đất và axit hoá nước biển do nồng độ cao của khí CO₂ - loại khí chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính là nguyên nhân chính của việc xuất hiện hiện tượng tẩy trắng san hô trên quy mô rộng.

Tác động đến cơ sở hạ tầng: Tại Bình Định, thành phố Quy Nhơn có các công trình ven biển: cụm Cảng biển Quy Nhơn, Nhơn Hội, cảng cá và khu hậu cần nghề

cá, nhà máy chế biến thủy sản, xí nghiệp sửa chữa tàu đánh cá, trạm bơm xăng dầu, ... Xói lở bờ biển tăng cùng với nước biển dâng tác động đến các đô thị, vùng dân cư, công nghiệp, công trình tiêu thoát nước,...

Tác động đến dân cư: Việc gia tăng dân số cũng ảnh hưởng đến diện tích cư trú của con người trong tình hình mưa bão ngày càng phức tạp cũng như tình trạng nước biển dâng. Hiện tượng nước biển dâng, xói lở bờ biển có ảnh hưởng lớn đến các khu dân cư ven biển. Từ đó, sẽ gây khó khăn về việc tái định cư (quỹ đất, cơ sở hạ tầng, ...) cho những cư dân này nếu biến đổi khí hậu tác động mạnh. Tác động đến du lịch Biển đổi khí hậu cũng có tác động trực tiếp và gián tiếp đến các hoạt động văn hóa, dịch vụ du lịch. Chẳng hạn, biến đổi khí hậu làm nhiệt độ tăng và nước biển dâng ảnh hưởng đến các bãi tắm ven biển, nhiều bãi tắm đẹp có thể bị mất đi, một số khác bị đẩy sâu hơn vào đất liền, ảnh hưởng đến việc khai thác. Các khu du lịch sinh thái và các công trình hạ tầng cùng các khu resort và khách sạn lớn đều ở các vùng thấp ven biển có thể bị ngập, buộc phải di chuyển, hoạt động kinh doanh bị ngưng trệ. Với xu thế biến đổi khí hậu, trong tương lai, Bình Định sẽ phải đối diện trước những nguy cơ do tác động của BĐKH. Theo dự báo, BĐKH sẽ tác động đến nhiều ngành, nghề, lĩnh vực, như: tài nguyên nước; hạn hán và xâm ngập mặn; lũ lụt, lũ quét, sạt lở, ngập úng; nguy cơ ngập do nước biển dâng... Theo đó, tình trạng hạn hán sẽ tác động đến nhu cầu sử dụng nước tăng cao. Đến năm 2025, nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn tỉnh sẽ lên tới 1,35 tỷ m³ và đến năm 2035 tăng lên 1,48 tỷ m³; tổng lượng nước thiếu vào mùa khô đến năm 2025 là 40,7 triệu m³ và đến năm 2035 là 47,2 triệu m³. Cũng theo dự báo của các nhà khoa học, đến năm 2050, sẽ có khoảng 50.700 người dân trong tỉnh bị ảnh hưởng trực tiếp do nước biển dâng và đến năm 2100 sẽ tăng lên khoảng 65.900 người.

Về lượng mưa, trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2100, lượng mưa các tháng 2, 3, 4, 5, 6 và 10, 12 ở Bình Định có khả năng sẽ giảm trong hầu hết các thời kỳ với mức độ giảm khoảng từ 4,2 đến 50,3%; lượng mưa các tháng còn lại có khả năng tăng trong đa số các thời kỳ với mức độ tăng khoảng từ 0,4 đến 120%. Đối với diện tích đất bị ngập úng với mực nước biển dâng, nếu như năm 2020 khoảng 5.907 ha - 5.919ha thì đến năm 2050 sẽ tăng lên khoảng 6.843 ha - 6.969 ha và đến năm 2100 sẽ tăng lên 8.065 ha - 8.643ha.

Đối với giao thông, nếu năm 2050, số km đường nhựa bị ảnh hưởng khi mực nước biển dâng là khoảng 1.187km - 1.197km thì đến năm 2100 sẽ tăng lên 1.471km - 1.852km. Số dân Bình Định bị ảnh hưởng trực tiếp do nước biển dâng cũng sẽ tăng lên khá cao. Nếu năm 2020, số người dân bị ảnh hưởng trực tiếp là khoảng 41.700 - 41.823 người (chiếm tỉ lệ 2,88-2,89%) thì đến năm 2050 dự báo tăng lên khoảng 49.700 - 50.700 người (chiếm tỉ lệ khoảng 3,44-3,51%); và đến năm 2100 số người bị ảnh hưởng sẽ tăng lên 60.500 - 65.900 người (chiếm tỉ lệ 4,18-4,56%).

Số dân Bình Định bị ảnh hưởng trực tiếp do nước biển dâng cũng sẽ tăng lên khá cao. Nếu năm 2020, số người dân bị ảnh hưởng trực tiếp là khoảng 41.700 - 41.823

người (chiếm tỉ lệ 2,88-2,89%) thì đến năm 2050 dự báo tăng lên khoảng 49.700 - 50.700 người (chiếm tỉ lệ khoảng 3,44-3,51%); và đến năm 2100 số người bị ảnh hưởng sẽ tăng lên 60.500 - 65.900 người (chiếm tỉ lệ 4,18-4,56%)...

Thực trạng thích ứng biến đổi khí hậu

Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2012-2015 đã xác định 71 dự án, nhiệm vụ với tổng kinh phí thực hiện 621 tỷ 830 triệu đồng, tuy nhiên chỉ có 05 dự án - chiếm 7,1% số lượng dự án đã được triển khai thực hiện toàn bộ hoặc một phần, nhưng đến bản KHHĐ ứng phó với biến đổi khí hậu ban hành năm 2018 đã có 9 dự án, nhiệm vụ đã và đang được thực hiện một phần chiếm xấp xỉ 1/3 tổng số nhiệm vụ, dự án đã đề ra.

Một số mô hình thích ứng với BĐKH được thực hiện như: Xây dựng các mô hình cộng đồng ứng phó BĐKH được thực hiện thông qua các dự án: Dự án giảm thiểu rủi ro ngập lụt cho người dân sống ở vùng hạ lưu Sông Côn - sông Hà Thanh thành phố Quy Nhơn (dự án cảnh báo lũ sớm) do Quỹ Rockefeller tài trợ, thực hiện năm 2014 – 2016; Dự án Lá chắn xanh, tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng ven biển trước những tác động của thiên tai do tổ chức CRS tài trợ (dự án trồng rừng ngập mặn, phòng chống chống bão, lũ), thực hiện năm 2013-2014; Dự án nhân rộng mô hình trồng lúa chịu úng do các xã ven đồng bằng thực hiện, do tổ chức quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ (GES) liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định làm đầu mối triển khai.

Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa gắn với chuyển đổi cơ cấu giống, mùa vụ. Từ năm 2012 - 2018, chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa với diện tích 15.003 ha. Năm 2018 - 2019 đã thực hiện chuyển đổi 3.796 ha đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang sản xuất 2 vụ/năm. Ngoài ra, thực hiện các mô hình chuyển đổi diện tích trồng điều, sắn, mía... sang các cây rau màu có hiệu quả kinh tế cao hơn. Các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH được đưa vào sản xuất. Phục tráng thành công giống lúa ĐV108 chịu mặn; sản xuất thử giống lúa chịu úng SHPT3 thích ứng với BĐKH. Sản xuất giống khảo nghiệm, sản xuất thử và đưa vào cơ cấu giống một số giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp với BĐKH như: TBR 36, PC6, SV181, ANS1, MT 10...

Bên cạnh việc đầu tư công trình hạ tầng phục vụ phòng, chống thiên tai, tỉnh còn tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, một số công trình, dự án cụ thể như: Dự án Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định, hoàn thành năm 2018, nâng cấp 25,54km đê, sửa chữa 16 tràn xả lũ, sửa chữa 34 cống, làm mới 8 cống, trồng và chăm sóc 48,2 ha rừng ngập mặn, sửa chữa và nâng cấp hồ Núi Một. Dự án Quản lý thiên tai (WB5), hoàn thành năm 2019, xây dựng nâng cấp 5,3 Km đê kè sông, 18 nhà tránh trú bão cộng đồng. Dự án hồ chứa nước Đồng Mít (An Lão) đã thi công hoàn thành năm 2022 đảm bảo cấp nước sản xuất, sinh hoạt, giảm lũ cho vùng hạ du... Tỉnh đã tổ

chức đào tạo, tập huấn 17 lớp cho 555 người về quản lý, đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tập huấn 515 người về nước sạch và vệ sinh môi trường; tổ chức 06 hội thi, phát 20.000 tờ rơi, 150 poster truyền thông về phòng ngừa thảm họa, rủi ro do thiên tai... Ngoài ra, Bình Định đã quy hoạch được các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng bảo đảm được chức năng phòng hộ và bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; đã hình thành nhiều vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung giúp nhân dân miền núi cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập, từng bước nâng cao độ che phủ rừng.

Thách thức Rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu

Là một tỉnh ven biển có địa hình đa dạng với miền núi, đồng bằng, cồn cát ven biển và hải đảo, rất dễ dàng đón các loại gió từ biển vào gây mưa to, ngập lụt. Bình Định đối mặt với các rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu được dự báo ngày càng nghiêm trọng trong những năm tới. Bên cạnh đó, tỉnh còn đối mặt nguy cơ hạn hán nghiêm trọng trong mùa khô; nguy cơ xâm mặn, nước biển dâng do tình trạng biến đổi khí hậu gây ra. Theo dự báo, BĐKH sẽ tác động lớn và có xu thế mạnh hơn đến nhiều ngành, nghề, lĩnh vực của tỉnh, như: tài nguyên nước; hạn hán và xâm ngập mặn; lũ lụt, lũ quét, sạt lở, ngập úng; nguy cơ ngập do nước biển dâng... Đối với diện tích đất bị ngập úng với mực nước biển dâng, nếu như năm 2020 khoảng 5.907 ha - 5.919ha thì đến năm 2050 sẽ tăng lên khoảng 6.843 ha - 6.969 ha và đến năm 2100 sẽ tăng lên 8.065 ha - 8.643ha. Đối với giao thông, nếu năm 2050, số km đường nhựa bị ảnh hưởng khi mực nước biển dâng là khoảng 1.187km - 1.197km thì đến năm 2100 sẽ tăng lên 1.471km - 1.852km. Số dân Bình Định bị ảnh hưởng trực tiếp do nước biển dâng cũng sẽ tăng lên khá cao. Nếu năm 2020, số người dân bị ảnh hưởng trực tiếp là khoảng 41.700 - 41.823 người (chiếm tỷ lệ 2,88-2,89%) thì đến năm 2050 dự báo tăng lên khoảng 49.700 - 50.700 người (chiếm tỷ lệ khoảng 3,44-3,51%)...

Dựa vào kịch bản BĐKH nước biển dâng, nguy cơ ngập của các huyện tại tỉnh Bình Định được thể hiện ở bảng dưới đây.

STT	Quận/Huyện	Diện tích (ha)	Nguy cơ ngập (% diện tích) ứng với các mực nước biển dâng					
			50cm	60cm	70cm	80cm	90cm	100cm
1	Hoài Nhơn	42.084	1,38	1,56	1,73	1,91	2,12	2,47
2	Phù Cát	68.071	1,08	1,36	1,71	1,94	2,16	2,40
3	Phù Mỹ	55.592	1,68	1,86	2,02	2,31	2,50	2,71
4	TP. Quy Nhơn	28.606	1,61	1,77	1,90	2,04	2,19	2,35

STT	Quận/Huyện	Diện tích (ha)	Nguy cơ ngập (% diện tích) ứng với các mực nước biển dâng					
			50cm	60cm	70cm	80cm	90cm	100cm
5	Tuy Phước	21.987	2,88	3,62	4,28	5,00	5,67	6,56
	Toàn tỉnh	607.133	0,55	0,64	0,74	0,84	0,93	1,04

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định đã có hành động cụ thể để triển khai thực hiện như sau:

- Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

- Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020.

- Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh về việc thực hiện “Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị”.

- Văn bản số 2354/UBND-KT ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Văn bản số 5873/UBND-KT ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Văn bản số 6385/UBND-KT ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai thực hiện Quyết định số 888/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Bình Định về thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050.

*** Về Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023:**

*** Mục tiêu phát triển đến năm 2030:**

- **Mục tiêu tổng quát:** Đến năm 2030, Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch và văn hóa phía Nam của vùng; trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển; trọng điểm du lịch quốc gia và quốc tế với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ, hiện đại. Kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững và xanh dựa trên các trụ cột tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ du lịch, cảng biển - logistics; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đô thị hóa. Thực hiện thành công các mục tiêu chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn của các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thuộc nhóm cao của cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị phát triển theo hướng đô thị thông minh, kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, cả nước và quốc tế. Tập trung phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc, khai thác tiềm năng, lợi thế đặc biệt về cảnh quan và khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại; quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế Nhơn Hội; phát triển Khu Đô thị Khoa học mang tầm cỡ quốc gia. Kiên trì thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy tốt bản sắc, các nét đẹp văn hoá các dân tộc; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Mục tiêu cụ thể

Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 8,5% trở lên, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 7 - 7,5%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 9,8% - 10,8%/năm (giá so sánh 2010).

+ Tăng trưởng của các ngành kinh tế giai đoạn 2021 - 2030: ngành nông nghiệp tăng 3,2% - 3,3%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 12,2% - 13,2%/năm; dịch vụ tăng 8,1% - 8,3%/năm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10,4% - 10,7%/năm.

+ Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: ngành nông nghiệp chiếm 16,8% - 17,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 41,3% - 43,3%; dịch vụ chiếm 34,8% - 35,9%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,1% - 5,3%.

+ GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người (tương đương khoảng 7.500 - 7.900 USD).

+ Tăng trưởng năng suất lao động bình quân 8,3%/năm giai đoạn 2021-2030.

+ Đến năm 2030, tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đạt 30 - 35 nghìn tỷ đồng/năm.

+ Đến năm 2030, tổng lượt khách du lịch đạt 12 triệu khách/năm, trong đó có 2,5 triệu lượt khách quốc tế và 9,5 triệu lượt khách nội địa.

+ Vốn đầu tư huy động giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 800 - 850 nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 29 - 30 tỷ USD).

+ Kinh tế số chiếm 30% GRDP.

Về xã hội:

+ Quy mô dân số toàn tỉnh khoảng 1,6 triệu người.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 60%.

+ Có 90% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới; giảm mạnh tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số, mỗi năm giảm từ 3 - 4%; năm 2030, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm còn 2%.

+ Tỷ lệ lao động có việc làm trên tổng số lao động của tỉnh đạt 97,9%. Tỷ lệ lao động có việc theo khu vực kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 20%; công nghiệp, xây dựng chiếm 35%; dịch vụ chiếm 45%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo và bồi dưỡng nghề đạt 76%. Tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ chiếm 40%.

+ Có hơn 70% số trường mầm non được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; trên 75% số trường mầm non đạt chuẩn quốc gia; trên 90% số trường tiểu học, trên 95% số trường trung học cơ sở và trên 60% số trường trung học phổ thông đạt trường chuẩn quốc gia.

+ Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; đạt 43 giường bệnh, 11 bác sỹ/vạn dân, 02 dược sỹ đại học/vạn dân.

+ Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 70%.

+ Chỉ số phát triển con người (HDI): 0,7 - 0,8.

Về môi trường:

+ Độ che phủ của rừng duy trì ở mức 58,0%.

+ Thu gom xử lý trên 95% chất thải rắn ở đô thị và trên 90% ở nông thôn.

+ 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó trên 80% được sử dụng nước sạch; tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt trên 95%. Đảm bảo cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp.

...

*** Phương án phát triển hệ thống đô thị**

Đến năm 2030, toàn tỉnh Bình Định có 21 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Quy Nhơn), 02 đô thị loại III (thành phố An Nhơn, thành phố Hoài Nhơn), 03 đô thị loại IV (thị xã Tây Sơn, thị xã Tuy Phước, thị trấn Cát Tiến), 15 đô thị loại V (thị trấn Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Tăng Bạt Hổ, Phù Mỹ, Bình Dương, Ngô Mây, An Hòa, Mỹ Chánh, Cát Khánh, Canh Vinh, Mỹ Thành, Mỹ An, Cát Hanh, Ân Tường Tây). Định hướng phát triển một số đô thị trọng tâm như sau:

- Thành phố Quy Nhơn: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Định; là trung tâm kinh tế biển của quốc gia, trung tâm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng. Phát triển, mở rộng thành phố Quy Nhơn về phía Đông Bắc, lấy đầm Thị Nại là trung tâm; quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu Kinh tế Nhơn Hội trên cơ sở chuyển đổi đất công nghiệp sang đất đô thị, dịch vụ; đầu tư xây dựng hệ thống giao thông xung quanh đầm Thị Nại để phát triển hạ tầng đô thị, dịch vụ và các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Thành phố An Nhơn: là đô thị phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Nam tỉnh Bình Định; là một trong những trung tâm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quy Nhơn và ngược lại, có các chức năng sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu mối giao thông đa năng.

- Thành phố Hoài Nhơn: là vùng có tầm quan trọng trong bảo vệ cảnh quan, môi trường, sự phát triển bền vững tại địa phương; là vùng phát triển đô thị mới gắn liền với phát triển công nghiệp hiện đại gắn với động lực mới phía Bắc của tỉnh Bình Định; là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển, gắn liền với du lịch dịch vụ.

- Thị xã Tây Sơn: là cửa ngõ giao thương phía Tây của tỉnh Bình Định trên tuyến hành lang kinh tế Quốc lộ 19 với vùng Tây Nguyên; là đô thị du lịch - thương mại dịch vụ công nghiệp; là trung tâm du lịch lịch sử văn hóa Tây Sơn của vùng và quốc gia.

- Thị trấn Ngô Mây: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội huyện Phù Cát; là trung tâm dịch vụ vận tải hàng không đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng; quy hoạch, xây dựng thị trấn Ngô Mây và vùng phụ cận phát triển thành đô thị sân bay nhằm khai thác triệt để lợi thế của sân bay Phù Cát khi được đầu tư nâng cấp, gắn với thu hút đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp điện, điện tử và công nghiệp nhẹ.

* **Phương án phát triển hạ tầng thoát nước và xử lý nước thải**

Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước cho các đô thị, tiến tới đạt 80 - 100% đường nội thị của các đô thị có cống thoát nước mưa, 70% đường ngoại thị có cống thoát nước mưa. Sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng độc lập với hệ thống thoát nước thải. Đối với các khu vực hiện đang sử dụng cống chung, cuối miệng xả được gom vào cống bao và đưa về trạm xử lý. Các khu vực xây dựng mới sử dụng cống thoát nước riêng. Xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom, xử lý nước thải tập trung, đặc biệt tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các bệnh viện, trạm y tế. Trong đó:

- Công trình xử lý nước thải quy hoạch đầu tư mới tại đô thị **An Nhơn**:

+ Nhà máy xử lý nước thải số 1 tại Nhơn Hưng – Nhơn An: dự kiến công suất đến năm 2030 là 8.000 m³/ngày.đêm và sau năm 2030 là 12.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải số 2 tại Mỹ Hòa – Đập Đá: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 7.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải số 3 tại Nhơn Hòa – Nhơn Tân: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 3.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải số 4 tại Gò Quanh – Nhơn Mỹ: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 1.500 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải số 5 tại Nhơn Phúc: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 1.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải số 6 tại Nhơn Thọ: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 1.500 m³/ngày.đêm.

- Công trình xử lý nước thải quy hoạch đầu tư mới tại đô thị **Hoài Nhơn**:

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Hoài Châu Bắc: dự kiến công suất đến năm 2030 là 2.000 m³/ngày.đêm và sau năm 2030 là 3.500 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Bồng Sơn: dự kiến công suất đến năm 2030 là 2.500 m³/ngày.đêm và sau năm 2030 là 5.000 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Hoài Hương: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 6.500 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Hoài Thanh Tây: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 8.500 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải tại khu vực đô thị Tam Quan, Tam Quan Bắc: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 12.500 m³/ngày.đêm.

- Công trình xử lý nước thải quy hoạch đầu tư mới tại đô thị **Tây Sơn**:

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Phú Phong – Nam sông Kôn: dự kiến công suất đến năm 2030 là 3.600 m³/ngày.đêm và sau năm 2030 là 7.200 m³/ngày.đêm.

+ Nhà máy xử lý nước thải tại Phú Phong – Bắc sông Côn: dự kiến đầu tư sau năm 2030, công suất dự kiến là 5.500 m³/ngày.đêm.

Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là công cụ quan trọng để tỉnh hoạch định đường hướng, điều hành và quản lý mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ tới, đảm bảo tính kết nối đồng bộ, khai thác đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khắc phục các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

Định hướng thoát nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 80% lượng nước cấp, nước thải công nghiệp tính bằng 100% lượng nước cấp. Dự báo lượng nước thải sinh hoạt và công nghiệp như sau:

Lượng nước thải sinh hoạt đô thị, du lịch giai đoạn năm 2025 khoảng 91.870m³/ngày, giai đoạn năm 2030 khoảng 107.800m³/ng.đ.

Lượng nước thải sinh hoạt của khu vực nông thôn giai đoạn năm 2025 khoảng 65.700m³/ngày, giai đoạn năm 2030 khoảng 67.500m³/ng.đ.

Lượng nước thải công nghiệp giai đoạn 2025 khoảng 193.700m³/ngày, giai đoạn 2030 là 224.600m³/ng.đ.

Giải pháp tổ chức hệ thống nước thải

Khu vực đô thị: Thành phố Quy Nhơn, sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp (riêng và nửa riêng). Khu kinh tế Nhơn Hội các khu đô thị mới, khu du lịch ven biển sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Các đô thị khác sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, nước thải được tách riêng tại các giếng tách nước và đưa về trạm xử lý. Nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải xử lý đạt tiêu chuẩn B theo TCVN 7222/2002, tiêu chuẩn nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung.

Khu vực nông thôn: Các khu vực ngoại thị, khu vực nông thôn xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học cục bộ theo công trình hoặc phân tán theo từng cụm dân cư. Nước thải xả ra nguồn tiếp nhận được kiểm soát và đảm bảo theo QCVN 14 : 2008/BTNMT.

KCN, làng nghề, bệnh viện trạm y tế: Theo quy định về phân vùng phát thải khí thải và xả thải nước thải đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 68/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021. Nước thải y tế phải được xử lý đạt loại B theo QCVN 28/2010/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung. Bố trí hồ chứa nước sau quá trình làm sạch để kiểm soát chất lượng nước sau xử lý. Nước trong hồ sau xử lý có thể sử dụng phục vụ mục đích tưới cây, rửa đường, dự phòng cứu hỏa, phục vụ nông nghiệp... giảm áp lực cung cấp nước sạch cho khu vực thiết kế. Trường hợp trạm xử lý nước thải chưa xây dựng hoàn chỉnh trong giai đoạn đầu. Để giảm bớt ô nhiễm môi trường, nước thải xử lý cục bộ qua bể tự hoại đặt trong từng công trình,

bể xây 3 ngăn đúng quy cách. Có thể sử dụng bể tự hoại cải tiến có dòng chảy ngược và ngăn lọc (BASTAF) để giảm bớt ô nhiễm nước thải đầu ra, tận dụng các ao hồ, đất nông nghiệp để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên, giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường. Các dự án triển khai trong phạm vi quy hoạch khi xây dựng phương án thu gom và xử lý nước thải cần tuân thủ quy hoạch về hướng thoát nước, chọn vị trí khu xử lý nước thải, cao độ điểm xả thải phù hợp để thuận tiện cho việc đấu nối với hệ thống chung sau này.

Theo Quyết định số 2584/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035: Quy hoạch bảo vệ nguồn nước mặt giai đoạn 2020-2025, 100% đô thị mới phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đến năm 2035 100% khu đô thị phát sinh nước thải thuộc trường hợp phải cấp phép, phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đạt thông số chất lượng nước cột A của các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Quy hoạch đưa ra một trong những giải pháp thực hiện: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu/cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở y tế, nước thải bãi rác. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng các công trình cấp nước; thu gom, xử lý nước thải tại các khu đô thị, nhằm đảm bảo mục tiêu cấp nước và thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo các giai đoạn của quy hoạch đã được duyệt.

Sự cần thiết đầu tư của Dự án:

Thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn là 2 đô thị đã hình thành từ lâu gắn liền với tuyến đường thiên lý Bắc-Nam và các cảng biển thông thương với nước ngoài qua đầm Thị Nại, cửa biển An Dũ và cửa Tam Quan, qua nhiều thế kỷ những đô thị này đã phát triển thành những cụm dân cư tập trung đông đúc, trù phú, những làng nghề truyền thống như ở Hoài Nhơn chuyên sản xuất bánh tráng nước dừa, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ dừa, chiếu cói, chế biến thủy, hải sản, nước mắm Tam Quan; các sản phẩm truyền thống ở An Nhơn là rượu Bầu Đá, gỏi Vân Sơn, nón lá Gò Găng, đúc đồng Bằng Châu, gỏi mỹ nghệ Nhơn Hậu, bánh tráng Nhơn Phúc... Thị xã An Nhơn trước đây còn là kinh đô của nước Chăm cổ đại với nhiều lăng tẩm, di tích lịch sử và các làng quê mang đậm nét truyền thống. Trong một thập kỷ gần đây, cả hai đô thị Hoài Nhơn và An Nhơn đã có những sự phát triển vượt bậc, không ngừng mở rộng và hiện đại hóa, thay da đổi thịt từng ngày. Thị xã Hoài Nhơn phấn đấu đạt chuẩn đô thị loại III trước năm 2025 và thành lập thành phố Hoài Nhơn trước năm 2035, quy mô dân số 240.000 người (hiện tại 208.133 người). Thị xã An Nhơn đến năm 2023 đạt chuẩn đô thị loại III và đến 2025 An Nhơn sẽ trở thành thành phố trực thuộc tỉnh với 10 phường và 5 xã, quy mô dân số 235.000 người (hiện tại 184.733 người).

Huyện Tây Sơn nằm về phía Tây thị xã An Nhơn, trên tuyến đường Quốc lộ 19 huyết mạch nối các tỉnh Bắc Tây Nguyên với QL1A và cảng biển Quy Nhơn, cùng với các nhánh sông Kôn thúc đẩy giao thương đường thủy với thế giới. Nơi đây trước kia là quê hương của Anh hùng dân tộc Hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ và các tướng lĩnh nổi tiếng thời Tây Sơn. Huyện Tây Sơn cũng là nơi gắn liền với các làng nghề truyền thống như gạch ngói Bình Nghi, nón lá Thuận Hạnh, bánh tráng Kiên Long, dệt thổ cẩm Vĩnh An. Theo quy hoạch đến năm 2025, huyện Tây Sơn sẽ phát triển thành đô thị loại IV và trước năm 2035 sẽ phát triển thành thị xã trực thuộc tỉnh với quy mô dân số 145.000 người (hiện tại 116.041 người). Tuyến đường cao tốc Quy Nhơn - Pleiku đi qua huyện Tây Sơn trong tương lai sẽ là một động lực phát triển để kết nối Tây Sơn với Quy Nhơn, An Nhơn và các tỉnh Tây Nguyên, Nam Lào, Bắc Campuchia và Thái Lan.

Việc mở rộng các khu đô thị hiện hữu và hình thành các khu đô thị mới, là nhu cầu tất yếu trong quá trình phát triển của các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn.. Các tuyến phố cũ được chỉnh trang, cải tạo, mở rộng, nhà cửa được xây dựng lại mới, nâng tầng tạo thành các đô thị nén với mật độ xây dựng rất cao. Các làng mạc ngoại vi thị trấn được quy hoạch lại, chuyển đổi đất vườn và đồng ruộng thành các khu đô thị mới, đường giao thông, trung tâm thương mại, công sở, trường học, bệnh viện và các công trình tiện ích đô thị khác. Dân số của các đô thị sẽ tăng lên, kéo theo các yêu cầu về cung cấp nước sạch, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn... cũng tăng lên. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn mặc dù đã được quan tâm đầu tư song vẫn còn lạc hậu, không đáp ứng được các yêu cầu phát triển, ảnh hưởng lớn đến sức khỏe của người dân, cản trở sự phát triển kinh tế xã hội của các khu đô thị và thành phố trong tương lai.

Luật Bảo vệ môi trường đã quy định nước mưa, nước thải được thu gom, nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định. Nước thải có tính chất nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định pháp luật khác có liên quan. Nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp khu dân cư nông thôn tập trung xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ, được duy tu, bảo dưỡng. Ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý nước thải thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông tư 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng cũng quy định cụ thể: Đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung, UBND các cấp theo phân cấp quản lý có trách nhiệm lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng thành hệ thống thoát nước riêng hoặc nửa riêng (*xây dựng các giếng tràn nước mưa, các tuyến cống bao, cống gom để thu gom, vận chuyển nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung*). Đô thị, khu

dân cư tập trung mới phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa để tổ chức đấu nối, thu gom và vận chuyển nước thải, đáp ứng nhu cầu thoát nước trong khu vực.

Trong thời gian qua, tại tỉnh Bình Định, vấn đề thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thu gom và xử lý nước thải đã được các cấp chính quyền quan tâm. Tuy nhiên, nguồn lực của tỉnh còn hạn chế nên đến nay mới chỉ đầu tư được hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho thành phố Quy Nhơn từ sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới (WB) thông qua dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (CCESP) - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn với tổng mức đầu tư 74,8 triệu USD để đầu tư xây dựng các tuyến thu gom nước thải và 02 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất 16.350m³/ngày.đêm và hiện nay đang triển khai giai đoạn 2 với Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - TDA TP. Quy Nhơn với tổng vốn đầu tư hơn 55,3 triệu USD để mở rộng mạng lưới thu gom, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000 m³/ngày.đêm.

Đối với các khu đô thị cũ và khu dân cư hiện hữu tại 03 đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn trước đây vấn đề thu gom và xử lý nước thải chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Tại các đô thị này, hiện nay mới chỉ có các tuyến cống thu gom nước mưa chung với nước thải đặt dọc các trục đường giao thông chính rồi xả thẳng ra các sông, suối không qua xử lý. Hầu hết các hộ gia đình không đấu nối vào hệ thống thoát nước chung mà tự xử lý bằng thấm thấu vào đất hoặc xả tràn trên mặt đường.

Một đặc thù của các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn là đang tồn tại nhiều làng nghề truyền thống và các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong các khu dân cư hiện hữu như sản xuất nước mắm, chế biến thủy sản, chế biến tinh dầu dừa (Hoài Nhơn), sản xuất bánh tráng, nấu rượu, làm miến (An Nhơn), làm bánh tráng, bún (Tây Sơn). Các cơ sở này sử dụng và thải nhiều nước có chứa hóa chất độc hại ra môi trường không qua xử lý, gây ô nhiễm đất, nước và không khí cho khu vực, ảnh hưởng đến đời sống của các hộ dân xung quanh.

Mặt khác, các tác động của biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định thường xuyên ảnh hưởng đến việc xây dựng hạ tầng đô thị đặc biệt là khu vực ven biển. Trong thời gian tới, theo kịch bản Biến đổi khí hậu năm 2020, lượng mưa năm có thể tăng trên 10-15%, hiện tượng mưa lũ tiếp tục diễn biến phức tạp. Cần có giải pháp đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng hiệu quả nhằm giảm thiểu thiệt hại, tăng cường khả năng thích ứng của đô thị với Biến đổi khí hậu và hướng tới tăng trưởng xanh. Theo Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, thị xã Hoài Nhơn là đô thị ven biển chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, có nguy cơ ngập lụt vào mùa mưa và suy giảm nguồn nước do xâm nhập mặn vào mùa khô. Vào mùa lũ, mực nước trên các sông dâng cao kéo dài đã gây ngập lụt cho các khu vực dân cư và các vùng đất sản xuất có cao độ nền thấp trong đô thị, khi chưa đầu tư hệ thống thoát nước mưa vấn đề ngập càng kéo dài; đồng thời do nước thải chưa được thu gom

xử lý mà thoát chung qua hệ thống thoát nước mưa hiện có nên đã phát tán ra môi trường vào khu dân cư gây ô nhiễm. Vào mùa khô, dòng chảy trong sông, suối xuống thấp lại không được duy trì liên tục với lưu lượng cần thiết dẫn tới tình trạng nước thải chưa qua xử lý mà xả thẳng ra môi trường bị giữ lại trên các sông, suối, kết hợp với nhiệt độ gia tăng, nắng nóng kéo dài đã gây ô nhiễm môi trường, gây tác động xấu đến môi trường, cảnh quan đô thị cũng như môi trường sống và sức khỏe của người dân.



Hình 11: Nước thải không được thu gom, chưa xử lý xả thẳng đường giao thông, ra sông Kôn, sông Lại Giang trên địa bàn

Đối với các khu dân cư xây dựng mới trong thời gian vừa qua yêu cầu bắt buộc phải đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải theo quy định.

Hiện nay, tại thị xã An Nhơn chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt mà mới đầu tư các công trình xử lý nước thải công suất xử lý nhỏ, xử lý mang tính cục bộ ở phạm vi hẹp nhằm xử lý những nơi bức xúc về môi trường như: Nhà máy xử lý nước thải Cụm Công nghiệp Gò Đá Trắng $110\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; nhà máy xử lý nước thải cụm công nghiệp Thanh Liêm, Nhơn An $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; nhà máy xử lý nước thải làng nghề bún tươi Ngãi Chánh, Nhơn Hậu $60\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Tại thị xã Hoài Nhơn cũng chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt mà chỉ có 1 trạm xử lý nước thải khu chế biến thủy sản tập trung Tam Quan Bắc phục vụ nhà máy chế biến thủy sản Hoài Nhơn, với công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ xây dựng năm 2014 và 1 trạm xử lý nước thải khu chôn lấp chất thải rắn phường Bồng Sơn với công suất $25\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ xây dựng năm 2016. Riêng tại huyện Tây Sơn chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt.

Để từng bước hình thành và phát triển các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn trở thành các thành phố và nâng cấp huyện Tây Sơn thành thị xã, thu hút đầu tư phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung tâm hành chính, dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giáo dục đào tạo tại các đô thị này, cần có sự chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng về mặt phát triển kinh tế xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp với quy mô, định hướng phát triển của đô thị, qua đó đảm bảo cho sự phát triển của đô thị một cách bền vững theo hướng xanh sạch đẹp. Để đạt được các mục tiêu đó, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt là một trong những hạng mục cần được quan tâm hàng đầu và cần được ưu tiên đầu tư xây dựng đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác nhằm đảm bảo môi trường sống an toàn, tiện ích, qua đó tạo được ý thức sống lành mạnh cho dân cư, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của khu vực.

Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung là loại hình hoạt động công ích, được Nhà nước quan tâm, ưu tiên và khuyến khích đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước và xử lý nước thải, bảo đảm phát triển bền vững. Nguồn lực để thực hiện xây dựng các hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các khu đô thị cũ và khu dân cư nông thôn tập trung hiện hữu hầu hết do ngân sách Nhà nước đầu tư. Chỉ có các khu đô thị mới, khu phát triển dân cư nông thôn mới do các nhà đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước đồng bộ cùng các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Từ các vấn đề nêu trên, việc thực hiện đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng các hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn và Tây Sơn là yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi nguồn kinh phí tương đối lớn, trong khi nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, do vậy tỉnh Bình Định quyết định lập báo cáo Đề xuất dự án *Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (Giai đoạn I)*, vay vốn ODA để thực hiện trong khoảng thời gian 2026 – 2030.

2. Những nỗ lực đã/đang được thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra.

Bằng nhiều giải pháp và nỗ lực phấn đấu, vượt qua khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2022 tỉnh Bình Định đạt ở mức khá (tăng trưởng đạt bình quân 6,94%), quy mô kinh tế không ngừng mở rộng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ; sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện và đạt mức tăng trưởng cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của tỉnh; các hoạt động giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa - thể thao, chăm sóc sức khỏe nhân dân... có nhiều tiến bộ. An sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng được củng cố; an ninh chính trị được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản đảm bảo. So với các tỉnh khu vực miền Trung, Bình Định nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá, với tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2023 đạt 7,61% (*xếp thứ 17/63 địa phương cả nước, thứ 06/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 1/5 địa phương khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung*); GRDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 78,1 triệu đồng; thu nội địa năm 2023 đạt 13.828 tỷ đồng; Quy mô kinh tế của tỉnh năm 2023 đạt 117.669 tỷ đồng (*xếp thứ 24/63 địa phương trong cả nước, thứ 5/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và thứ 3/5 địa phương khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung*).

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được tập trung đầu tư đồng bộ và ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới: Đã tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh 5 năm ước đạt 160.495 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 43,1% GRDP (chỉ tiêu đề ra 47,1%), tăng bình quân 8,62%/năm, tăng gần 60% so với giai đoạn 5 năm trước. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch.

Sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng và phát triển khá. Tỉnh đã và đang tập trung các nguồn lực đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng theo quy hoạch 8 KCN (chưa tính các KCN trong KKT Nhơn Hội) với tổng diện tích quy hoạch là 1.761 ha, 55 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.848 ha, đặc biệt là Khu kinh tế Nhơn Hội rộng 14.308 ha (trong đó Khu Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ Becamex Bình Định có diện tích 2.308 ha); xây dựng thành phố Quy Nhơn (đô thị loại I thuộc tỉnh) trở thành trung tâm tăng trưởng phía Nam của vùng và đầu mối giao thông phục vụ trực tiếp cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên; xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng lớn để gắn kết với các khu vực lân cận theo trục Bắc - Nam và Đông Tây; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm mà tỉnh có lợi thế là công nghiệp chế biến lâm - nông - thủy sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, vật liệu xây dựng, giày da, may mặc, cơ khí, cảng biển nước sâu, sản xuất lắp ráp đồ điện, điện tử, sản xuất điện, phát triển du lịch, dịch vụ hàng hải, thương mại, dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính, viễn thông....

Triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu đạt kết quả tích cực. Nhiều giải pháp cấp thiết được tỉnh tổ chức thực hiện như:

Quy hoạch thành phố chú trọng đến thoát lũ và chống ngập; chuyển đổi sinh kế, mục đích sử dụng đất, cây trồng, vật nuôi... thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống cảnh báo lũ sớm và đào tạo mạng lưới truyền tin cộng đồng, xây dựng nhà chống lụt bão tại xã Nhơn Lý và Nhơn Bình; trồng rừng ngập mặn tại đầm Thị Nại, Đê Gi; triển khai trồng và quản lý diện tích rừng ngập mặn; tiếp tục nâng cao nhận thức và năng lực chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai cho cộng đồng dân cư ven biển.

Môi trường đầu tư cải thiện đáng kể, phát triển các thành phần kinh tế: Mở rộng, kết nối hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế theo hướng thiết thực, hiệu quả; chủ động tham gia các diễn đàn đa phương như APEC, GMS; đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống của Nhật Bản và Hàn Quốc như Hội hữu nghị Nhật - Việt tại Sakai, Hiệp hội Công nghệ Công nghiệp Hàn Quốc (KOITA), Hiệp hội Thương mại và Công nghiệp Hàn Quốc (Kocham) tại TP Hồ Chí Minh và tiến đến việc ký kết hợp tác xúc tiến đầu tư du lịch, thương mại với các tổ chức này. Bên cạnh đó, tăng cường công tác rà soát, hoàn thiện cơ chế, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Tuyên truyền quảng bá có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến bạn bè trong nước, khu vực và trên thế giới. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh có 30 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được cấp phép, với tổng vốn đăng ký 307,6 triệu USD; lũy kế đến nay có 80 dự án FDI được cấp phép, vốn đăng ký 709,3 triệu USD, trong đó có 32 dự án trong KKT và KCN, với tổng vốn đăng ký 485,3 triệu USD và 48 dự án ngoài KKT và KCN, với tổng vốn đăng ký 224 triệu USD. Về đầu tư trong nước, trong 5 năm qua, đã thu hút được 314 dự án, với tổng vốn đăng ký hơn 111.284 tỷ đồng, trong đó có 97 dự án trong Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, với tổng vốn đăng ký hơn 49.592,6 tỷ đồng.

Chính sách đào tạo và thu hút nhân lực có trình độ cao, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, xác lập quyền sở hữu công nghiệp... bước đầu phát huy tác dụng; tỉnh đã sửa đổi, bổ sung và ban hành một số cơ chế, chính sách mới về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như: Sửa đổi, bổ sung quy định về tuyển dụng viên chức; quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ công chức được cử đi đào tạo; quy định chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ; đã bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực trong giai đoạn 2016-2020 là 120 tỷ đồng.

Về cấp nước: UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 phê duyệt Quy hoạch cấp nước đô thị và khu công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2035 với quan điểm: Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035, Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển nguồn nước và quản lý tổng hợp các lưu vực sông thuộc tỉnh Bình Định đến năm 2020 và quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan; Hướng tới phát triển ổn định, bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu các nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng đảm bảo, dịch vụ

tốt và hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh; Đảm bảo khai thác, sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm, có xem xét đến các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, hạn chế khai thác nguồn nước ngầm; Tạo điều kiện khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước. Một số dự án trọng điểm đã và đang được tỉnh triển khai thực hiện và kêu gọi đầu tư là dự án Mở rộng nhà máy nước Quy Nhơn công suất 30.000 m³/ngày đêm, Xây dựng mới nhà máy cấp nước Nhơn Hòa công suất 2.500 m³/ngày đêm để cấp cho phường Nhơn Hòa, Nhơn Thọ (TX An Nhơn), Xây dựng mới nhà máy cấp nước hồ Núi Một công suất 20.000 m³/ngày đêm để cấp cho xã Nhơn Tân, Nhơn Thọ, Nhơn Phúc (TX An Nhơn), Mở rộng, nâng công suất nhà máy cấp nước Bồng Sơn công suất 8.000 m³/ngày đêm để cấp cho phường Bồng Sơn, Hoài Tân (TX Hoài Nhơn), kêu gọi đầu tư Xây dựng mới nhà máy cấp nước sạch trên địa bàn TX Hoài Nhơn theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BOO) công suất 16.500 m³/ngày đêm để cấp cho các xã Hoài Sơn, Hoài Châu, Hoài Châu Bắc, Hoài Đức, Hoài Phú, Hoài Thanh Tây (TX Hoài Nhơn), Mở rộng, nâng công suất nhà máy cấp nước Phú Phong (Tây Sơn) lên công suất 6.000 m³/ngày đêm để cấp cho thị trấn Phú Phong, xã Tây Phú, Bình Tường và Tây Xuân.

Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Đối với thị xã An Nhơn:**

- Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến 2035 đã xác định thoát nước thải: Tổ chức 4 khu xử lý nước thải theo lưu vực thoát nước phù hợp địa hình. Ưu tiên đến năm 2025 xây dựng khu xử lý nước thải cho khu vực phường Bình Định, Nhơn Hưng, xã Nhơn An công suất 8.000m³/ngày.đêm và khu xử lý nước thải cho khu vực phường Đập Đá, Nhơn Thành công suất 7.000m³/ngày.đêm.

- Các khu dân cư: Hiện tại trên địa bàn thị xã An Nhơn đã và đang đầu tư xây dựng tổng cộng 10 khu dân cư với tổng diện tích 114,84ha. Các khu dân cư này đều đã đầu tư hệ thống nước thải sinh hoạt bố trí riêng với hệ thống thoát nước mưa bằng công thu gom nước thải HDPE, nước thải thu gom chảy về bể tự hoại 03 ngăn trong khu dự án chờ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thị xã.

- Nước thải công nghiệp được xử lý riêng theo từng khu, cụm công nghiệp.

*** Đối với thị xã Hoài Nhơn:**

- Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đến 2035 đã xác định thoát nước thải: Định hướng xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng các khu vực xây dựng đô thị mới tại đô thị Hoài Nhơn. Đối với các khu vực hiện trạng tại đô thị Bồng Sơn và Tam Quan từng bước cải tạo, nâng cấp theo dự án cải tạo chỉnh trang phù hợp với điều kiện tại khu vực. Tổng lưu lượng

nước thải toàn đô thị đến năm 2035 khoảng 38.600m³. Toàn bộ hệ thống thoát nước thải được chia thành 4 lưu vực chính, xây dựng 4 nhà máy để xử lý nước thải.

- Các khu dân cư: Các khu dân cư này đều đã đầu tư hệ thống nước thải sinh hoạt bố trí riêng với hệ thống thoát nước mưa bằng cống thu gom nước thải HDPE, nước thải thu gom chảy về bể tự hoại 03 ngăn trong khu dự án chờ đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thị xã.

- Nước thải công nghiệp được xử lý riêng theo từng khu, cụm công nghiệp đảm bảo các yêu cầu theo quy định trước khi thoát ra môi trường.

- Nước thải nước thải y tế: Xây dựng trạm xử lý riêng tại các bệnh viện, trung tâm y tế, yêu cầu có biện pháp quản lý và kiểm tra nước thải trước khi xả ra môi trường đạt chuẩn theo quy định.

*** Đối với huyện Tây Sơn:**

Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 và Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung đô thị và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Tây Sơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035, Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị Tây Sơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035, đã xác định tổng nhu cầu thoát nước thải đô thị khoảng 38.000 m³/ngày.đêm. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng với nước mưa. Xây dựng các nhà máy để xử lý nước thải.

Theo Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023, đến năm 2030: Thành phố An Nhơn và thành phố Hoài Nhơn đạt đô thị loại III, thị xã Tây Sơn đạt đô thị loại IV. Tại Đô thị An Nhơn xây dựng 01 Nhà máy xử lý nước thải số 1 tại Nhơn An với công suất 8.000 m³/ngày; tại Đô thị Hoài Nhơn xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Hoài Châu Bắc với công suất 2.000 m³/ngày và Nhà máy xử lý nước thải Bồng Sơn với công suất 2.500 m³/ngày; tại Đô thị Tây Sơn xây dựng 01 Nhà máy xử lý nước thải Nam sông Kôn với công suất 3.600 m³/ngày.

3. Các chương trình, dự án đang triển khai cùng lĩnh vực

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên, tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn được triển khai giai đoạn 2015-2020 từ nguồn vốn vay của Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), với tổng mức đầu tư 12,968 triệu EUR để đầu tư xây dựng gồm 02 công trình đập dâng đầu mối và 64,5 km kênh (gồm 17,36 km kênh chính N, lưu lượng 4,73m³/s và 28 tuyến kênh nhánh với tổng chiều dài 47,14km và 673 công trình trên kênh) với mục tiêu của dự án là phục vụ tưới và tạo nguồn cho khoảng 3.632 ha đất canh tác nông nghiệp vùng dự án. Ngoài ra, còn tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 25.000 hộ dân, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm, cấp nước cho công nghiệp, dịch vụ, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường sống cho khoảng 81.965 người dân trong vùng dự án.

- Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (CCESP) - Tiểu dự án TP. Quy Nhơn được triển khai trong giai đoạn 2006-2014 từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) với tổng mức đầu tư 74,8 triệu USD để đầu tư xây dựng các tuyến thu gom nước thải và 02 nhà máy xử lý nước thải với tổng công suất 16.350m³/ngày.đêm và hiện nay đang triển khai giai đoạn 2 với Dự án môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - TDA TP. Quy Nhơn với tổng vốn đầu tư hơn 55,3 triệu USD để mở rộng mạng lưới thu gom, nâng công suất nhà máy xử lý nước thải Nhơn Bình lên 28.000 m³/ngày.đêm.

- Dự án Phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định (ADB): Trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, Dự án đã xây dựng 6,0 km đường và 01 cầu trên sông nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống giao thông, kết nối trung tâm thị xã An Nhơn với các xã, phường và Quốc lộ 19 nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, giao thương hàng hóa với thị trường, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tốt hơn với các khu công nghiệp, trung tâm hành chính, y tế, giáo dục; đặc biệt cải thiện khả năng tiếp cận về thời gian và độ an toàn cho người dân các khu vực tới các trung tâm hành chính trong mùa mưa, bão trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt. Dự án đã thực hiện hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2018.

- Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định (WB): Mục tiêu của dự án nhằm hỗ trợ tỉnh Bình Định khắc phục hậu quả thiên tai thông qua việc tái thiết các công trình hạ tầng ưu tiên thiệt hại nặng nề bởi bão lụt năm 2016 và tăng cường khả năng đề ứng phó hiệu quả đối với các vấn đề thiên tai trong tương lai. Trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, Dự án đã đầu tư khắc phục hư hỏng đối với các công trình hạ tầng giao thông để phục vụ việc đi lại của nhân dân, giao thương hàng hóa, phát triển sản xuất, phát triển kinh tế. Dự án đã xây dựng mới 10 cầu trên các tuyến đường huyện và đường tỉnh; Sửa chữa, nâng cấp 09 tuyến đường liên xã, liên huyện, đường tỉnh bị hư hỏng nặng trên địa bàn tỉnh Bình Định với tổng chiều dài 110km. Dự án đã triển khai thực hiện từ năm 2017 và hoàn thành năm 2021.

- Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - tỉnh Bình Định, vay vốn ADB: Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-TTg ngày 29/6/2020. Thời gian thực hiện dự án từ năm 2020 - 2026. Quy mô dự án gồm (i) Hợp phần 1 đầu tư xây dựng 03 tuyến đường giao thông liên xã, liên huyện với chiều dài 76,9 km kết nối Quốc lộ 19, Quốc lộ 1A và huyện KBang tỉnh Gia Lai, trên địa bàn 04 huyện phục vụ cho 18.858 hộ dân; (ii) Hợp phần 2 cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số bao gồm Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn 5, 6 xã An Trung; sửa chữa, nâng cấp khu nhà máy xử lý và mở rộng mạng lưới đường ống của hệ thống cấp nước sinh hoạt Sông Vồ để cấp nước cho thị trấn An Lão, xã An Hưng, An Tân và An Hòa. Sau khi dự án thực hiện hoàn thành sẽ cải thiện cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển kinh

tế, giảm nghèo và bất bình đẳng cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Như vậy, đã có một số Dự án ODA cùng lĩnh vực tại Bình Định đã và đang thực hiện đem lại hiệu quả rõ rệt, góp phần tích cực vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương, đồng thời đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường đô thị, nâng cao nhận thức của cộng đồng về giữ gìn và bảo vệ môi trường.

Tóm lại, trong nhiều năm trở lại đây, tỉnh Bình Định đã có nhiều nỗ lực trong việc thu hút đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật như phát triển giao thông, thủy lợi, cấp nước sạch, hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn bằng nhiều nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ, vốn địa phương và nguồn vốn ODA. Nhiều dự án đã và đang hoàn thành góp phần phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Tuy nhiên, việc phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng còn rất nhiều việc cần phải làm với chi phí đầu tư lớn, cần phải huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng để phát triển kinh tế xã hội bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Nhà tài trợ nước ngoài dự kiến: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD).

AFD là nhà tài trợ vốn ODA và vay ưu đãi hàng đầu của Việt Nam, đã giúp Việt Nam thực hiện thành công rất nhiều các chương trình Quốc gia về xóa đói giảm nghèo, phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, nâng cao điều kiện sống của nhân dân. Tại tỉnh Bình Định, AFD đã tài trợ cho tỉnh triển khai rất hiệu quả dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi tỉnh Bình Định và Hưng Yên, tiểu dự án Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn.

Thời gian vừa qua, AFD đã hỗ trợ đầu tư cho nhiều tỉnh thành và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, đảm bảo lợi ích cũng như sự phát triển bền vững cho các thành phố tham gia dự án. Tiêu chí và mục đích tài trợ của AFD cũng phù hợp với đặc điểm, đề xuất và yêu cầu của dự án. Trong những năm qua, AFD đã chú trọng đầu tư nhiều lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo... cho rất nhiều địa phương ở Việt Nam. Các dự án này đã và đang thu được những kết quả rất khả quan và tích cực.

Lý do khác để lựa chọn là các lợi thế của AFD về mặt công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách là AFD đã chứng tỏ là một nhà tài trợ có kinh nghiệm và hiệu quả được Chính phủ Việt Nam và quốc tế đánh giá cao. Các dự án do AFD tài trợ từ khâu chuẩn bị đến giai đoạn thực hiện là một lợi thế lớn, đảm bảo sự thành công của dự án. Dự án không chỉ đảm bảo về vốn mà còn nhận được sự hỗ trợ tích cực của AFD trong lĩnh vực cải cách thể chế, tăng cường năng lực quản lý.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Mục tiêu, địa điểm, quy mô, phạm vi của chương trình, dự án:

(Mô tả mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể và địa điểm, quy mô, phạm vi của chương trình, dự án).

1.1. Mục tiêu tổng quát của dự án:

Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao sức khỏe của người dân thông qua việc hoàn thiện hạ tầng các đô thị, tạo cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.

1.2. Mục tiêu cụ thể của dự án:

Đầu tư xây dựng các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật – công trình thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tại thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn thải ra môi trường, góp phần hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng, tạo cảnh quan đô thị nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển của các đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và bảo vệ môi trường.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án

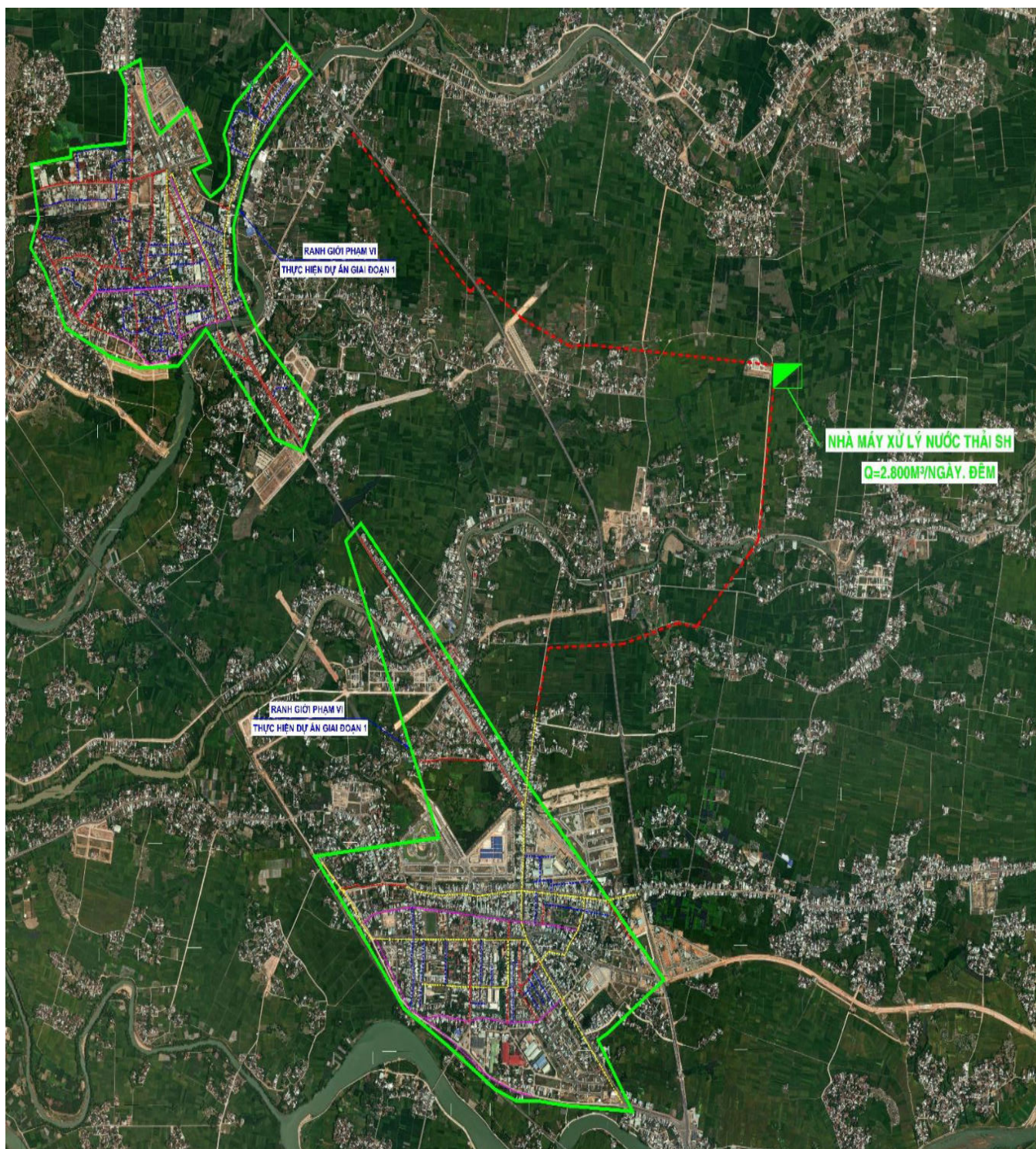
Thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Quy mô, phạm vi thực hiện dự án:

Trên cơ sở nội dung quy hoạch phát triển đô thị và nhu cầu thực tế tại các địa phương, đề xuất dự án lập cho nhu cầu phát triển đô thị đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Dự án gồm 03 Dự án thành phần, được triển khai trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, với quy mô cụ thể như sau:

a. Dự án thành phần 1: Xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải cho thị xã An Nhơn

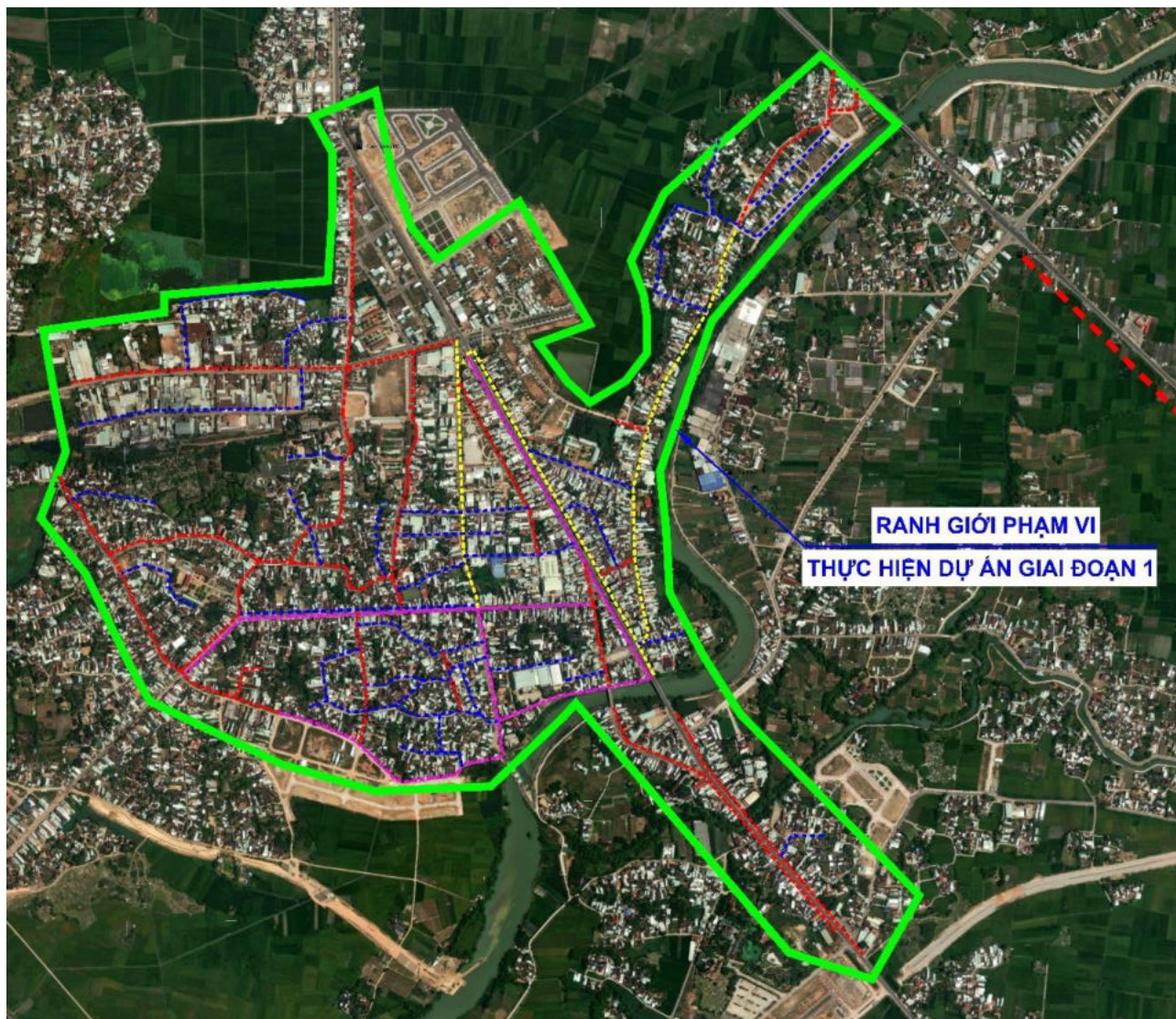
- **Thu gom xử lý nước thải:** Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại xã Nhơn An với công suất **5.000 m³/ngày.đêm** và hệ thống đường ống, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại các phường Bình Định, Nhơn Hưng, Đập Đá, xã Nhơn Hậu và các khu vực lân cận, với dân số phục vụ khoảng **34.428 người**.



Hình 12: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực thị xã An Nhơn



Hình 13: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực phường Bình Định và một phần phường Nhơn Hưng

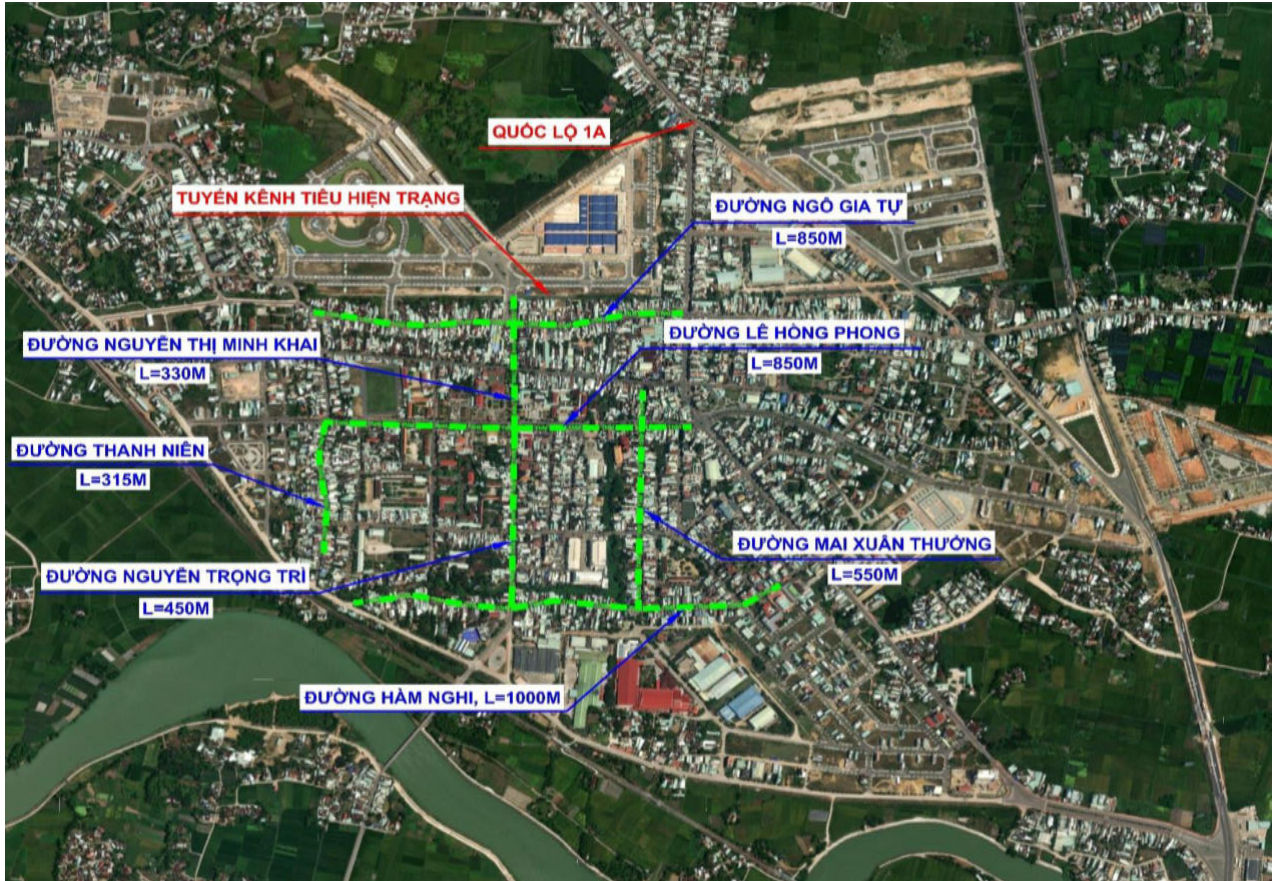


Hình 14: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực phường Đập Đá và một phần phường Nhơn Hưng

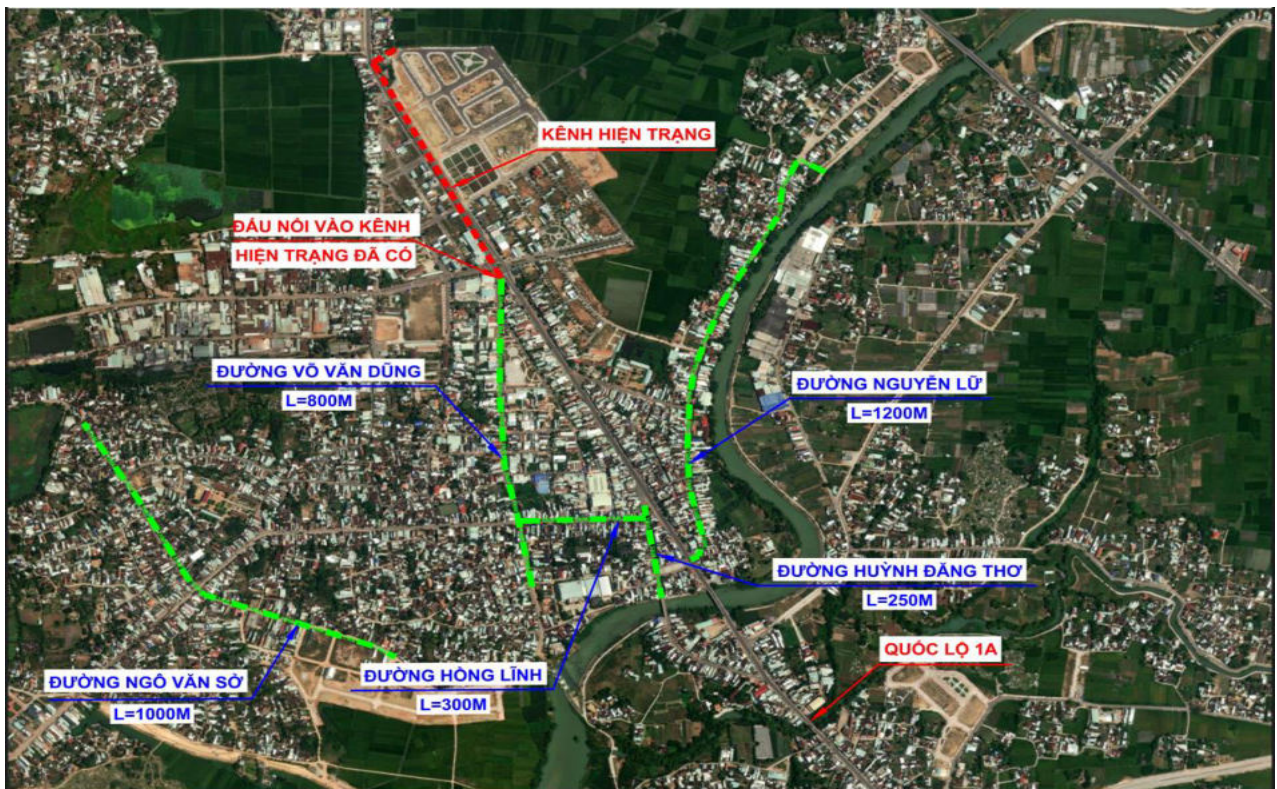
- **Thoát nước mưa:** Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Bình Định và Đập Đá, với tổng chiều dài khoảng **7.900 m**. Hình thức xây dựng là xây mới các đoạn chưa có cống; đối với các đoạn đã có cống nhưng bị xuống cấp, mặt cắt nhỏ không đảm bảo thoát nước do nhu cầu phát triển đô thị hiện nay sẽ được đánh giá lại, sửa chữa nâng cấp. Hệ thống cống đầu tư xây dựng, nâng cấp được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa sẵn có đồng bộ, xả ra sông tự nhiên qua các cửa xả sẵn có. Các tuyến đường đề xuất đầu tư gồm:

+ Khu vực phường Bình Định: Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Hàm Nghi, Thanh Niên, Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Thị Minh Khai và Mai Xuân Thương.

+ Khu vực phường Đập Đá: Võ Văn Dũng, Hồng Lĩnh, Huỳnh Đăng Thơ, Ngô Văn Sở và Nguyễn Lữ.



Hình 15 Mặt bằng phạm vi thoát nước mưa khu vực phường Bình Định



Hình 16: Mặt bằng phạm vi thoát nước mưa khu vực phường Đập Đá

b. Dự án thành phần 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải cho thị xã Hoài Nhơn

*** Khu vực Bồng Sơn:**

- **Thu gom và xử lý nước thải:** Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại Thiết Đính với công suất $1.400\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ và hệ thống đường ống, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại phường Bồng Sơn, với dân số phục vụ khoảng **10.482 người**.



Hình 17: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực phường Bồng Sơn và các khu vực lân cận

- **Thoát nước mưa:** Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Bồng Sơn, với tổng chiều dài khoảng **4.50 m**. Hình thức xây dựng là xây mới các đoạn chưa có cống; đối với các đoạn đã có cống

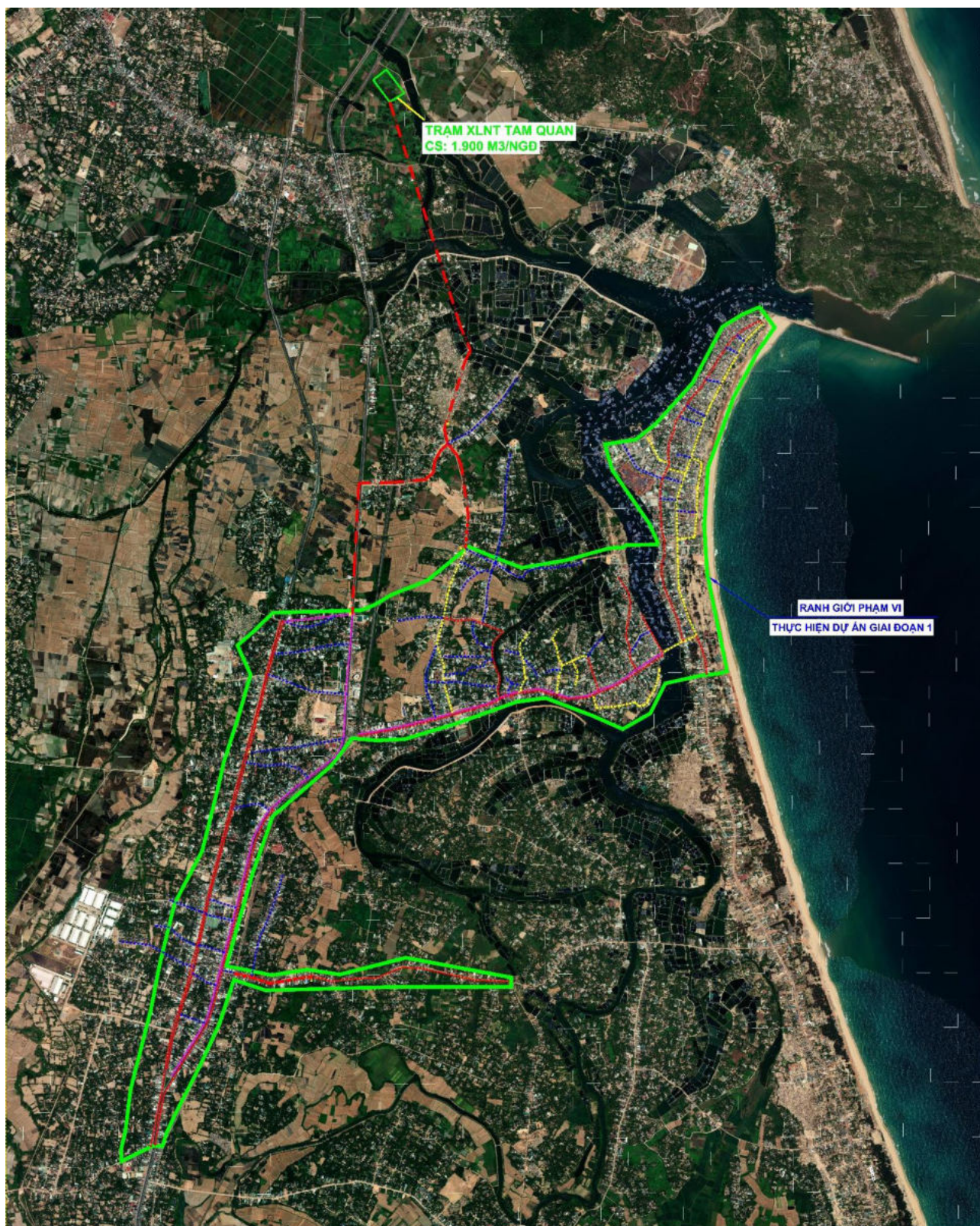
nhưng bị xuống cấp, mặt cắt nhỏ không đảm bảo thoát nước do nhu cầu phát triển đô thị hiện nay sẽ được đánh giá lại, sửa chữa nâng cấp. Hệ thống cống đầu tư xây dựng, nâng cấp được đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa sẵn có đồng bộ, xả ra sông tự nhiên qua các cửa xả sẵn có. Các tuyến đường đề xuất đầu tư gồm: Trần Hưng Đạo, Biên Cương, Trần Phú và Tuyến nối Khu hành chính đến Quốc lộ 1A.



Hình 18: Mặt bằng phạm vi thoát nước mưa khu vực phường Bồng Sơn

*** Khu vực Tam Quan:**

- **Thu gom và xử lý nước thải:** Xây dựng 01 nhà máy xử lý nước thải tại xã Hoài Châu Bắc với công suất **1.900 m³/ngày.đêm** và hệ thống đường ống, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại phường Tam Quan, Tam Quan Bắc, dân số phục vụ khoảng **14.487 người**.



Hình 19: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực phường Tam Quan và các khu vực lân cận

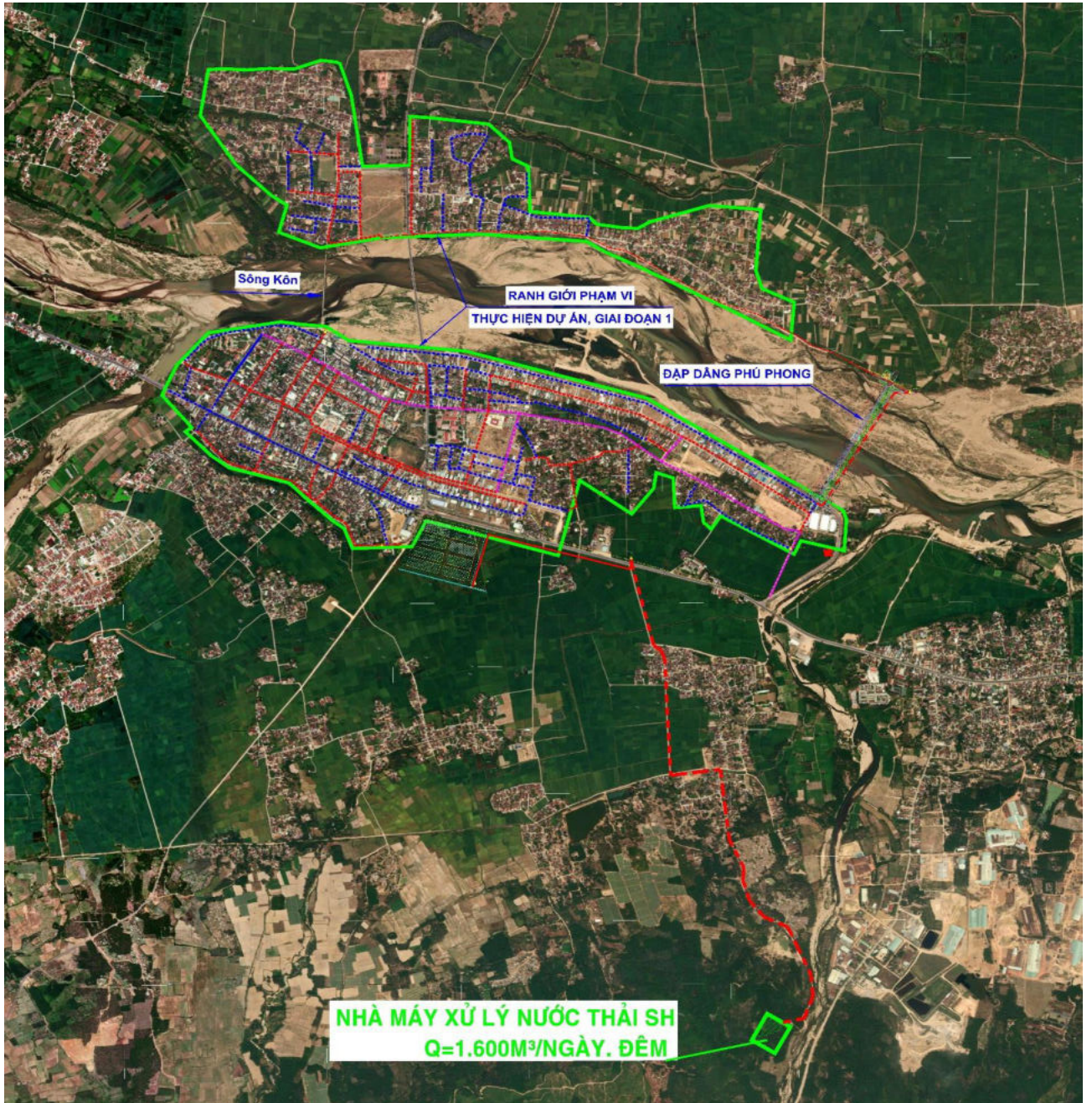
- **Thoát nước mưa:** Xây dựng, cải tạo hạ tầng thoát nước mưa tại các khu đô thị hiện hữu thường xuyên bị ngập của phường Tam Quan, với tổng chiều dài khoảng **2.000 m**. Hình thức xây dựng là xây mới các đoạn chưa có cống; đối với các đoạn đã có cống nhưng bị xuống cấp, mặt cắt nhỏ không đảm bảo thoát nước do nhu cầu phát triển đô thị hiện nay sẽ được đánh giá lại, sửa chữa nâng cấp. Hệ thống cống đầu tư xây dựng, nâng cấp được đấu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa sẵn có đồng bộ, xả ra sông tự nhiên.



Hình 20: Mặt bằng phạm vi thoát nước mưa khu vực phường Tam Quan Bắc

c. Dự án thành phần 3: Xây dựng cơ sở hạ tầng thu gom và xử lý nước thải cho huyện Tây Sơn

Xây dựng nhà máy xử lý nước thải công suất **1.600m³/ngày.đêm** tại xã Tây Xuân và hệ thống đường ống, trạm bơm tăng áp để thu gom xử lý nước thải khu vực đô thị hiện hữu, các khu dân cư đông đúc tại thị trấn Phú Phong, dân số phục vụ khoảng **12.080 người**.



Hình 21: Mặt bằng phạm vi thu gom và xử lý nước thải khu vực thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn và các khu vực lân cận

Giai đoạn 2 (2030-2035): Giai đoạn 1 dự kiến thực hiện hoàn thành và kết thúc đưa vào hoạt động vào năm 2029. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ đánh giá hiệu quả, mức độ đáp ứng theo yêu cầu đề ra, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm thực tiễn. Từ đó sẽ đề xuất thực hiện giai đoạn 2 của dự án giai đoạn (2030-2035) theo quy hoạch cho phù hợp với thực tế phát triển đô thị hiện tại, đảm bảo hiệu quả.

1.5. Lựa chọn công nghệ xử lý xử lý nước thải:

Các công nghệ xử lý nước thải hiện nay sử dụng phổ biến, gồm:

- Công nghệ SBR: (Sequencing batch reactor) là công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt với phản ứng sinh học theo mẻ, gồm 2 cụm bể: Selector và C- tech.

- Công nghệ AO (Anoxic – Oxic): là công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt mới nhất hiện nay, được áp dụng để xử lý các chất dinh dưỡng chủ yếu như nitơ và photpho có trong nước thải. Công nghệ AO có hai bể chính là bể hiếu khí và thiếu khí, tương ứng lần lượt đi kèm với quá trình nitrate hóa ở bể hiếu khí và khử nitrate hóa ở bể thiếu khí.

- Công nghệ AAO (Anaerobic – Anoxic – Oxic): là quá trình xử lý sinh học liên tục sử dụng các hệ vi sinh vật kỵ khí, yếm khí và hiếu khí để phân hủy các chất ô nhiễm trong nước thải.

- Công nghệ MBBR (Moving Bed Biofilm Reactor): là công nghệ xử lý nước thải sử dụng liệu làm giá thể cho vi sinh vật dính bám để tăng trưởng và phát triển. Quá trình xử lý sinh học hiệu quả MBBR thông qua sự kết hợp của quá trình bùn than hoạt tính và màng sinh học.

Qua nghiên cứu, dự kiến chọn Công nghệ AAO để áp dụng sử dụng cho Dự án. Công nghệ AAO được ứng dụng khá phổ biến hiện nay trong việc xử lý các loại hình nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao như: nước thải sinh hoạt, nước thải bệnh viện, nước thải ngành chế biến thủy hải sản, nước thải ngành sản xuất bánh kẹo - thực phẩm... Ưu điểm của công nghệ xử lý nước thải AAO:

+ Nhờ quá trình xử lý yếm khí (Anoxic) nên có khả năng xử lý nitơ và photpho rất hiệu quả, phù hợp với nước thải có độ ô nhiễm cao;

+ Xử lý triệt để các chất ô nhiễm có trong nước thải như: COD, BOD, nitơ, photpho, ...;

+ Công nghệ AAO giúp giảm các chất hữu cơ cũng như các chất dinh dưỡng dư thừa;

+ Chi phí đầu tư xây dựng hệ thống AAO tương đối thấp;

+ Lượng bùn thải phát sinh thấp;

+ Chất lượng nước có thể đạt chuẩn A theo thiết kế;

+ Tiêu thụ ít năng lượng.

2. Dự kiến kết quả chính của dự án.

- Thiết kế theo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng, QCVN 07-2:2023/BXD-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7957:2023 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Chất lượng nước thải tại thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn được thu gom xử lý, đầu ra nguồn tiếp nhận đạt cột A QCVN 14/2008/BTNMT Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nước mưa đô thị tại thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn được thoát đảm bảo không ngập theo tần suất thiết kế.

3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị dự án: Năm 2025-2026.

- Thực hiện dự án: Năm 2026-2029.

- Thời gian vận hành: Từ năm 2029.

4. Dự kiến tổng mức, cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án và đề xuất cơ chế tài chính

4.1. Tổng mức vốn đầu tư

a. Cơ sở xác định tổng mức đầu tư:

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 816/QĐ-BXD ngày 22/8/2024 của Bộ Xây dựng về công bố Suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2023.

- Dữ liệu về chi phí của một số dự án tương tự thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Xác định sơ bộ phạm vi, nội dung, khối lượng thực hiện của dự án.

b. Tổng mức vốn đầu tư: 1.496,00 tỷ đồng (tương đương 56,25 triệu EURO/ 61,69 triệu USD), trong đó:

STT	Khoản mục chi phí	Đ. vị	K/lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	XÂY LẮP				1.173.600.000.000
I.1	THỊ XÃ AN NHƠN				498.900.000.000
A	Nước thải				409.269.154.709
1	Ống HDPE DN300x18,7mm	m	11.055	1.466.870	16.216.247.850
2	Ống HDPE DN400x26,7mm	m	12.716	2.806.267	35.684.491.172
3	Ống HDPE DN500x33,2mm	m	6.897	4.558.054	31.436.898.438
4	Ống HDPE DN600x37,4mm	m	15.688	5.735.316	89.975.637.408
5	Mạng lưới cấp 3 DN200	m	9.300	830.340	7.722.162.000
6	Giếng thăm	hố	2.403	11.923.388	28.651.901.364

STT	Khoản mục chi phí	Đ. vị	K/lượng	Đơn giá	Thành tiền
7	Áp lực DN300	m	6.950	1.718.825	11.945.833.750
8	Hoàn trả	m	55.656	1.055.304	58.733.982.727
9	Hỗ trợ đầu nôi	hộ	9.837	1.000.000	9.837.000.000
10	Trạm bơm nước thải	Trạm	10	500.000.000	5.000.000.000
11	Nhà máy XLNT	m3	5.000	22.813.000	114.065.000.000
B	Nước mưa				89.620.848.400
1	Bình Định	m	4.345	8.000.000	34.760.000.000
2	Đập Đá (trục thoát chính)	m	2.350	20.000.000	47.000.000.000
3	Đập Đá (trục thoát phụ)	m	1.200	6.550.707	7.860.848.400
II.2	THỊ XÃ HOÀI NHƠN				411.700.000.000
II.2.1	Khu vực Tam Quan				220.594.109.071
A	Nước thải				207.492.695.071
1	Ống HDPE DN300x18,7mm	m	12.318	1.613.557	19.875.795.126
2	Ống HDPE DN400x26,7mm	m	10.791	3.086.893	33.310.662.363
3	Ống HDPE DN500x33,2mm	m	8.196	5.013.859	41.093.588.364
4	Mạng lưới cấp 3 DN200	m	10.250	913.374	9.362.083.500
5	Giếng thăm	hố	1.252	13.115.727	16.420.890.204
6	Áp lực DN300	m	4.506	1.890.707	8.519.525.742
7	Hoàn trả	m	41.555	527.651	21.926.549.772
8	Hỗ trợ đầu nôi	hộ	4.139	1.000.000	4.139.000.000
9	Trạm bơm nước thải	Trạm	6	500.000.000	3.000.000.000
10	Nhà máy XLNT Tam Quan	m3	1.900	26.234.000	49.844.600.000
B	Nước mưa	m	2.000	6.550.707	13.101.414.000
II.2.2	Khu vực Bồng Sơn				191.105.087.690
A	Nước thải				161.823.427.400
1	Ống HDPE DN300x18,7mm	m	12.857	1.613.557	20.745.502.349
2	Ống HDPE DN400x26,7mm	m	6.934	3.086.893	21.404.516.062
3	Ống HDPE DN500x33,2mm	m	2.370	5.013.859	11.882.845.830
4	Ống HDPE DN600x37,4mm	m	1.280	6.308.847	8.075.324.160
5	Mạng lưới cấp 3 DN200	m	8.100	913.374	7.398.329.400
6	Giếng thăm	hố	811	13.115.727	10.636.854.597
7	Áp lực DN300	m	3.000	1.890.707	5.672.121.000

STT	Khoản mục chi phí	Đ. vị	K/lượng	Đơn giá	Thành tiền
8	Hoàn trả	m	31.541	1.055.304	33.285.334.002
9	Hỗ trợ đầu nối	hộ	2.995	1.000.000	2.995.000.000
10	Trạm bơm nước thải	Trạm	6	500.000.000	3.000.000.000
11	Nhà máy XLNT Bồng Sơn	m3	1.400	26.234.000	36.727.600.000
B	Nước Mưa	m	4.470	6.550.707	29.281.660.290
I.3	HUYỆN TÂY SƠN				263.000.000.000
1	Ống DN 300	m	13.751	1.613.557	22.188.022.307
2	Ống DN400	m	12.322	3.086.893	38.036.695.546
3	Ống DN 500	m	3.960	5.013.859	19.854.881.640
4	Áp lực DN200	m	2.750	206.931	569.060.250
5	Áp lực DN300	m	3.150	1.157.844	3.647.208.600
6	Mạng lưới cấp 3 DN300	m	10.500	1.613.557	16.942.348.500
7	Giếng thăm	Giếng	1.051	13.115.727	13.784.629.077
8	Hoàn trả	m	46.433	2.110.607	98.001.833.404
9	Hỗ trợ đầu nối	hộ	3.451	1.000.000	3.451.000.000
10	Trạm bơm nước thải	Trạm	9	500.000.000	4.500.000.000
11	Nhà máy XLNT	m3	1.600	26.234.000	41.974.400.000
II	Chi phí thiết bị				100.000.000.000
III	Bồi thường, GPBM				26.000.000.000
IV	Các khoản chi khác				196.400.000.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (I+II+III+IV)					1.496.000.000.000

Bảng tổng mức đầu tư phân theo địa phương

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (triệu đồng)			Tổng cộng
		Thị xã An Nhơn	Thị xã Hoài Nhơn	H. Tây Sơn	
I	Xây lắp	498.951	411.699	262.950	1.173.600
II	Thiết bị	40.000	40.000	20.000	100.000
III	Bồi thường, GPMB	10.000	10.000	6.000	26.000
IV	Các chi phí khác	83.453	68.925	44.022	196.400
	TMDT (I+II+III+IV)	632.404	530.624	332.972	1.496.000

Cơ cấu Tổng mức vốn đầu tư:

Bảng cơ cấu Tổng mức đầu tư quy đổi qua đồng Euro									
T T	Khoản mục chi phí	Giá trị (tỷ VNĐ)				Giá trị (triệu EURO)			
		Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	26,00			26,00	0,98	-	-	0,98
2	Chi phí xây dựng	1.173,54	1.056,19		117,35	44,13	39,72		4,41
3	Chi phí thiết bị	100,00	90,00		10,00	3,76	3,38		0,38
4	Chi phí quản lý dự án	12,74			12,74	0,48			0,48
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	53,40		7,98	45,42	2,01		0,30	1,71
6	Chi phí khác	29,34			29,34	1,10			1,10
7	Chi phí dự phòng	100,97			100,97	3,79			3,79
	Tổng cộng	1.496,00	1.146,19	7,98	341,82	56,25	43,10	0,30	12,85

Bảng cơ cấu Tổng mức đầu tư quy đổi qua đồng USD									
T T	Khoản mục chi phí	Giá trị (tỷ VNĐ)				Giá trị (triệu USD)			
		Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	26,00			26,00	1,07	-	-	1,07
2	Chi phí xây dựng	1.173,54	1.056,19		117,35	48,40	43,56	-	4,84
3	Chi phí thiết bị	100,00	90,00		10,00	4,12	3,70	-	0,41

Bảng cơ cấu Tổng mức đầu tư quy đổi qua đồng USD									
T T	Khoản mục chi phí	Giá trị (tỷ VNĐ)				Giá trị (triệu USD)			
		Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng	Tổng	Vốn ODA	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
4	Chi phí quản lý dự án	12,74			12,74	0,53	-	-	0,53
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	53,40		7,98	45,42	2,20	-	0,33	1,87
6	Chi phí khác	29,34			29,34	1,21	-	-	1,21
7	Chi phí dự phòng	100,97			100,97	4,16	-	-	4,16
	Tổng cộng	1.496,00	1.146,19	7,98	341,82	61,69	47,26	0,33	14,10

Các nội dung đầu tư từ nguồn vốn vay ODA đảm bảo tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 29/6/2019, cụ thể vốn vay ODA chỉ sử dụng cho các hoạt động xây lắp và thiết bị (không bao gồm phần thuế).

Cơ cấu các nguồn vốn

- Vốn vay ODA Trung ương cấp phát dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn vay ODA tỉnh vay lại dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 7,98 tỷ đồng (tương đương 0,3 triệu EURO/ 0,33 triệu USD).

- Vốn đối ứng dự kiến: 341,82 tỷ đồng (tương đương 12,85 triệu EURO/ 14,10 triệu USD).

4.2. Điều kiện và điều khoản vay:

Điều kiện vay AFD thông báo áp dụng cho 6 tháng đầu năm 2024 tại Thư số D2024-90/HP ngày 06/3/2024 như sau:

- Lãi suất vay: Euribor 6 tháng (mức lãi suất Euribor 6 tháng vào ngày 28/02/2024 là 2,78%/năm) +0,25%/năm;

- Thời hạn vay: 20 năm (bao gồm 07 năm ân hạn);

- Đồng tiền vay: Euro;

- Phí thẩm cứu: 0,4% trị giá khoản vay;

- Phí cam kết: 0,35% trị giá chưa rút vốn.

4.3. Đề xuất cơ chế tài chính trong nước, dự kiến tiến độ giải ngân hàng năm:

a. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA

Điều kiện cung cấp vốn vay ODA đối với dự án sẽ được thể hiện cụ thể trong Hiệp định vay vốn ký với Chính phủ Việt Nam và sự đáp ứng của Việt Nam đối với các điều kiện ràng buộc của nhà tài trợ cũng sẽ được xem xét trong quá trình thương thảo để ký Hiệp định vay vốn.

Để tài trợ cho dự án, nhà tài trợ (dự kiến AFD) có những yêu cầu và ràng buộc rất cụ thể, như: Việc xây dựng dự án phải đáp ứng những mục đích ban đầu đã được thống nhất và theo một trật tự có tiến độ thời gian nghiêm ngặt; Có sự tham gia đóng góp vốn đối ứng từ phía chính quyền địa phương; Toàn bộ quá trình chuẩn bị thực thi dự án phải được tiến hành một cách công khai và minh bạch. Các quy định mới về đấu thầu mua sắm hàng hóa của nhà tài trợ (dự kiến AFD) cũng được áp dụng.

Nhà tài trợ (dự kiến AFD) yêu cầu phải thực hiện chính sách về an toàn môi trường và an toàn xã hội. Chính sách an toàn về môi trường liên quan đến việc đánh giá và tìm biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án tới môi trường xung quanh để đảm bảo sự phát triển bền vững. Chính sách an toàn về xã hội liên quan đến chính sách đền bù, tái định cư đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án.

Nhìn chung, Việt Nam là nước thực hiện rất nhiều dự án có nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, trong đó có AFD, vì vậy việc đáp ứng các yêu cầu ràng buộc của AFD với Dự án đề xuất sẽ nằm trong khuôn khổ ràng buộc như đối với các dự án khác mà phía Việt Nam đã và đang thực hiện. Các yêu cầu, ràng buộc của AFD cũng là những quy định của Việt Nam trong quá trình thực hiện dự án thông qua các Luật như: Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu; Luật Phòng, chống tham nhũng và các nghị định quy định chi tiết một số điều của các luật này.

b. Cơ chế tài chính phần vốn ODA

Cơ chế tài chính trong nước đối với khoản vay ODA từ nguồn vay AFD;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 1424/BTC-QLN ngày 15/02/2023 của Bộ Tài chính về việc thông báo tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cụ thể cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn ổn định ngân sách từ 2023-2025;

Căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí nêu trên, Bình Định thuộc diện vay lại 50%, Trung ương cấp phát 50%. Tổng nguồn vốn vay ODA là 43,10 triệu Euro/ 47,26 triệu USD. Đề xuất cơ chế như sau:

- Vốn vay ODA Trung ương cấp phát dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn vay ODA tỉnh vay lại dự kiến: 573,1 tỷ đồng (tương đương 21,55 triệu EURO/ 23,63 triệu USD).

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 7,98 tỷ đồng (tương đương 0,3 triệu EURO/ 0,33 triệu USD).

- Vốn đối ứng dự kiến: 341,82 tỷ đồng (tương đương 12,85 triệu EURO/ 14,10 triệu USD).

4.4. Phương án cân đối nguồn trả nợ:

a. Đánh giá khả năng vay lại của tỉnh Bình Định:

i) Điều kiện được vay lại:

Theo các quy định của Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017, Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết Luật Ngân sách, để UBND cấp tỉnh được vay lại vốn vay ODA phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương do cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật;

- Chương trình, dự án đầu tư nêu trên có sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;

- Không có nợ vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài quá hạn trên 180 ngày;

- Mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm đề nghị vay lại không vượt quá mức hạn mức dư nợ được phép;

- Ngân sách địa phương cam kết trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

ii) Khả năng đáp ứng điều kiện vay lại của tỉnh Bình Định:

- Hạn mức vay tối đa của tỉnh Bình Định năm 2023: 3.647.800 triệu đồng.
- Kế hoạch trả nợ của tỉnh năm 2023: 43.853 triệu đồng.
- Kế hoạch vay năm 2023: 132.200 triệu đồng.
- Tổng dư nợ dự kiến đến cuối năm 2023: 433.135 triệu đồng.

Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với dư nợ vay tối đa của địa phương là 13,1%.

Về tỷ lệ vay lại của ngân sách tỉnh Bình Định là 50% theo Thông báo số 1424/BTC-QLN ngày 15/02/2023 của Bộ Tài chính.

Hạn mức vay dự kiến của địa phương năm 2021 - 2025:

- Dư nợ vay dự kiến cuối năm 2023: 433.135 triệu đồng (1).
- Hạn mức vay tối đa dự kiến của tỉnh năm 2025: 4.161.900 triệu đồng (2).

Như vậy, so với dư nợ vay dự kiến cuối năm 2023, tỉnh Bình Định có khả năng bố trí kế hoạch vay lại cho các dự án trong giai đoạn 2021-2025 là $(2)-(1) = 3.728.765$ triệu đồng. Trong đó, nhu cầu bố trí kế hoạch vay lại của các dự án chuyển tiếp đang thực hiện từ giai đoạn 2016 - 2020 là 343.736 triệu đồng; còn lại 3.385.029 triệu đồng để bố trí cho các dự án khởi công mới.

Dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026 – 2030, do đó hạn mức vay lại của tỉnh sẽ được làm rõ hơn khi dự án được cấp thẩm quyền chấp thuận đề xuất cho nghiên cứu bước tiếp theo.

b. Cam kết bố trí vốn đối ứng, cam kết trả nợ

- *Cam kết bố trí vốn đối ứng:* UBND tỉnh Bình Định cam kết bố trí đủ vốn đối ứng cơ cấu trong tổng mức đầu tư của dự án, phù hợp với cơ chế tài chính trong nước và quy định tại Khoản 2, Điều 44, Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài. Theo đó, vốn đối ứng có thể sử dụng cho các khoản chi gồm: chi phí cho phần thuế của phần xây lắp và thiết bị; chi phí cho hoạt động cho Ban quản lý dự án; chi phí tư vấn (chi phí khảo sát thiết kế, giám sát, chi phí thẩm định thiết kế, duyệt tổng dự toán, ...); các khoản chi phí liên quan khác; chi phí cho hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ quản lý và thực hiện chương trình, dự án; chi phí tuyên truyền, quảng cáo chương trình, dự án và các hoạt động cộng đồng; chi trả các loại thuế, phí hải quan, phí bảo hiểm theo quy định hiện hành; tiền trả lãi, tiền đặt cọc, phí cam kết và các loại phí liên quan khác phải trả cho phía nước ngoài; chi phí quyết toán, thẩm tra quyết toán hoàn thành; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư; chi phí cho hoạt động giám sát đánh giá; giám sát và kiểm định chất lượng, nghiệm thu, bàn giao, quyết toán chương trình, dự án; chi phí dự phòng và các chi phí hợp lý khác.

Tổng số vốn đối ứng của dự án là 341,82 tỷ đồng (tương đương 12,85 triệu EURO/ 14,10 triệu USD). UBND tỉnh Bình Định đảm bảo bố trí vốn đối ứng đủ để thực hiện dự án theo tiến độ từ nguồn ngân sách như nguồn tăng thu thuế, nguồn đấu giá quỹ đất, nguồn vượt thu ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

- *Cam kết trả nợ vay của địa phương*: UBND tỉnh Bình Định cam kết với Bộ Tài chính sẽ thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc, lãi và phí phát sinh đối với phần vốn vay cho dự án. Thời gian trả nợ thực hiện theo Điểm 1, Điều 7 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

+ Về tình hình thực hiện Kế hoạch vay, trả nợ giai đoạn 2021 – 2025: UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện kế hoạch vay, trả nợ 05 năm của địa phương đảm bảo tổng mức vay, trả nợ 05 năm của tỉnh Bình Định trong phạm vi kế hoạch được HĐND tỉnh Bình Định thống nhất. Hằng năm, địa phương luôn ưu tiên bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ, đúng hạn; dư nợ cuối năm của địa phương không vượt quá hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương.

+ Về Kế hoạch vay, trả nợ giai đoạn 2026 – 2030: theo quy định của Luật Quản lý nợ công thì Kế hoạch vay, trả nợ giai đoạn 2026 – 2030 sẽ được xây dựng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền vào năm 2024 nên hiện nay địa phương chưa có Kế hoạch vay, trả nợ 05 năm chính thức theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 9498/NKHĐT-KTĐN ngày 13/11/2023 về hướng dẫn rà soát, lập Đề xuất dự án nêu trên. Do đó, trên cơ sở kế hoạch rút vốn và trả nợ của các dự án sử dụng nguồn vốn vay của địa phương đã được HĐND tỉnh thông qua, Sở Tài chính dự kiến Kế hoạch vay, trả nợ giai đoạn 2026 – 2030, gửi Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham khảo, hoàn thiện đề xuất Dự án.

(Chi tiết kèm theo Văn bản số 1921/STC-QLNS ngày 07/6/2024 của Sở Tài chính Bình Định về việc phối giải trình một số nội dung theo ý kiến của các Bộ, ngành về hồ sơ đề xuất dự án Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải trên địa bàn thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và huyện Tây Sơn)

c. Nguồn ngân sách trả nợ:

Được sử dụng từ các nguồn tăng thu thuế, nguồn đấu giá quỹ đất, nguồn vượt thu ngân sách tỉnh và các nguồn hợp pháp khác để trả nợ.

5. Đánh giá tác động:

5.1. Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường (nếu có).

Khi dự án hoàn thành sẽ giúp giải quyết được vấn đề ngập đô thị do mưa, giải quyết được vấn đề thu gom và xử lý nước thải đảm bảo môi trường sống an toàn, tiện ích, qua đó tạo được ý thức sống lành mạnh cho dân cư. Từng bước hình thành và phát triển các đô thị Hoài Nhơn, An Nhơn trở thành các thành phố và nâng cấp huyện Tây Sơn thành thị xã, thu hút đầu tư phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung tâm

hành chính, dịch vụ, công nghiệp, giáo dục đào tạo. Qua đó đảm bảo cho sự phát triển của đô thị một cách bền vững theo hướng xanh sạch đẹp.

- Hiệu quả đối với môi trường không khí: Việc thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực sẽ hạn chế được đến mức tối đa khả năng xả nước thải trực tiếp vào nguồn nước tự nhiên như các kênh mương, đầm hồ, giảm được phần nhiều các yếu tố gây ô nhiễm cho các sông trong khu vực. Các khí thoát ra từ chất thải và nước thải sinh ra trong quá trình phân hủy chất hữu cơ tạo ra mùi khó chịu và độc hại sẽ được giảm bớt, loại bỏ sau xử lý.

- Hiệu quả đối với môi trường nước: Bùn và chất thải chứa các kim loại nặng, các chất có hại, các chất hữu cơ đậm đặc và các vi khuẩn mang mầm bệnh lơ lửng và lắng đọng trong các đầm hồ, kênh mương thoát nước và sông ngòi trực tiếp ảnh hưởng ngay đến chất lượng của các nguồn nước mặt và tạo nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Việc thu gom và xử lý nước thải sẽ giải quyết được các vấn đề nêu trên.

- Hiệu quả đối với hệ sinh thái: Hệ thống thoát nước mưa sau khi được xây dựng sẽ góp phần hạn chế tình trạng ngập úng cho khu vực đô thị, tăng cường khả năng tiêu thoát; phòng ngừa và ngăn chặn được lũ từ phía ngoài xâm nhập vào trung tâm các đô thị, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường. Việc cải thiện chất lượng nước thải của các đô thị sẽ có hiệu quả làm chất lượng các nguồn nước tốt lên, một phần chất thải rắn (phần lắng đọng và lơ lửng trong nước) được thu gom, không bị phân tán khắp nơi, ô nhiễm đất và không khí giảm, cải thiện môi trường sống của toàn bộ hệ động thực vật trong vùng. Kết quả là làm cho toàn bộ hệ sinh thái được cân bằng lành mạnh.

- Hiệu quả đối với giao thông và hạ tầng: Dự án bao gồm việc xây dựng các Hợp phần cống bao, cống thu gom nước thải, nước mưa, xây dựng cầu, các Hợp phần này sẽ kết hợp với các Hợp phần thoát nước mưa, đường giao thông được cải tạo. Góp phần nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực. Hơn nữa, giảm ngập úng góp phần quan trọng làm giảm các thiệt hại về cơ sở hạ tầng như đường giao thông và các công trình vật lý khác.

- Hiệu quả đối với sức khỏe cộng đồng và xã hội: Các hoạt động canh tác, chăn nuôi sẽ được đẩy mạnh do cây trồng và vật nuôi trở nên khỏe mạnh hơn, “sạch” hơn. Điều kiện sống và môi trường sống của dân cư trong vùng hưởng lợi được cải thiện rõ rệt, số người được hưởng lợi từ dự án sau khi hoàn thành. Các bệnh truyền nhiễm và các bệnh do môi trường được giảm thiểu, sức khỏe của người dân được đảm bảo. Dự án sẽ góp phần vào việc văn minh hóa các vùng đô thị, tạo nên cảnh quan đẹp hơn cho khu vực, góp phần đẩy mạnh việc phát triển các ngành du lịch, sản xuất, dịch vụ. Từ đó, người dân trong khu vực sẽ có nhiều việc làm hơn, dân trí được nâng lên, làm cho hệ thống xã hội phát triển bền vững hơn.

- Các lợi ích kinh tế có thể lượng hóa được bao gồm: i) giảm chi phí hóa đơn cho dịch vụ y tế; ii) giảm thiệt hại do ngập lụt; iii) giảm chi phí thông hút bể phốt; iv) gia tăng giá trị đất có được từ đầu tư xây dựng tuyến đường và cầu, ...

- Giảm các hoá đơn cho dịch vụ y tế: Các hộ gia đình hàng tháng cần chi tiêu khoảng 3%-5% cho các dịch vụ y tế. Trong đó, có đến 65% các bệnh liên quan đến môi trường như sốt xuất huyết, tiêu chảy, ngộ độc thực phẩm, bệnh da liễu, vv... Dự kiến các bệnh này có thể giảm thiểu 50% nếu dự án được thực hiện.

- Giảm thiệt hại do ngập lụt: Hàng năm số lần ngập lụt khoảng 2-4 lần/năm. Những phí tổn do ngập lụt bao gồm hư hỏng các phương tiện giao thông do ngập nước, hư hỏng nhà cửa và các tài sản khác, hư hỏng cơ sở hạ tầng đường, vv... Dự kiến sau khi cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa, số diện tích bị ngập lụt tại vùng dự án giải quyết triệt để.

5.2. Đánh giá sơ bộ tác động đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của cơ quan đề xuất:

Dự án này đã rà soát chặt chẽ, thận trọng trong đề xuất kế hoạch vốn vay của nhà tài trợ (dự kiến AFD) và vốn đối ứng địa phương theo các nguyên tắc sau:

- Dự án được bố trí vốn kế hoạch giai đoạn 2026 – 2030 là phù hợp với định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA của nhà tài trợ giai đoạn 2026 – 2030, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 và kế hoạch tài chính giai đoạn 2026 – 2030 của tỉnh Bình Định.

- Bố trí kế hoạch đầu tư vốn vay ODA, vốn ODA vay lại của tỉnh sẽ được cân đối trong ngân sách nhà nước cho dự án bảo đảm theo tiến độ ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng để đảm bảo tiến độ thực hiện các khoản chi khác và giải phóng mặt bằng theo quy định của Luật đất đai, quy định của nhà tài trợ.

- Dự án đã phân định rõ trách nhiệm và hạn mức giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài giữa trung ương và tỉnh theo đúng nhiệm vụ chi ngân sách từng cấp.

IV. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

PHỤ LỤC:

BẢNG TỔNG HỢP THỰC HIỆN CẮT GIẢM CÁC KHOẢN KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2024 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 119/NQ-CP NGÀY 07/8/2024 CỦA CHÍNH PHỦ

(kèm theo Văn bản số /UBND-TH ngày / /2024 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Nội dung	Số liệu đã báo cáo BTC tại Văn bản số 6467/UBND-TH ngày 21/8/2024 (triệu đồng)	Số điều chỉnh tăng/giảm theo QĐ phê duyệt của UBND các cấp (triệu đồng)	Số liệu sau điều chỉnh (triệu đồng)
Tổng cộng		63.430,970	493,778	63.924,748
I	Khởi tỉnh	40.372,691	120,805	40.493,496
II	Ngân sách huyện (bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn)	23.058,279	372,973	23.431,252
1	Thành phố Quy Nhơn	3.992,000	-447,000	3.545,000
2	Thị xã An Nhơn	3.936,239		3.936,239
3	Huyện Tuy Phước	2.167,000	-0,133	2.166,867
4	Huyện Tây Sơn	1.357,000		1.357,000
5	Huyện Phù Cát	4.489,967		4.489,967
6	Huyện Phù Mỹ	2.139,206	817,386	2.956,592
7	Huyện Hoài Ân	1.380,573		1.380,573
8	Thị xã Hoài Nhơn	1.367,000	-6,280	1.360,720
9	Huyện Vân Canh	849,585		849,585
10	Huyện Vĩnh Thạnh	740,290		740,290
11	Huyện An Lão	639,419	9,000	648,419